



Kiểm duyệt số 3070/UBKD ngày 5-6-1963  
 Kiểm nhận số 245/BYT ngày 20-6-11-63

Nhà Thuốc MAC-PHSU trân trọng lưu ý quý vị thân chủ xa gần, khách hàng bốn phương lúc nào cần mua 1 ve Dầu Cù-Là MAC-PHSU nên xem kỹ từ hộp đến ve dầu qua những đặc điểm vừa trình bày.

Trước nhất, xin quý vị xem hai « Nhãn Cầu Chứng » hình tròn dán trên và dưới hộp số 1 và số 2 còn thật nguyên vẹn. Sau khi mở hộp ra, xem tiếp bằng « Giấy Bảo Đảm MAC-PHSU » dán ngang qua nắp ve dầu chưa bị đứt đoạn thì mới tin chất dầu bên trong đúng là phẩm được do Nhà Thuốc MAC-PHSU bào chế.

Tốt hơn hết, quý vị nên mua Dầu Cù-Là MAC-PHSU trong các Tiệm Thuốc Hoa Việt hoặc tìm ngay nơi các Đại Lý MAC-PHSU là chắc ý.

Hiện giờ còn một số Dầu Cù Là MAC - PHSU đang bày dán trên thị trường chưa dán thêm Nhãn tròn ngoài hộp và Giấy Bảo Đảm trong ve, đó là số Dầu Cù-Là đã phát hành trước khi có Bối Cảnh này. Lần lượt Nhà Thuốc MAC-PHSU sẽ đổi lại số dầu ấy cho phù hợp với hình thức mới.

KÍNH CÁO,

Nhà Thuốc **MAC-PHSU**

205, đường Lê - Thánh - Tôn Saigon

W 186521

# PHỔ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHÂN XÂY DỰNG VĂN-HOÀ VIỆT NAM  
 PHỒ BIÊN VĂN HOÀ ĐÔNG-TÂY KIM-CO

Giám-đốc, Chủ-bút: Nguyễn-Vỹ

Tòa-soạn: 233, đường Phạm-Ngũ-Lão, Saigon — Đ.T. 25.861

Ty Quản-lý: 531, Đại-lộ Trần-hưng-Đạo — Saigon

NĂM THỨ V ★ SỐ 111 ★ 15 - 9 - 63

1.—		7
2.— Hai ngàn năm xưa, người Tàu đã biết	Nguyễn-Triệu	8 — 9
3.— Clementine Churchill	Thiếu Sơn	10 — 16
4.— Những ngôi sao (truyện dịch)	Duyên-Hồng	17 — 22
5.— Chạy đua lên Cung Tràng	Sở-thợ g-Giang	23 — 30
6.— Tổ-Quốc và tình-yêu (thơ)	Hoài-viên-P ương	31
7.— Cuộc đời trong tâm kính	Trọng-Tấu	32 — 35
8.— Kiếp sống, ngộ-ngàng (thơ)	Huy — Z.Đăng	36
9.— Ca-dao nhà Tây-sơn	Trần-nhâm Thân	37 — 41
10.— Chờ xem, Đềm-tướng (thơ)	Hương — Thy	42
11.— Tuấn, chàng trai nước Việt	Nguyễn-Vỹ	43 — 46
12.— Những người đàn bà lưng danh	Tân-Phong	47 — 51
13.— Đi đòi nợ (truyện ngắn)	Nguyễn-tàng-Liên	52 — 56
14.— Tiếng trúc (thơ)	Lê-Tri	57
15.— Những bí mật trong thế chiến	Thiếu-Sơn	58 — 62
16.— Người Tàu đã biết dùng (t.t)	Nguyễn-Triệu	63 — 64
17.— Tiếng nói của gái và trai thế hệ	Phồ-Thông	65 — 77
18.— Lưu Phồ-Thông, Bao giờ . . (thơ)	Toàn — Duyên	78

19.— Chữ Nhân trong Không-Học . . . . .	Bs. Trương-Quý-Lâm	79 — 82
20.— Tao-Đàn Bạch-Nga trả lời . . . . .	B.N.	83
21.— Thơ huyền diệu (T.Đ.B.N.) . . . . .	Đào-thanh-Khiết	84
22.— Bức tranh say (T.Đ.B.N.) . . . . .	Minh-Đức	85
23.— Đàn ơi im đi! (T.Đ.B.N.) . . . . .	Phượng-Đài	86
24.— Phê bình sách: Yêu của Chu-Tử . . . . .	Diệu-Huyền	87 — 90
25.— Mịch ơi! Cá thần có thật không? . . . . .	Diệu-Huyền	91 — 100
26.— Đóng cửa (thơ) . . . . .	Thiên-Thu	101
27.— Bức thư Espagne . . . . .	Minh-Đức	102 — 106
28.— Lợi ngược . . . . .	Nguyễn-Vỹ	107 — 113
29.— Thơ Đường luật . . . . .	Hoàng-Hoạch	114
30.— Thư bạn đọc . . . . .	Phô-Thông	115 — 118
31.— Đáp bạn bốn phương . . . . .	Diệu-Huyền	119 — 130



- \* Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cáo của bạn đọc, (theo thể-lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
- \* Bài lai cáo không đăng, không trả lại.
- \* Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỒ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: « Trích Tạp-chí PHỒ-THÔNG » và đữn viết tắt.
- \* Cấm trích, dịch, phỏng đãng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- \* Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays. Copyright by PHỒ-THÔNG, printed in Việt-Nam.

Tổng-Phát-hành PHỒ-THÔNG ở Âu-Châu và Phi-châu  
 • Notre représentant général pour l'Europe et  
 l'Afrique

• Our general agent in Europa & Africa  
**LONG HIỆP**

13, Rue de la Montagne Ste Genevière — PARIS Vè  
 (vente — abonnements — Publicité)

# CHAI MỚI

## PHẨM CHẤT THƯỢNG HẢO

### TRÌNH BÀY TUYỆT MỸ



Xi-rô Con Cọp: Cam, Chanh, Lựu, Bạc-Hà, Dầu, đóng vỏ ở loại chai cũ 63cl quý vị đã biết và chai mới, CHAI HỘT-GẠO rất mỹ-thuật. Cả 2 loại chai đều cùng một phẩm chất Xi-rô như nhau.

Tinh chế với đường nguyên-chất và hương liệu trái cây, thảo-mộc chọn lọc, tươi tốt và đầy sinh-tố, từ lúc chế-biến trong phòng lạnh cực tinh sạch đến lúc vỏ chai, mọi việc đều hoàn thành bởi máy móc, dụng cụ tự động tối tân, không một lúc nào cần nhờ đến bàn tay người. Xi-rô Con Cọp, loại CHAI HỘT-GẠO, giá rẻ mà phẩm chất vô song, khác hẳn với các thứ Xi-rô pha chế theo lối thủ công nghệ.

Thơm ngon tuyệt vị và cực tinh khiết, Xi-rô Con-Cọp, đóng CHAI HỘT-GẠO rất mỹ thuật, làm vừa ý mọi người và riêng thích hợp với các trẻ em trong những ngày nóng bức, cần có một thức giải-khát tiện dụng, ngon lành và hoàn toàn hạp vệ-sinh.

2.000  
NĂM XƯA

• người Tàu

đã biết •

• d ù n g

CHIẾN XA

Nhà học-giả Nguyễn-Triệu đã qua đời, còn gởi lại tôi một bài khảo-cứu có giá-trị sau đây. Nay xin đăng nguyên-văn, đề tưởng-niệm bạn đồng-nghiệp khả-ái có tài mà không có phận.

N. V.

« Dưới bóng mặt trời, không có gì mới » chính là một câu của Tây-phương.

**NGẮM** thật có thể...

Một việc gì ở đời nay ta tưởng rằng lạ, kỳ thật đời xưa đã có người nghĩ đến hay đã từng làm

rồi cũng có. Trò đời, kim cổ Đông Tây chẳng qua một cuộc diễn đi diễn lại những bản tuồng cũ, chỉ có đào kép và sân khấu thay đổi dần thôi.

Trong các thứ khí-giới chiến-tranh đời nay, chiến xa có lực-lượng và công-dụng ngoài hẳn ý-liệu của người ta, bắt đầu ngay từ các nhà chuyên môn quân-sự trở đi...

Ai cũng thấy rõ binh Đức trong trận 1914-1918 trước, khéo dùng chiến xa đánh thắng những trận « chớp nhoáng » ra thế nào. Từ trận địa Ba-Lan trải qua mấy bài chiến-trường Bỉ, Pháp cho đến các miền hiềm-trở ở Nam-Tur, Hy-Lạp, những cỗ xe không lồ hàng

trăm tấn của Đức đi hoành vô-dịch ở người làm-trường phẩm riêng cử đem ra dùng

Không  
Chấn

tạo ra  
nhút

Kỳ t  
của César t

— sáng-tạo chi

người Pháp mà lợi năm trước, người Trung đã biết rồi.

Đã bảo dưới bóng Mặt Trời chẳng có gì mới!

★

Người ta thấy chiến-xa xuất hiện trước hết, vào khoảng giữa thế-giới đại chiến 1914-18.

Còn nhớ hồi ấy nhằm tháng chín 1916, hai quân giao-chiến ở mặt trận Sông Somme, quân-đội Anh đưa chiến-xa ra xung phong hăm trận lần thứ nhứt.

Lúc đoàn xe mới lạ ấy xình-xịch bỏ ra trận tiền, quân Đức tuy trở mắt ra nhìn, cho là lũ ma-quái xuất-hiện, nhưng họ không lấy gì làm sợ... Là vì chiến-xa mới chế tạo buổi đầu hầy còn lụm-thuộm, sơ sài, có nhiều nỗi trở ngại và bỏ đi được một quãng

● Gởi người lên không-gian

ăm 1960, khoa học g gian đã tiến một

Ba chương ngại người lên mặt

ôi.Mỹ và Nga ãng đã có đủ

n thiết và ược cách

khí gởi an đi

Nữ  
Phi  
hành  
gia :  
Valentina

cu  
tiếng

Từ đấy, Pháp nhờ lực vừa nhiều, vừa mạnh mãi lên. Mùa Xuân 1918 lần lần phá vỡ được cái tr đại tấn-công của Đức, rốt cuộc cuối năm ấy Đức phải bại trận, càu hờa.

Việc đời trớ trêu làm sao, đến trận đại-chiến này, liên-quân Anh, Pháp lại bị ngay công-kích mãnh liệt bởi thứ chiến-xa chính mình sáng tạo ngàn xưa...

(xem tiếp trang 63)

# 2.000 NĂM XƯA

• người Tàu

đã biết •

• d ù n g

## CHIẾN XA

Nhà học-già Nguyễn-Triệu đã qua đời, còn gởi lại tôi một bài khảo-cứu có giá-trị sau đây. Nay xin đăng nguyên-văn, đề tư-ơng-niệm bạn đồng-nghiệp khả-ái có tài mà không có phận.

N. V.

« Dưới bóng mặt trời, không có gì mới » chính là một câu của Tây-phương.

**NGẮM** thật có thể...

Một việc gì ở đời nay ta tưởng rằng lạ, kỳ thật đời xưa đã có người nghĩ đến hay đã từng làm

rồi cũng có. Trò dờn, kim cò Đông-Tây chẳng qua một cuộc diễn đi diễn lại những bản tuồng cũ, chỉ có đào kép và sân khấu thay đổi đây thôi.

Trong các thứ khí-giới chiến-tranh đời nay, chiến xa có lực-lượng và công-dụng ngoài hẳn ý-liệu của người ta, bắt đầu ngay từ các nhà chuyên môn quân-sự trở đi...

Ai cũng thấy rõ binh Đức trong trận 1914-1918 trước, khéo dùng chiến xa đánh thắng những trận « chớp nhoáng » ra thế nào. Từ trận địa Ba-Lan trải qua mấy bãi chiến-trường Bỉ, Pháp cho đến các miền hiểm-trở ở Nam-Tur, Hy-Lạp, những cỗ xe không lồ hàng

trăm tấn của Đức đến đầu tung-hoành vô-dịch ở đó đã có nhiều người lầm-tưởng chiến-xa là sản-phẩm riêng của Đức và lần này đem ra dùng là một...

Không !

Chẳng phải người Đức sáng tạo ra chiến-xa và lợi-dụng trước nhứt đâu !

Kỳ thật khí-giới ấy — Cái gì của César ta hãy trả lại cho César — sáng-tạo chính là người Anh và người Pháp mà lợi dụng thì 2000 năm trước, người Trung-Hoa cũng đã biết rồi.

Đã bảo dưới bóng Mặt Trời chẳng có gì mới !



Người ta thấy chiến-xa xuất hiện trước hết, vào khoảng giữa thế-giới đại chiến 1914-18.

Còn nhớ hồi ấy nhằm tháng chín 1916, hai quân giao-chiến ở mặt trận Sông Somme, quân-đội Anh đưa chiến-xa ra xung phong hãm trận lần thứ nhứt.

Lúc đoàn xe mới lạ ấy xinh-xích bò ra trận tiền, quân Đức tuy trở mặt ra nhìn, cho là lũ ma-quái xuất-hiện, nhưng họ không lấy gì làm sợ... Là vì chiến-xa mới chế tạo buổi đầu hãy còn luộm-thuộm, sơ sài, có nhiều nơi trở ngại và bò đi được một quãng

thường trục-trắc hỏng máy luôn. Bởi vậy hồi đó đã có người bảo làm ra thứ đồ đó tốn kém nhiều tiền mà chẳng có công hiệu thì làm quái gì !

Qua tháng 11 năm sau, nhờ chiến-xa quân Đồng-Minh đánh binh Đức thua một trận thất điên bát đảo, bấy giờ người ta mới thấy rõ cái giá-trị-trận-mạc của món võ khí mới mẻ này. Đức bắt chước làm theo, trong khi Anh và Pháp ra công tìm tòi sửa sang mãi về máy móc cho được tinh xảo và thêm sức mạnh chiến đấu. Kiểu xe « Nona » nhẹ nhàng của Pháp và kiểu xe nặng-nề chữ « V », to lớn của Anh là hai loại chiến-xa có tiếng hồi đó.

Từ đấy, hai quân-đội Anh và Pháp nhờ lực-lượng chiến-xa vừa nhiều, vừa mạnh mà đánh dấu mãi lên. Mùa Xuân 1918 trở đi, lần lần phá vỡ được cái trận-thế đại tấn-công của Đức, rồi cuộc đến cuối năm ấy Đức phải bại trận, cầu hòa.

Việc đời trở trêu làm sao, đến trận đại-chiến này, liên-quân Anh, Pháp lại bị ngay công-kích mãnh liệt bởi thứ chiến-xa chính mình sáng tạo ngàn xưa...

(xem tiếp trang 63)

MỘT BẢN  
TÌNH CA

CLEMENTINE  
CHURCHILL

\* Thiếu-Son

thuyết với Hitler biết bao nhiêu lần mà chẳng cứu vãn Hòa-Bình. Anh Pháp càng nhượng bộ, Hitler càng hung hăng làm tới.

Trong khi đó ông Churchill đã thấy rõ là nước Anh phải chuẩn bị một cuộc trường kỳ kháng chiến trong những hoàn cảnh hết sức khó khăn.

Hitler coi thường ông già Chamberlain nhưng coi bộ ngán Churchill và đã nhiều lần kêu đích danh ông mà chỉ là "đồ hiếu chiến."

Chiến tranh bùng nổ. Chamberlain xếp dù rút lui và nhường ghế Thủ Tướng cho Churchill đương đầu với một kẻ thù vô địch.

Quân đội Quốc-xã tung hoành ở Âu-Châu và thắng luôn nước Pháp một cách quá dễ dàng. Viện binh Anh lạt đặt rút về cố thủ quê hương.

Nga đã về phe với Đức. Mỹ còn đứng vòng ngoài. Pháp đã thất trận. Hitler muốn ký một



TRONG Đệ nhị Thế-chiến vừa qua người anh hùng số một của phe chiến thắng nhất định phải là ông Winston Churchill.

Ông già Chamberlain đã cố gắng nhin nhục vác dù qua thương

MỘT BẢN TÌNH CA

thỏa ước với Anh. Trong hợp đó một nhà lãnh thường nhứt định sẽ vui hiệp. Nước Anh sẽ những cuộc oanh tạc không quân, tránh đồ bộ bằng hải tránh được nhữ nhà của mộ. Nhưng rồi Anh được bao lâu nữa : căn cứ ở Âu-Châu mà ca. Nga cũng không co-hội bỏ và quay về với Đồng-Minh ?

Một hành động hèn yếu lúc đó của Anh-quốc sẽ có những hậu quả tai hại không thể lường trước được.

Nhưng Winston Churchill, một mặt đôn đốc và tổ chức cuộc kháng chiến của dân Anh, một mặt tuyên bố dứt khoát :

« Chúng tôi sẽ không đầu hàng và không chấp nhận một thỏa hiệp nào cả ».

Ông lạnh lùng nói tiếp :

« Chúng tôi tin chắc rằng tất cả đều sẽ kết thúc một cách đẹp đẽ ».

Nước Anh đã biến thành một pháo đài kiên cố; nhưng cái pháo đài đó đã chịu đựng tất cả những cuộc tấn công mãnh liệt và khủng khiếp của không quân quốc xã trong suốt mấy năm trường. Phải

Nhưng vị anh hùng số một đó lại chịu sự điều khiển kín đáo của một nhà giàn cảnh tài tình là vợ ông : bà Clementine Churchill. Cựu Thủ Tướng Anthony Eden đã nói : « Bà là một nhà giàn cảnh kín đáo và hiệu nghiệm nhất của một trong những minh tinh vĩ đại nhất của thời đại chúng ta. » Và chính bà cũng nói : « Với Winston phải làm tất cả, phải coi chừng tất cả, nhưng cần nhất là đừng cho chàng biết. »

NHỮNG NGÔI SAO

Thờ  
giống  
con la  
tại vị  
chết,  
núi ch  
vàng,  
là-chá  
trên  
và ti  
khe  
tôi ni  
nghe  
nón  
nhà  
lẽ  
lạc  
c.



## CLEMENTINE CHURCHILL

★ Thiếu-Son

thuyết với Hitler-biết bao nhiêu lần mà chẳng cứu vãn Hòa-Bình. Anh Pháp càng nhượng bộ, Hitler càng hung hăng làm tới.

Trong khi đó ông Churchill đã thấy rõ là nước Anh phải chuẩn bị một cuộc trường kỳ kháng chiến trong những hoàn cảnh hết sức khó khăn.

Hitler coi thường ông già Chamberlain nhưng coi bộ ngán Churchill và đã nhiều lần kêu đích danh ông mà chỉ là "đồ hiếu chiến."

Chiến tranh bùng nổ. Chamberlain xếp dù rút lui và nhường ghế Thủ Tướng cho Churchill đương đầu với một kẻ thù vô địch.

Quân đội Quốc-xã tung hoành ở Âu-Châu và thắng luôn nước Pháp một cách quá dễ dàng. Viện binh Anh lật đật rút về cố thủ quê hương.

Nga đã về phe với Đức. Mỹ còn đứng vòng ngoài. Pháp đã thất trận. Hitler muốn ký một

**T**RONG Đệ nhị Thế-chiến vừa qua người anh hùng số một của phe chiến thắng nhất định phải là ông Winston Churchill.

Ông già Chamberlain đã cố gắng nhịn nhục vác dù qua thương

thỏa ước với Anh. Trong trường hợp đó một nhà lãnh đạo tầm thường nhứt định sẽ vui lòng thỏa hiệp. Nước Anh sẽ tránh được những cuộc oanh tạc tàn phá của không quân, tránh được một cuộc đổ bộ bằng hải quân và cũng sẽ tránh được những điều kiện nhục nhã của một nước chiến bại. Nhưng rồi Anh-Quốc sẽ yên thân được bao lâu nữa? Mỹ còn đâu can cứ ở Âu-Châu mà can thiệp? Nga cũng không cơ-hội bỏ Hitler và quay về với Đồng-Minh?

Một hành động hèn yếu lúc đó của Anh-Quốc sẽ có những hậu quả tai hại không thể lường trước được.

Nhưng Winston Churchill, một mặt đôn đốc và tổ chức cuộc kháng chiến của dân Anh, một mặt tuyên bố dứt khoát:

« Chúng tôi sẽ không đầu hàng và không chấp nhận một thỏa hiệp nào cả ».

Ông lạnh lùng nói tiếp:

« Chúng tôi tin chắc rằng tất cả đều sẽ kết thúc một cách đẹp đẽ ».

Nước Anh đã biến thành một pháo đài kiên cố, nhưng cái pháo đài đó đã chịu đựng tất cả những cuộc tấn công mãnh liệt và khủng khiếp của không quân quốc xã trong suốt mấy năm trường. Phải

qua những ngày dài đen tối đó rồi mới có những ngày vinh quang khi Đồng Minh đổ bộ ở Normandie, phản công thắng lợi ở cả hai mặt trận Đông, Tây và dồn Hitler vào chỗ chết.

Trong những ngày đen tối cũng như trong những ngày vinh quang Winston Churchill mỗi khi ra mắt công chúng đều đơ hai ngón tay làm dấu chữ V. V là chữ đầu của danh từ *Victory* nghĩa là *chiến thắng*. Cái quyết tâm và lòng tin tưởng sắt đá của ông là nguyên nhân cho sự chiến thắng của Đồng Minh. Ông là vị anh hùng dân-tộc của nước Anh. Ông còn là anh hùng số 1 trong mặt trận Đồng Minh. Điều đó không ai chối cãi được.

★

Nhưng vị anh hùng số một đó lại chịu sự điều khiển kín đáo của một nhà giàn cảnh tài tình là vợ ông: bà Clementine Churchill. Cựu Thủ Tướng Anthony Eden đã nói: « Bà là một nhà giàn cảnh kín đáo và hiệu nghiệm nhất của một trong những minh tinh vĩ đại nhất của thời đại chúng ta. » Và chính bà cũng nói: « Với Winston phải làm tất cả, phải coi chừng tất cả, nhưng cần nhất là đừng cho chàng biết. »

Bà nói câu nói trên ngay từ khi bà mới kết hôn với ông, nghĩa là đã cách đây 54 năm. Lúc đó ông còn thanh-niên nhưng đã để lộ ra một bản chất khác thường, ngang tàng và thoát sáo. Bà biết chồng bà là một con ngựa hay nhưng cũng là một con ngựa chướng. Nó sẽ chạy mau và chạy xa nhưng nó cần phải có người biết cầm cương và biết điều khiển.

Trong đám thân bằng đã có người nói : *“ Nếu bà không liên kết vận-mạng của bà vào vận-mạng của ông Winston thì chắc chắn bà sẽ làm giám đốc một bệnh viện hay một trường học. Suốt trong 54 năm phải đương đầu đối phó với năng lực của một bản chất bất kham, bà cần phải có một cá-tánh vững mạnh đủ điều khiển một nhà thương có 500 giường hay một trường học có 1000 học sanh. ”*

Một bằng chứng cụ thể là sau ngày 27-7-1962 ông Churchill bị té gãy ống xương đùi và sau khi đã được giải phẫu và được bác sĩ cho đưa về nhà, bà Clementine đã phải đóng một vai tuồng tế nhị và khó khăn hết sức.

Từ năm 1911 ông Churchill đã cùng với các bạn sáng lập một Câu-lạc-bộ mang tên là Other Club. Mỗi năm tới ngày 1-11 thì có bữa tiệc tất niên của Câu-lạc-

bộ. Trừ những năm có giặc không năm nào bãi bỏ tiệc tất niên và cũng ít khi ông chịu vắng mặt. Ông đã 89 tuổi. Hơn nữa, ông mới bị tai nạn gãy xương. Nhưng bà không cần ông tới dự bữa tiệc tất niên năm ngoái vì bà không muốn làm buồn ông. Song hai ngày trước đó đã có người tới thương lượng với bà và trình cho bà coi thực đơn gồm có 7, 8 món ăn. Người ta còn ngờ ý kiến sợ nhiều món ăn có phần hơi kích thích đối với ông cụ già. Nhưng bà biết rõ khả năng của ông cụ nên không thắc mắc gì về thực đơn mà chỉ yêu cầu có một điều. Bà nói :

— Ông không ngại gì hết. Nhưng cần nhất là đừng thay đổi thói quen của ông cụ. Các ông có thể cho thêm một chai sâm banh thứ ông thích. Nhưng tôi buộc ông phải ngủ vào nửa đêm như thường lệ.

Tới ngày 1-11 ông chống gậy tới dự tiệc với hai người tùy-tùng hộ vệ. Thủ Tướng Mac Millan và những bạn ông trong đảng Bảo-Thủ tiếp đón. Ông thấy lại những bộ mặt quen thuộc. Ông ăn khỏe, uống khỏe, nói chuyện khỏe, và cảm thấy như trẻ lại bọn bồng.

11 giờ 1/2 đêm, tiệc rượu đã tàn nhưng cuộc vui chưa dứt. Ông

Churchill đã hút tới điều xì gà thứ 3 thì Thủ Tướng Mac Millan nhận được một phong thư, thư của bà Churchill gửi tới. Thư chỉ vắn tắt có mấy hàng : *« Tôi tưởng rằng bây giờ đã tới lúc cho ông Winston về nghỉ. Mong ông thông cảm. »* Thủ Tướng Anh liền bỏ tờ giấy vào túi. Vài phút sau ông yêu cầu nâng ly chúc tụng Nữ-Hoàng. Sau đó bữa tiệc chấm dứt. Đúng nửa đêm ông Churchill về tới nhà. Ông không ngờ ông đã chịu sự điều-khiển của bà Clementine, nhà giàn cảnh tế-nhị và nghiêm-khắc, người đã sống cho ông, sống vì ông trong suốt 54 năm trường. Bà đã thi-hành nghiêm-chính chi-thị của lương-y buộc ông cụ tới nửa đêm là phải về nhà đi ngủ.



Ngày 27-7-62 Huân-tước Moran đi với hai bác-sĩ giải-phẫu là những người đã chữa cho Churchill tới thăm bà Clementine cho bà hay rằng ông có thể về nhà trong 3 tuần lễ nhưng nhà phải sửa sao cho thích-hợp với một người nhiều tuổi và nhiều tật-bệnh. Kỳ nhất là không cho ông cụ leo thang và đi lại trong những gian phòng có nhiều tầng lớp cao thấp hơn nhau. Căn nhà ở Luân-đôn không thích-hợp với

cụ vì có thang lầu ở bên trong và ở tầng dưới từ phòng này qua phòng kia lại có những thềm nhà, cái cao, cái thấp.

Bà Clementine liền kêu thợ đốc-xuất sửa liền từng lầu hai thành phòng vẽ và đặt một thang máy êm nhứt và chậm nhứt ở nước Anh. Thủ tiêu-khiển của ông là hội-họa. Không thể cấm ông vẽ được mà cũng không thể để cho ông lui tới phòng vẽ của ông ở một căn nhà mát cách kinh-thành 60 cây-số. Vì thế mà bà phải lo cho ông có phòng vẽ tại nhà ở Luân-đôn. Còn ở tầng dưới thì bà bắt sửa lại thềm nhà cho bề mặt đều nhau giữa phòng ăn, phòng ngủ, phòng tắm, thư viện và phòng khách. Bồn tắm chôn sâu xuống cho ông khỏi phải leo cao. Ngoài ra lại có những quả dầm bằng đồng gắn vào tường cho ông vịn. Từng lầu thứ nhứt bà dành riêng cho bà. Đó là tổng-hành-dinh của người chỉ-huy, của nhà đạo-diễn.

Công việc : sửa chữa như thế phải mất ít nhứt là 3 tháng nhưng bà đã hoàn thành nội trong 20 ngày. Khi ông ở bệnh viện về thì đầu đó đã xếp-đặt xong-xuôi. Ông có đầy đủ tiện-nghi và được sống thỏa-thích với những thói quen của ông.

Ông có tật đọc một lúc hai chục cuốn sách. Đọc cuốn này vài



Ông Churchill và bà Clementine

trang rồi bỏ đó đọc qua cuốn khác. Khi ông trở lại đọc tiếp thì cuốn nào cũng phải mở sẵn ở ngay trang còn bỏ dở. Bà biết ý ông nên đã sắm cho ông vô số ghế đầu để dùng vào việc đó.

Ông viết đứng và bất cứ lúc nào cạo húng là viết. Bà đã sắm cho ông những bục xiêng sát vách tường vừa tầm đứng của ông.

Ông thích nước nên ngày nào ông cũng phải tắm hai lần. Lần thứ nhất ông vào phòng tắm hồi 12 rưỡi. Lần thứ hai hồi 7 giờ rưỡi tối. Nhưng ông có tật hễ vào bồn tắm là ông quên ra. Khi nước đã bao phủ mình ông thì ông không còn phải là bậc anh-hùng cứu-

quốc nữa. Ông chỉ còn là người tình của nước. Ông vẫy vùng thỏa-thích, ông đùa dỡn say mê. Ông quậy cho nước nổi bọt, ông gây nên những đợt sóng lớn, nhỏ. Rồi ông nói một mình, ông la, ông hét, ông ngâm thơ. Người phục-dịch cho ông nhiều khi hoảng sợ phải gõ cửa phòng tắm và hỏi ông có chuyện gì đã xảy ra. Ông trả lời: « Anh cũng biết tôi có bài diễn-văn sẽ phải đọc ở Thứ-dân nghị-viện. Đây là tôi duyệt thử. »

Nhưng bà Clementine đâu có bị gạt. Bà biết rõ rằng mỗi khi ông tắm là ông cạo húng đọc thơ của thi hào Shakespeare. Mỗi lần

cạo húng như thế là ông quên cả thời gian. Cỗ cửa phòng tắm không đủ để thúc hối ông ra. Phải nhận chuông báo hiệu giờ ăn và phải nhận rất lâu mới kéo được ông trở về với thực tế. Nhiều khi mời khách tới ăn. Khách tới đúng giờ mà chủ nhà ra tiếp trễ. Khi nghe có tiếng thờ lớn của ông thì bà chủ nhà liền mỉm cười mà nói: « Đó là tiếng thờ của cá voi ».

Bà hiểu biết ông, thương yêu ông và săn sóc ông như thế, nhưng không phải lúc nào bà cũng được ở bên ông.

Chính những khi bà cần ở bên ông để phục vụ ông thì bà lại phải xa ông.

*Phép công là trọng niềm tây xa gì.*

Chính bà đã thốt ra với người viết tiểu-sử của ông những lời này:

*« Trong nửa thế kỷ sống chung, chúng tôi đã phải xa cách nhau 15 năm, 15 năm xa cách vì nhiệm vụ chánh trị của chồng tôi. Trong những lúc đó, ông không bao giờ biên thư cho tôi và kêu điện thoại để nói chuyện với tôi. Ông đã nói trước với tôi rằng ông không muốn cho tôi phải bận lòng về những lo âu của*

*đời sống chức nghiệp của ông. Tôi chỉ biết tin tức của ông do báo chí...»*

Bữa ăn lót lòng luôn luôn ông ăn một mình. Ông đã nói với bà: « Trước 11 giờ sáng tôi thường hay gắt gỏng khó chịu. Tôi không muốn cho bà thấy tôi những lúc đó. »

Bà cảm ơn tri-ngộ nên luôn luôn tuân theo chỉ-thị của ông. Năm ngoài trong 7 tuần ông nằm điều-trị ở nhà thương cũng không ngày nào bà vào thăm ông trước 11 giờ. Nhưng lần nào bà cũng không quên đem cho ông một hũ caviar, một loại trứng cá ở bên Nga. Ông rất thích món ăn này.

Thứ caviar này lại là thứ caviar của sông Volga mà chánh-phủ Nga mỗi năm đều gửi tặng ông từng thùng từ ngày có trận đánh lịch-sử ở Stalingrad trên bờ sông Volga.

Trong đời của bậc vĩ-nhân này sự ăn uống cũng có một địa-vị quan-trọng. Bà Clementine biết thế nên từ lâu bà đã ra những chỉ thị nghiêm khắc là phải tiếp tục duy trì chế-độ ăn uống cho ông nếu chẳng may bà sẽ chết trước ông. Ông không ăn nhiều nhưng ông sành ăn và biết thưởng-thức đủ loại nên phải cho ông ăn nhiều món, mỗi món một chút. Mỗi bữa



ăn ít nhất cũng phải có 4 món. Bà Churchill đã tự tay chế-tạo cho ông 10.000 bữa ăn chiều vào loại những bữa ăn đặc-biệt.

Năm 1953 ông Churchill được tặng giải-thưởng Nobel về văn-chương. Ông tính sẽ đích thân tới Stockholm để lãnh thưởng. Nhưng vào giờ chót ông không đi được vì việc quốc-gia đại-sự. Theo thông-lệ thì sứ-thần Anh ở Thụy-Điền sẽ đại-diện cho ông. Nhưng mọi người đều ngạc-nhiên khi nước này mời bà Churchill qua thay mặt cho chồng. Lần thứ nhất bà đứng một mình trước những ống đèn rọi của nhiếp-ảnh-viên. Bà được người ta chụp rất nhiều, ngang với Nữ hoàng Thụy-điền.

Trước buổi lễ ông Churchill đánh cho bà bức điện tín văn tắt như nhau : « Khi mình đọc bài diễn văn của tôi ở Stockholm thì tôi nghiêm chỉnh chấp tay để nghe mình, người vợ thân ái của tôi. » Bà đã đọc bài diễn văn của chồng một cách say sưa và cảm động. Toàn thể cử tọa đều im lặng nghe bà và đã hoan nghinh nhiệt liệt. Và thình lình người ta đồng thanh hát lên một bản tình ca rất xưa của xứ Anh :

O my darling, O my darling, O my darling  
Clementine !

Hỡi người thân ái của tôi !

Hỡi người thân ái của tôi !

Hỡi Clementine thân ái của tôi !

Ông già và bà cũng già rồi. Một ngày không xa ông bà sẽ lần lượt ra đi.

Người anh hùng dân tộc nước Anh, người vĩ nhân thế giới, nhà văn hào được giải thưởng Nobel sẽ có địa vị vẻ vang trong lịch-sử nhân loại. Nhưng con người đặc biệt này lại có người vợ đặc biệt và suốt đời chỉ biết có người vợ đặc biệt ấy thôi thì rồi đây nói tới ông người ta không thể quên nhắc tới bà. Cũng như khi ta hoan nghinh người tài tử trên sân khấu ta nữ nào quên công nhà đạo diễn. Huống chi sân khấu này bao trùm cả thế giới, người tài tử này là một danh nhân và người đạo diễn này là bậc hiền phụ đã hy sinh trọn đời mình và tận tụy với chồng trên nửa thế kỷ nay.

Một mối tình già,

Một bản tình ca,

O my darling Clementine !



Những \* Ngọt \* Sao

\* Duyên-Hồng

o dịch « les Étoiles » của Alphonse Daudet

(Riêng trao về Minh-Nguyệt, Longxuyên)

Lời thuật của một người chăn cừu ở Provence

**H**ỒI tôi chăn cừu trên núi Luberon, tôi ở đấy cả hàng tuần mà chẳng gặp một bóng người, tro tro một mình tôi với con chó Labri và bầy cừu trên đồng cỏ. Thỉnh thoảng vị ăn tu ở Mont-de-l'Ure đi qua đấy để tìm thăm những kẻ chắt phác, hoặc tôi trông thấy bộ mặt đen ngòm của một gã bán than ở Piémont ; nhưng đấy toàn là những con người mộc-mạc, lạng lạng vì quen ở nơi hiu quạnh, không còn thích nói năng, không hề biết tý gì về những chuyện người ta kháo nhau ở dưới các xóm làng và thành thị.

Cho nên, cứ cách mười lăm hôm khi tôi nghe trên con đường lên núi tiếng lục-lạc của con la đực của chủ trại, mang lên cho tôi các vật dụng tiếp tế trong nửa tháng, và thấy từ dưới dốc dần-dần lú lên cái đầu lầu lỉnh của thằng nhỏ-ở, hoặc cái khăn trùm đỏ hoe của dì Norade già khụ, thì thật là vui sướng quá

cho tôi ! Tôi bảo họ kể lại những chuyện ở dưới xóm làng, chuyện các lễ rửa tội, chuyện các đám cưới, nhưng tôi thích nghe nhất là chuyện cô Stéphanette, con gái của ông bà chủ tôi, cô thiếu nữ đẹp hơn hết cả trong một vùng rộng hơn mười dặm. Giả vờ như không chú ý lắm, tôi hỏi chơi cho biết cô ta có hay đi dự các ngày lễ và các buổi họp ban đêm không ? cô có những bồ bịch nào mới đến tán tỉnh cô không ? Có ai sẽ hỏi tôi là một thằng chăn cừu quen ở trên núi như tôi muốn biết những chuyện đó làm gì, thì tôi sẽ trả lời rằng hồi đó tôi mới hai mươi tuổi và cô Stéphanette ấy đẹp nhất hơn hết thấy những gì tôi đã thấy trong đời tôi.

Thế rồi, một hôm chủ nhật tôi đợi các vật dụng tiếp tế cho tôi trong nửa tháng, tôi ngóng đợi mãi thật trưa mà không thấy gì cả. Buổi sáng tôi tự nhủ thầm : « Tại hôm nay có đại lễ ở Nhà

Thờ". Rồi trưa, trời đổ một cơn giông lớn, tôi lại nghĩ rằng con la không thể lên đường được tại vì đường xấu. Mãi đến ba giờ chiều, trời quang mây tạnh, sườn núi chói ánh nước và mặt trời, thì văng-vẳng hòa lẫn trong tiếng lá-chả của những giọt nước ở trên các cành cây rụng xuống và tiếng róc rách của những khe suối tràn ngập chảy ra, tôi nghe tiếng lục lạc của con la, nghe nó vui làm sao, nó làm tôi nôn nao như nghe tiếng chuông nhà thờ đờ đờ trong một ngày lễ Pâques. Nhưng người cỡi con la không phải là thằng nhỏ-ở, cũng không phải là cụ già Norade. Đố bạn biết là ai?... Là cô tiểu thư của chúng ta, bạn ơi! Vâng, chính nàng tiểu thư của chúng ta, nàng ngồi thẳng thẫn giữa các bao lát, và gió núi mưa ngàn đã làm cho nhan sắc của nàng hồng hào hẳn lên!

Thằng nhỏ-ở bị bệnh, dì Norade xin nghỉ về thăm con. Stéphanette yêu-khiêu bảo với tôi thế trong lúc nàng ở trên lưng con la nhảy xuống đất, và nàng còn bảo rằng nàng đến trễ vì nàng đi lạc đường; nhưng trông nàng với y-phục chủ nhật diện thật sang, dải hoa kết trên tóc, cái juýp chói-lọi viền đàng-ten chung quanh, tương đương như nàng ở trong một cuộc khiêu vũ nào ra trễ, hơn là lạc nẻo

trong rừng rú. Ô, con người ngộ nghĩnh làm sao! Mắt tôi nhìn nàng mãi không biết chán. Và lại từ trước tới giờ chưa có lần nào tôi nhìn nàng được gần gũi thế. Đôi khi, vào mùa đông, tôi phải lùa bày cừu xuống đồng bằng và tôi về trại để ăn tối, nàng thường đi ngang qua chúng tôi mau lẹ, chẳng khi nào nói chuyện với bọn tôi-ở, lúc nào cũng diện thật sang và có hơi hãnh-diện. Còn bây giờ, thì nàng đứng ngay trước mặt tôi đây, chỉ vì tôi đây; thử hỏi làm sao tôi không điên đầu cho được?

Khi nàng đã lấy xong các vật dụng trong giỏ ra, Stéphanette tò mò ngó chung quanh nàng. Khế kéo cao lên cái juýp chủ nhật xinh-xắn của nàng để cho khỏi bẩn, nàng đi vào khu chăn nuôi, nàng muốn thấy cái chái chỗ tôi ở, cái máng lót rơm với tấm da cừu chỗ tôi nằm, cái áo tôi choàng bụi của tôi treo trên vách, cái gậy chần chiên của tôi, cái súng đá của tôi. Xem mấy đồ đó, nàng trầm trồ thích-thú.

Nàng bảo tôi:

— Tội nghiệp anh quá! Thế là anh sống như thế này đây hả, anh chần cừu? Ở đây luôn luôn có một mình, chắc anh buồn lắm chứ? Anh làm những gì? Anh nghĩ những gì?...

Tôi muốn trả lời: "Tôi nghĩ

đến cô, cô chủ à", và như thế là tôi không có nói ngoa đâu, nhưng tôi hết sức bối rối chẳng nói ra được một tiếng nào. Tôi tin rằng nàng thấy thế và nàng lại còn tàn nhẫn thích làm cho tôi càng bối rối thêm khi nàng ranh mãnh hỏi:

"Còn cô bạn gái cưng của anh thỉnh thoảng có lên thăm anh không, anh chần chiên? Chắc phải là một con Kim-dương, hay là một nàng Tiên Estérelle chỉ ưa chạy nhảy trên đỉnh núi đấy nhỉ..."

Chính nàng, trong lúc nói thế, nàng có vẻ như một nàng Tiên Estérelle thật, với giọng cười đẹp ngả đầu ra sau, rồi vội vàng ra đi, như thoáng hiện ra rồi biến mất.

— Tôi về nhé, anh chần chiên.

— Chào cô chủ.

Thế là nàng đi, mang theo mấy cái bao không.

Khi nàng xuống con đường dốc, tôi nghe mấy viên sỏi lăn sột soạt dưới móng chân con la, như thế nghe chúng rơi lộp độp... lộp độp... trong tim tôi. Tôi nghe lâu lắm, lâu lắm, cho mãi đến lúc mặt trời lặn, tôi còn ngồi yên, nhắm mắt lại như ngủ, không dám quậy cựa, sợ đi mất giấc mơ của tôi. Trời tối, các thung

lũng đã bắt đầu mờ tím, bày cừu vừa kêu vừa chen chúc nhau đi về mục trường. Tôi nghe ai gọi tôi từ dưới dốc núi, rồi tôi thấy hiện ra cô tiểu-thư của chúng ta, không phải tươi cười như lúc nãy nữa mà run cầm-cập vì lạnh, vì sợ, vì ướt át. Hình như xuống dưới chân núi nàng thấy nước sông Sorgue lớn lên vì trận mưa giông vừa rồi, và nếu nàng liều lĩnh lội qua thế nào cũng bị giòng nước cuốn trôi. Ghê sợ nhất là trong cái giờ đêm tối ấy không thể nào nghĩ đến chuyện đi về trại; vì có con đường tắt trong rừng nhưng một mình nàng khó mà tìm ra lối đi, còn tôi thì làm sao tôi bỏ bày cừu ở đây được để đưa nàng về? Ý-nghĩ phải ngủ một đêm ở trên núi làm cho nàng bứt-rứt lắm, nhất là Ba Má và Gia-dình nàng càng lo-ngại không yên. Tôi phải cố hết sức an-ủi cho nàng yên dạ:

— Tháng Bảy, đêm ngắn lắm cô chủ à... Cô ráng chịu khổ chốc lát, không lâu đâu.

Tôi vội-vàng đi nhúm lên một đám lửa bụi để nàng hơ chân và hơ chiếc áo bị đắm nước sông Sorgue ướt hết. Rồi tôi đem sữa và pho-mát để trước mặt nàng, nhưng tội-nghiệp nàng đâu có thiết đến chuyện hơ cho ấm, hay ăn cho no, và thấy những ngón

lệ trào ra trên mắt nàng, tôi cũng muốn khóc theo.

Bấy giờ đêm đã tối hẳn. Trên đỉnh núi chỉ còn một ánh mặt trời sưa-sốt như một làn bụi, một hơi sáng mỏng-mảnh nơi hướng tây. Tôi mời tiểu-thư vào nghỉ trong mục-trường. Tôi lấy một tấm da thú còn mới tinh trải trên giường rơm của tôi, tôi chúc cô ngủ ngon, và tôi đi ra ngoài, ngồi trước cửa... Xin Chúa chứng-giám cho tôi rằng, mặc dầu ngọn lửa yêu-đương đang cháy trong tim tôi, tôi vẫn không hề có một ý nghĩ gì bậy-bạ; tôi chỉ có hành-điện được nhận lãnh canh gác cho nàng ngủ trong một xo núi này, cạnh bầy cừu hơi ngơ-ngác nhìn nàng ngủ, nàng, con gái của chủ tôi, — như một con Chiên quý-báu hơn, trong-trắng hơn những con chiên kia. Chưa bao giờ tôi thấy vòm trời sâu như thế, các vì sao chói sáng như thế... Bỗng-dưng cánh cửa phen khẽ mở, và cô Stéphanette điếm kiêu hiện ra. Nàng không ngủ được. Máy con cừu cử-động mãi, làm xột-xoạc các lớp rơm, con thì mớ ngủ kêu lên. Nàng muốn dậy ra ngồi bên đống lửa. Thấy thế, tôi liền lấy tấm da dê của tôi khoác lên vai nàng, tôi chụm thêm củi cho lửa phừng lên, và nàng với tôi ngồi cạnh nhau, không nói.

Nếu có khi nào bạn ở ngoài trời một đêm đầy sao, chắc bạn biết rằng trong giờ mà chúng ta ngủ, có một thế-giới huyền-bí đang thức trong tinh-mịch cô-liêu. Thì lúc ấy bạn nghe tiếng suối hát reo-rất càng thanh hơn, và các ao đầm thấp lên những đóm lửa nho-nhỏ. Các hồn thiêng của núi rừng qua lại thông-thả, và trong không khí có những xao-xác êm-dịu, những tiếng âm-thầm, như thể ta nghe những cành lá nứt chồi, những cọng cỏ lên hương. Ban ngày là cuộc sống của sinh-linh; nhưng ban đêm là cuộc sống của sinh-vật. Ai chưa quen thì sợ..., cho nên tiểu-thư cứ rùng mình, khẽ nghe một tiếng động gì là nàng ôm chặt lấy tôi. Một lần, có một tiếng kêu dài và ào-ñã, từ cái đầm nước lập-lòe ở dưới chân núi vang lên đến chúng tôi, giọng trầm giọng bổng, cùng một lúc một vì sao băng tuyệt-đẹp rơi phớt qua trên đầu chúng tôi cùng theo một hướng ấy, như thể tiếng kêu mà chúng tôi vừa nghe có đem theo một ánh sáng.

Stéphanette khẽ hỏi tôi :

— Cái gì thế ?

— Một linh-hồn đi vào Thiên-đàng đấy, cô chủ à ? Tôi bảo thế và tôi làm dấu Thánh-giá.

Nàng cũng làm dấu Thánh-giá, rồi ngồi trầm tư mặc tưởng một lúc lâu. Nàng hỏi tôi :

— Anh chần chiền ơi, người ta bảo các anh là phù-thủy, có đúng thế không ?

— Không đúng đâu, cô nương à. Nhưng nơi đây chúng tôi sống gần gũi các ngôi sao, nên những chuyện xảy ra ở các vì Tinh-Tú chúng tôi hiểu hơn là các người ở đồng bằng.

Nàng vẫn nhìn lên trời, đầu gác trên bàn tay, mình khoác chiếc da trều giống như một vị mục đồng ở Thiên-cung :

— Nhiều sao quá nhỉ ! Đẹp quá nhỉ ! Tôi chưa bao giờ thấy sao nhiều như đêm nay. Anh chần-chiền ơi, anh có biết hết tên tuổi các vì Tinh-Tú kia không ?

— Tôi biết, cô Chủ à. Kia, ngay trên đầu chúng ta là con *Đường-saint-Jacques* (1), nó đi từ nước Pháp đến nước Espagne. Hồi xưa vị Thánh Jacques de Galice đắp nó để chỉ đường cho hoàng - đế Charlemagne đi đánh giặc Sarrasins. Phía xa kia, là sao *Xe-vong-hồn* (*Đại-Hùng-Tinh*) với bốn cái trục xe chói lọi của nó. Ba ngôi sao đi trước là *ba bánh xe*, và cái sao nhỏ nhất đối diện sao thứ ba là sao *Người đánh xe*. Cô có thấy một làn mưa sao rụng lăm tăm chung quanh đó không ? Đó là những vong hồn mà Chúa không muốn cho ở trên vườn Chúa. Ở phía dưới một

chút, là sao *Bira-cào*, cũng có tên là Sao *Ba Vua* (*Orion*). Chúng tôi dùng Sao ấy làm đồng-hồ, vì nó tôi biết bây giờ là quá 12 giờ khuya. Thấp xuống một tý nữa, cũng về phía Nam là Sao *Sirtus*... Nhưng, cô chủ ơi, đẹp nhất hết thấy các ngôi Sao là ngôi sao của chúng tôi, là ngôi Sao của người Chần-chiền (*Etoile du Berger*). Cũng gọi là *Sao Mai* vì cứ sáng sớm khi chúng tôi lừa đàn cừu ra đi ăn thì nó rọi đường cho chúng tôi đi, và gọi là *Sao Hôm* vì buổi tối nó soi đường cho chúng tôi về. Chúng tôi cũng gọi nó là *Maguelonne*, nàng Maguelonne điếm-lệ yêu chàng Sao *Saturne* (Thồ-tinh) và cứ bảy năm thì nàng kết hôn với chàng một lần.

— Ô, anh chần chiền ơi, các vì Sao cũng kết hôn với nhau ư ?

— Cô chủ ơi, đúng thế.

Và trong lúc tôi tìm cách giảng giải cho nàng nghe về cuộc hôn nhân của các ngôi Sao, thì tôi cảm thấy có cái gì mát dịu và êm-đềm đè nhẹ trên vai tôi. Đó là cái đầu của nàng đã sắp buồn ngủ, tựa vào người tôi với một mái tóc mượt như ngọn sóng, với những viền đặng-ten, những dải ruy-băng, phát phơ xinh đẹp vô cùng... Nàng cứ ngồi yên như thế, không cử động, mãi cho đến

(1) *Sông Ngân-Hà*.



lúc các ngôi Sao trên trời đã mờ dần, và biến hẳn lúc hừng đông. Tôi, thì tôi ngó nòng ngủ, mặc dầu trong trái tim của tôi bị rung động chút ít, nhưng nhờ có ban đêm Sao sáng thiêng-liêng che chở cho tôi chỉ có toà. những ý nghĩ tốt đẹp. Chung quanh

chúng tôi, các ngôi Sao tiếp tục chuyển dời lặng lẽ, ngoan ngoãn như một bày cừu vĩ-dại. Đôi khi, tôi tưởng tượng như một trong những vì Tinh-tú ấy, đẹp hơn cả, sáng hơn cả, đã đi lầm đường, đến đậu trên vai tôi để ngủ.



## CHẠY ĐUA LÊN MẮT - TRĂNG

**K**HÔNG phải chỉ mấy năm gần đây mới có cuộc ganh đua thám hiểm không gian, đặc biệt là mặt Trăng, giữa Nga và Mỹ. Cuộc so tài này bắt đầu vào năm 1945 tức là lúc Đệ-nhi thế-chiến chấm dứt.

Chúng ta còn nhớ sau khi tràn vào Bá-ling, Mỹ cũng như Nga đã sốt-sắng làm một công-việc đầu tiên là tìm bắt các nhà bác-học, chuyên-viên hòa-tiến với dụng-cụ, máy-móc, bản-đồ của ngành này còn sót lại trước sự đờ-vờ.

Mỗi nước nói trên chiếm đặng một mỡ tài-liệu, một số người, bắt đầu mở cuộc thí-nghiệm liền ngay năm đó. Mỹ thử loại hòa-tiến V2 đã đội xuống thành phố Londres, và Anvers, tại các bãi sa-mạc nằm ở phía Đông Hiệp-chúng - quốc. Nước Nga cũng thế, họ thí-nghiệm dọc bờ biển Baltique loại vũ-khí vô cùng lợi hại viết tên tắt là V, tức là Vergeltungswaff chữ Đức có nghĩa là "vũ-khí trả thù" (arme de représaille).

★ *Sở-thượng Giang*

- **BẮT ĐẦU TỪ NĂM NÀO ?**
- **ĐÃ CÓ BAO NHIÊU CUỘC DỌ ĐẮM ?**
- **AI SẼ ĐỔ BỘ LÊN CUNG TRĂNG TRƯỚC ?**

**\* Ý-niệm thay đổi loại  
giết người thành dụng-cụ  
khoa-học.**

Ngay lúc bắt đầu thí-nghiệm, Mỹ cũng như Nga, đều nhận thức rằng nếu đặt dụng-cụ khoa-học vào cái chót của hỏa-tiến thay vì các nổ thì họ sẽ thâu hoạch được nhiều tin-tức quý báu trên chất tầng lớp không-khí trên thượng tầng không-gian. Trước đó, người ta đã dùng loại khinh-khí cầu để thám-hiềm không gian được nhiều kết quả, nay nếu sử-dụng hỏa-tiến có tầm thăng thiên đến 300 cây số thì các nhà bác-học sẽ còn thâu hoạch thêm nhiều điều hay. Thế là lần đầu tiên trong lịch-sử loài người, một số nhà bác-học cố gắng hoàn-bị công-trình sáng-tạo của người Đức để thiết-hiện cái mộng lên mặt Trăng, một hành tinh ở gần nhứt trái đất.

Lúc bấy giờ, như chúng ta đều biết, hỏa-tiến V2 bắn ra đều rớt xuống đất. Muốn đừng bị sức hút của trái đất, và muốn cho hỏa-tiến mang vệ-tinh được lọt trong quỹ-đạo bay hoài thì ít ra sức bay mau của hỏa-tiến mang vệ-tinh phải trên tốc lực 28.000 cây số mỗi giờ. Còn muốn lướt khỏi hoàn toàn sự hấp dẫn của trái đất thì tốc lực phải mau trên 40.000 cây số giờ. Vấn đề trước nhứt phải giải quyết là phải tìm chất nhiên liệu nào có sức mạnh đẩy hỏa-tiến với tốc lực nói trên.

Vấn đề thứ nhì là việc đưa hỏa-tiến lọt vào không khí, vì đưa một phi hành gia vũ trụ lên không gian hoặc lên mặt Trăng, còn phải đem người ấy về cho hoàn toàn. Người ta phải nghĩ cách chế-tạo chất kim khí như thế nào để khi hỏa-tiến đưa người lên, cũng như lúc người ấy trở xuống, tránh được sức nóng vô cùng do sự cọ sát của không khí có thể làm cháy tiêu máy móc dụng-cụ.

Vấn đề thứ ba là việc hướng dẫn phi-thuyền không gian. Những máy tính toán bằng điện tử, những máy hướng-dẫn bằng vô-tuyến đã có, nhưng đâu có phải giải-quyết dễ-dàng sự hướng-dẫn cho thật đúng trên một con đường đi mệnh-mông và vô cùng tận. Đối với vấn-đề đưa phi-thuyền, vệ-tinh lên không gian bao la nếu tính-toán sai đi một phần triệu triệu một ly thì sự cách-biệt sẽ lớn-lao không thể ước-lượng được. Một tỉ-dụ chứng-minh : là năm qua Mỹ phóng vệ-tinh *Mariner II* lên kim-tinh, các nhà bác-học định cho nó ở cách xa kim-tinh chừng 500 tới 600 cây số, ấy thế mà khi vệ-tinh *Mariner II* bay lên tới trên đó, khoảng cách-biệt lại nở rộng đến 36.000 cây số ngàn !

Bên cạnh 3 vấn-đề lớn-lao vừa

kề trên có thể nói là căn-bản, còn bao nhiêu vấn-đề thứ yếu nữa như : hạ trên hành-tinh, thăng phi-thuyền lại, lộn về trái đất, tránh phóng xạ tuyến, tránh phi-thuyền va chạm với hàng hà sa số những vật khác bay theo quỹ đạo, chống với khí-hậu trên hành-tinh, phải giải-quyết con người khi "sống" ở một nơi không có trọng lượng hấp dẫn (non pesanteur).

Tất cả những vấn-đề đó là cả bao nhiêu rắc-rối phức-tạp, óc bình thường của chúng ta chỉ nghe nói đến là đã điên đầu !

● **Nhiên-liệu dùng đẩy hỏa-tiến là thành phần quyết-định.**

Từ năm 1945 cho đến 1957, cả Nga lẫn Mỹ nghiên-cứ bù đầu bù óc các vấn-đề trên chưa được kết-quả khả-quan nhiều. Nhưng rồi nước Nga mở màn trước bằng sự phóng lên quỹ-đạo vệ-tinh *Spoutnik I* ngày 4 tháng 10-1957. Thế là Nga đã giải-quyết được vấn-đề phóng đi một hỏa-tiến với tốc-độ 28.000 cây số giờ. Vệ-tinh gắn trên đầu hỏa-tiến nặng được 83 kí-lô, qua tháng sau, Nga lại phóng tiếp vệ-tinh thứ hai *Spoutnik II* nặng đến 500 kí. Rồi, như sấm trôn, chiếc *Spoutnik III* được đưa lên quỹ đạo nặng đến 750 kí. Do 3 thành công đầu tiên này, Nga

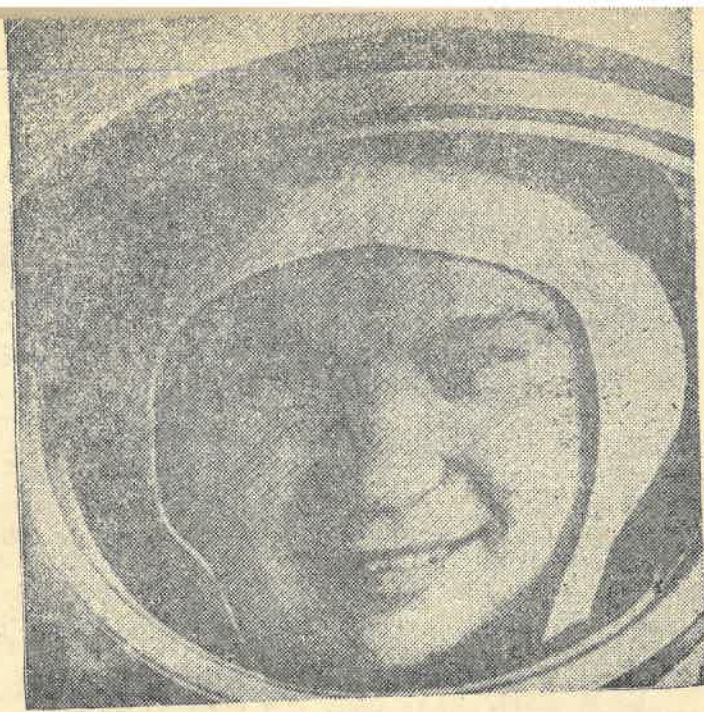
đã giải-quyết được, hoàn-thành được sức mạnh của hỏa-tiến làm cho thế-giới phải kinh-ngạc.

Mỹ liền đó cũng bám sát theo, đúng hơn là với tốc-độ, nhưng chưa theo kịp Nga với sức năng của vệ-tinh đưa đi. Vào tháng hai 1958, nhà bác-học Đức sang Mỹ phục-vụ là Wernher von Braun đưa vệ-tinh *Explorer I* lên quỹ-đạo chỉ nặng 5 kí-lô. Mãi cho đến bây giờ Nga vẫn còn trên chơn Mỹ về sức mạnh của hỏa-tiến, còn Mỹ thì quả-quyết vệ-tinh họ nhẹ hơn, nhưng máy móc tinh-xảo hơn.

Sau khi đưa máy-móc lên không gian, các nhà bác-học liền nghĩ cách đưa sinh-vật Nga một lần nữa lại đi trước Mỹ về vấn-đề này. Nga đã đưa lên không-gian 2 lần hai con chó, do đó họ đã thâu hoạch được nhiều nhận-xét ích-lợi về sức chịu đựng của cơ-thể sinh-vật ngoài sức hấp dẫn của trái đất và ảnh-hưởng của cuộc du-hành không gian.

Trước những thành-công vang như thế, các nhà bác-học vẫn chưa thiết-hiện được sự thâu về những vật và sinh-vật đã gởi lên quỹ-đạo. Lúc bấy giờ vệ-tinh lọt vào quỹ-đạo thì kẻ như thí bỏ rồi. Nó cứ bay quanh trái đất rồi lần tan rã trong không-gian.

Nữ  
phi  
hành  
gia :  
Valentina



Về vấn-đề này cùng một lượt Mỹ và Nga đều giải-quyết thắng lợi. Cả hai nước đều thuê lại được những cái đầu hỏa tiễn đã đưa lên không-gian và trở về bằng cách thả bằng những chiếc dù đúng lúc tự xò ra hoặc bằng máy móc kèm hãm lẫn tốc lực của các đầu hỏa-tiến lúc trở về trái đất, chẳng hạn như hỏa-tiến hồi tố.

Rồi Nga lại phát-minh loại hỏa tiễn liên lục-địa có vô tuyến điều khiển, muốn cho nó rớt ngay nơi nào đều đúng theo kế-hoạch tiên liệu.

Ngày 19-8-1960, Nga lại ghi thêm thành công nơi băng vàng.

Họ đã đưa lên không gian nhiều sinh-vật và thu hồi về trái đất. Do chiếc phi-thuyền tên **Arnik** nặng đến 5 tấn, họ chở chó, chuột và sâu bọ gửi lên quỹ-đạo và thu về an-toàn. Sau đó 5 tháng, Mỹ đưa con khỉ đầu tiên lên không gian nhưng không phải bay vòng quanh trái-đất. Con khỉ được phóng lên như kiền viên đạn rồi rớt trở xuống sau khi lên cao 700 cây số.

### ● Thám hiểm mặt trăng

Đồng thời với những nghiên-cứu vừa kể trên. Nga và Mỹ vẫn chú trọng đến việc thám-hiềm mặt Trăng.

## CHẠY ĐUA LÊN CUNG TRĂNG

Vào tháng 8 năm 1958, Mỹ cho phóng thử một vệ-tinh lên hướng mặt trăng gọi là " *moon probe* ", có nghĩa là dò-dẫm mặt Trăng. Vệ tinh này bay khỏi mặt đất 77 sao đồng hồ thì nổ tan-tành. Tiếp theo đó là các hỏa tiễn *Pionnier I, II* và *III* chỉ rời khỏi mặt đất trong vòng 100.000 cây số thôi. Đến chiếc *Lunik I* của Nga đã vượt lên đến bên cạnh mặt Trăng cách có 6.500 cây số sau khi đã vượt qua gần 400 triệu cây số trên không gian. Hôm ấy vào tháng Janvier 1959.

Hai tháng sau cuộc hành-trình của *Lunik I* Mỹ phóng chiếc *Pionnier IV* đi cạnh mặt trăng đến 60.000 cây số.

Nhưng rồi Nga lại thắng lợi trong cuộc chạy đua không lồ lên mặt trăng. Vào tháng 9, năm 1959, Nga cho hạ ngay trên mặt Trăng chiếc *Lunik II*, đã chuyền về cho Nga rất nhiều khám-phá chưa hề ai biết.

Sau sự thành-công vĩ đại này, Nga lại phóng lên mặt Trăng một vệ tinh bay theo quỹ đạo của mặt Trăng để chụp ảnh phía sau lưng tức là phía thường nằm trong bóng tối. Hình ảnh ấy với phương pháp điện tử được gửi xuống trái đất cho Nga. Việc này đã vượt qua sức tưởng tượng của con người.

### ● Gửi người lên không-gian

Vào cuối năm 1960, khoa học thám hiểm không gian đã tiến một mức nhảy vọt. Ba chương ngại lớn lao để đưa người lên mặt Trăng đã vượt qua rồi. Mỹ và Nga tranh nhau lên mặt Trăng đã có đủ máy móc hướng dẫn cần thiết và cả hai nước đã tìm được cách bảo vệ an toàn sinh mạng khi gửi phi hành gia lên không gian để và về.

Ngày 12 tháng 4 năm 1961, phi hành gia vũ-trụ đầu tiên là thiếu tá Yuri Gagarine của Nga bay quanh quỹ đạo trái đất 43.500 cây số với tốc độ 28.000 cây số giờ trong chiếc phi thuyền *Vostok I* và trở về bình yên, vấn đề cho người đi trên không gian nói chung đã gần như giải quyết xong.

Sau đó vài tháng Mỹ cho phóng thử trước sau 2 người lên cao chừng vài trăm cây số. Mỹ cũng thành công trong cách thức bay này chớ chưa đặt người được vào quỹ đạo. Đó là Alan Shepard (5/5/61) và Ivan Grissom (21-6-61). Người trước bay cao 184 cây số. Người thứ nhì 188 cây số. Vào ngày 6 tháng tám năm 1961, Nga cho Herman Titov ngồi phi thuyền *Vostok II* bay quanh trái đất tới 17 vòng tính ra là 25 giờ bay, và

bằng con đường dài của 17 vòng trái đất đó còn xa hơn con đường đi lên mặt Trăng và trở về.

Mãi cho đến tháng mười một năm 1961, Mỹ mới phóng một con khỉ tên Enos vào quỹ đạo. Và đến ngày 20 tháng hai và 24 tháng năm 1962, hai phi hành gia vũ trụ của Mỹ là Glenn và Carpenter mới lọt vào quỹ đạo của trái đất. Mỗi người chỉ bay có 3 vòng.

Cuộc ganh đua giữa hai cường quốc này mỗi lúc mỗi sôi nổi. Nga thấy Mỹ vừa bám gần kịp thì lại thúc đi. Đến tháng tám 1962, Nga phóng lên 2 phi hành gia bay song song nhau, người thứ nhất là Nicolaiev bay 64 vòng trái đất, người thứ nhì là Popovitch bay 48 vòng. Người trước bay nhằm ngày 11-8-62 và Popovitch bay sau đó 1 ngày 12-8-62.

Các nhà bác học Nga đã chứng minh rằng con người đã có thể bay trên một đoạn đường lên mặt Trăng, và trở về, nhưng đâu phải như thế mà đủ. Còn phải nghĩ tới thời gian đầu ngắn ở trên mặt Trăng về sự tiếp tế dưỡng khí, vật thực v.v...

### ● Cần phải ráp liền phi-thuyền trên không gian.

Cuộc bay song song của hai

phi hành-gia Nga là Nicolaiev và Popovitch có lúc họ chỉ cách nhau có 5 cây số, người ngồi phi thuyền bên này trông rõ người ngồi bên kia, là một phát minh mới mẻ nữa về kế-hoạch thám-hiềm mặt trăng. Những nhà bác-học Nga định rằng muốn lên mặt Trăng thám-hiềm và trở về chắc-chắn thành-công thì phải thực-hiện cho được việc ráp phi-thuyền trên không gian, lập những trạm trên con đường ấy. Rồi từ những trạm có thể vừa là nghỉ chơn, vừa là chỗ thay đổi người, và cũng vừa là nơi tiếp-tế dụng-cụ, máy-móc, nhiên-liệu, những hóa-tiến khác sẽ đẩy tiếp phi-thuyền khác lên mặt Trăng. Cách thức đặt trạm trên không-gian nói đây giống như ở những con đường dài dưới đất, người ta đặt nhà ga hay đặt chỗ nghỉ xả hơi cho hành-khách, cho xe-cộ vậy.

Sau phi-hành-gia « cá - cặp » Nga vài tháng thì vào ngày 2-10-62 phi-công Mỹ là Walter Schirra ngồi Phi-thuyền Sigma VII, bay vòng quanh trái đất được 6 vòng. Đây là một tiến-bộ đối với Mỹ về thời-gian bay quanh trái đất của họ. Vì trước đó John Glenn và Scott Carpenter chỉ bay mỗi người được có 3 vòng thôi.

Kế đến ngày 15-5-63 Mỹ lại

cho Gordon Cooper ngồi phi-thuyền Faith 7 thực-hiện một sự tiến-bộ hơn nữa bằng 22 vòng bay quanh trái đất. Tuy Gordon Cooper đã « bước » được một bước khá dài trong lộ - trình quanh quỹ-đạo, nhưng so-sánh với 2 phi-hành gia Nicolaiev ngồi trên chiếc Vostok III và Popovitch (Vostok IV), phi-hành gia Mỹ còn kém xa.

Đề tỏ khả-năng, đồng thời rà lại việc bay song song nhằm vào công-việc ráp nhau trên không gian, ngày 14-6-63, Nga phóng phi-thuyền Vostok V do do Valery Bykovski điều-khiển lên quỹ-đạo. Rồi sau đó 2 ngày tức 16-6-63, Nga lại cho bay thêm phi-thuyền Vostok VI do một thiếu-nữ điều khiển là cô Valentina Terechkova 26 tuổi.

Cũng như hai chiếc Vostok III và IV của Nicolaiev và Popovitch, hai chiếc Vostok V và VI vẫn bay song song và có khi chỉ cách nhau có 1 cây số. Lần này Valery Bykovski bay tới 82 vòng, còn thiếu nữ Terechkova bay đến 49 vòng, nghĩa là gần gấp hai số vòng của phi-hành gia Mỹ là Cooper.

Lần bay cá-cặp này của Nga, thế-giới không đề ý thời gian bay lâu cho bằng việc Nga đã đưa lên

quỹ đạo một phi-hành-gia phái nữ. Việc thắng lợi và sức chịu đựng của Terechkova đã đánh-đổ thành kiến trong dân gian và ngay trong giới bác-học nhiều xứ cho rằng phụ-nữ không thể trở nên một phi-hành-gia không gian, vì kém sức chịu đựng và thiếu khả năng.

### ● Chùng nào con người lên tới mặt Trăng?

Đối với câu hỏi trên đây, Mỹ cũng như Nga, đều rất đề dặt phức tạp. Nhà chuyên môn nghiên-cứu vấn-đề phi-hành không gian Nga là ông A.L. Lebedinsky nói : « Khi phóng vệ tinh nhân-tạo đầu tiên lên không gian có nghĩa là cho ai nấy biết rằng thời gian đề cho con người đặt chân đến Kim Tinh và Hỏa Tinh không xa nữa. »

Câu nói này không đá động đến mặt Trăng là câu nói cố ý, chúng tỏ mục tiêu của Nga không phải tìm đến mặt Trăng mà thôi, họ còn nghĩ xa hơn nữa kia. Và cũng do câu nói này, chúng ta hiểu được là đối với Nga, việc lên mặt Trăng kể như là chuyện không khó, họ sẽ thực hiện trong 1 thời gian ngắn tới đây.

Nhà bác-học Đức là Von Braun hiện ở Mỹ cho biết ý-

kiến : "Trong vòng vài mươi năm nữa, chúng tôi sẽ đẩy đủ phương tiện, gởi nhiều phái-đoàn tới Thái-dương-hệ từ Kim-Tinh tới Hỏa-Tinh hay xa hơn nữa. Hiện giờ chưa có thể tiên đoán sẽ khám phá những gì có thể khám phá được".

Đây cũng là một thận trọng, không đá động tới mặt Trăng.

Tuy nhiên theo báo chí vừa loan tin Mỹ cho biết sẽ đặt chân xuống mặt Trăng vào năm 1970 gì đó !

Một người Anh ở cơ xưởng kiến-thiết phi-cơ là ông E. Stewart nói : "Theo cái nhịp độ hoàn bị máy móc tinh vi như hiện nay, trong vòng 10 năm nữa sẽ có phái đoàn thám hiểm đầu tiên tới mặt Trăng". Lời tuyên bố của ông E. Stewart được coi là lời nói trung lập vì nước Anh không có tham

gia vào công cuộc chinh phục mặt Trăng.

Theo một số chuyên viên về vấn đề không gian của Anh thì phi-thuyền không gian hạ xuống mặt Trăng trước hết họ đặt lên đó máy móc khoa học để chuyên vận tin tức về địa cầu. Người đầu tiên đến mặt trăng hẳn là người Nga, rồi mới người Mỹ. Ngay khi đó thì có những quốc gia khác đang bay quanh trái đất và một số người nữa bay quanh mặt Trăng.

Riêng ông Kenneth Gatland, Phó chủ-tịch hội Hàng-không liên lục địa của Anh lại tiên đoán là vào năm 1966 hay 1967, con người thứ nhất sẽ tới mặt Trăng.

Những nước theo sau Nga, Mỹ về vấn đề này hẳn là các nước Anh, Pháp, Nhật...



### ● GÀN KHÔNG BẰNG XA

Một nữ tài-tử lái xe chạy trên một xa lộ ở miền Bắc tiểu-bang Darota thì xe bị nổ bánh. Nàng dừng lại và lay hoay chữa, nhưng vì tay yếu nên vận mấy dầu ốc chưa ra.

Nhiều chiếc xe hơi vun vút chạy qua và không một ai để ý giúp đỡ. Bỗng từ trên cao một phi công lái một phi cơ trực thăng dự lịch trông thấy, liền đáp xuống gần chiếc xe hỏng bánh.

— Cô cho phép tôi được giúp cô tỉ việc tầm thường ấy.

Thế rồi chỉ trong 10 phút, chàng phi công sửa xong xe cho cô đảo xi nê, bèn lên lại máy bay và cất cánh.

Trong dịp này người chịu ân là Linda Christian và người thì ân là Glenn Ford vậy.

P.C

## tỏ-quốc với tình yêu

★ HL. HOÀI-VIÊN-PHƯƠNG

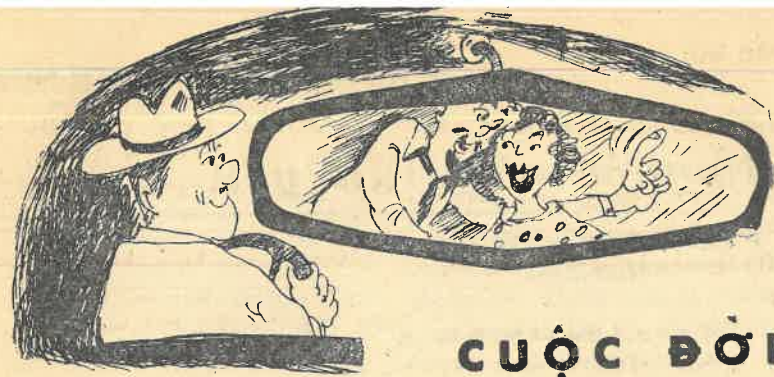
(Vĩnh-Bình)

Sá chi một chuyến không từ già  
 Người chưa yên dạ bước đường mây  
 Vương chi nẻo cũ nhiều hoa lá  
 Thương tiếc càng thêm bận chí trai.  
 Kinh thành gió bụi mình đôi ngã  
 Dãi dẫu sương tuyết chốn non đồi  
 Nợ nước thân anh giờ lo trả  
 Sợ gì bao thác chịu năm gai  
 Bốn phương tám hướng dù xa lạ  
 Cũng quyết tìm đi dấu đạn dày  
 Niềm riêng gói vẹn trong tâm tưởng  
 Đất Nước yên vui sẽ một ngày..

Với trái tim này em khấn nguyện  
 Dâng cho tổ quốc với tình yêu  
 Hai thiêng liêng ấy hồn em quỳ  
 Lê sống đời ta chỉ bấy nhiêu.  
 Đò ngang dầu chết rồi một chuyến  
 Còn nhớ nhưng gì bên quạnh hiu  
 Vàng son đâu để mà lưu luyến.  
 Mơ tưởng làm gì khách thời tiêu  
 Nhưng thói bền vững đã im tiếng  
 Chàng đã ra đi giữa một chiều  
 Non sông khói lửa mùa chinh chiến  
 Thương nhớ tàn phai nét mỹ miều

Nghìn dặm quan san dù cách trở  
 Chúng mình đôi ngã kẻ sấm thương  
 Lên đường phụng sự anh nào sợ  
 Cạn máu nguồn tim giữa chiến trường.  
 Dù khách chương đài lâu chẳng nhớ  
 Đến người chiến sĩ chốn biên cương  
 Đền xong nợ nước dù gian khổ  
 Tìm những nguồn vui khắp bốn phương  
 Bọt nước đẹp rồi đành tan vỡ  
 Như áng mây chiều không cố hương  
 Nhân sinh một thoáng kia thiên lộ  
 Thời nhé còn gì để vấn vương !





## CUỘC ĐỜI trong tấm kính chiếu hậu

\* Trong - Tấu

(tiếp theo P.T. 110)

### III.— MỘT VỤ THỦ TIÊU LY-KỲ BÍ-HIỆM

QUA ánh đèn đường, liếc nhìn trong tâm kiếng chiếu hậu, tôi đoán chừng cặp trai gái đang ngồi trên xe tôi không phải là vợ chồng. Câu chuyện của cặp nhân tình này xảy ra vào khoảng gần 1 giờ sáng. Chàng, độ chừng 30 tuổi và xừ sự khá « ga-lăng » không khác chi những con người lịch sự Tây-Phương. Nàng, rất đẹp nhưng da mặt tái xanh như người đang bệnh.

Nàng trùm trên đầu một chiếc khăn choàng bằng vải sọc rê tiến. Điều làm tôi đặc biệt chú ý là bộ quần áo của nàng. Cứ trông nét mặt người con gái, tôi đoán chừng nàng phải là người biết ăn diện lắm. Vậy mà không hiểu tại sao bộ y phục nàng đang mang trong người lại có vẻ tối tàn quá. Nó rộng thùng thình và không xứng với con người nàng chút nào. Cả, sánh với bộ Âu-phục chất chuột của người con trai ngồi kế bên. Người con gái khư khư ôm trong lòng một bọc vải thật lớn, thỉnh thoảng lại thở dài, khóc râm rức. Chàng:

CUỘC ĐỜI TRONG...

thanh niên cò gắng vỗ về an ti :

— Chắc không sao đâu ! Em đừng lo...

Nàng vẫn khóc và lo lắng đáp :

— Chắc em phải chột mắt. Em không dám về nhà nữa đâu, còn mặc mũ nào trông thấy ba má nữa. Anh làm khổ em quá chừng quá đời đi.

Anh con trai cò lấy giọng ôn tồn :

— Anh đâu có muốn vậy. Tại vì... tại vì không may...

— Anh còn cứ cò bào chữa hoài. Nếu không tại anh thì thân em đâu đến nỗi ra thế này..

Hai người im lặng thật lâu, và rồi lại tới phiên người thanh niên nói :

— Theo anh, bây giờ chỉ có cách làm như mình đã tính là ổn hơn hết... không lẽ mình cứ đi lang thang suốt cả đêm ở ngoài đường như vậy sao?... Đàng nào em cũng phải về nhà.. Anh tin chắc thế nào ba má cũng tha thứ... vì mình thật tình với nhau kia mà... Nếu em sợ thì để anh cùng đi với.

Người con gái dẫy nảy :

— Không được đâu ! Ba má em khó lắm. Anh tàn nhẫn quá... anh định giết em luôn hay sao ?

Chàng thanh niên thở dài :

— Nếu em quá nhút nhát như vậy thì anh biết tính sao bây giờ?... Còn... còn cái bọc này, sao không thử tiêu đi cho rồi ? Em giữ lại cũng chẳng làm gì được nữa.

Xe tôi chạy ngang một nhà bảo sanh tư. Chàng thanh niên bỗng gọi tôi giật ngược :

— Bác, bác... bác làm ơn ngừng xe cho tôi nhờ một chút.

Tôi đậu xe bên lề đường. Chàng thanh niên vội giết bọc vải trong tay người con gái, mở cửa xe nhảy xuống chạy lại mở nắp một thùng rác khá lớn ở trước cửa nhà bảo sanh, bỏ vào trong đó đoạn dẫy nắp thùng lại như cũ. Anh ta lại bước lên xe. Người con gái co rúm người lại, dẫy dụa.

Chàng thanh niên vẫn cò vỗ về an ủi người yêu :

— Em đừng ngại gì cả... Cốt anh thương em thiệt tình là đủ rồi. Nếu đêm nay khuya quá, không tiện thì ngày mai thế nào anh cũng đến gặp ba

má em để trình bày tất cả sự thật... Anh sẽ dẫn cả má anh tới...

Người con gái vừa khóc vừa nói:

— Đời em chưa bao giờ phải gặp những cảnh nhục nhã như thế này... Em không biết, anh làm sao được thì làm... Em khổ lắm! khổ lắm! Hu hu!

Tôi đã đưa cô gái về nhà cô ở đường Kỳ-Đông. Chàng thanh niên phải năn nỉ mãi, cô ta mới chịu bầm chuông vào nhà. Tôi đoán chừng ít ra trong nhà này, mấy phút nữa đây cũng sẽ nổi lên một cơn bão tố.

Tôi lại phải chạy thêm một cuộc nữa để đưa chàng thanh niên về nhà anh ở đường Trương-Minh-Giang. Nghĩ tới cảnh cô gái bị cha mẹ nhiếc mắng, tôi đâm ra ghét anh nhân tình của cô ta. Vì câu chuyện giữa hai người chứa đựng quá nhiều bí ẩn nên tôi sinh nghi. Tôi nhớ rõ địa chỉ của hai người lắm. Sau này, nếu có xảy ra chuyện gì gay gắt, chắc tôi đến phải nhảy ra làm chứng mất!

Linh tính thúc đẩy, đêm hôm đó tôi vẫn chưa về nhà ngay. Tôi đã trở lại chỗ để

thùng rác khi nãy và quyết xem lại cho rõ xem trong chiếc bọc đó có chứa đựng những gì.

Biết đâu anh chàng thanh niên kia lại chẳng phải là một tên Sở - Khanh, chuyên phá hoại cuộc đời những cô con gái nhà lành? Biết đâu cô con gái kia đã chẳng đã có chứa với anh, và... cái bọc vải kia lại chẳng đựng một hài nhi vô tội?

Tôi đã mở nắp thùng rác ra, dở bọc vải ra xem, xem có gì bên trong. Tôi quan sát gói đồ như một nhà thám-tử chuyên môn. Nếu quả thật trong bọc có một hòn máu bị bỏ rơi thì chắc chắn tôi phải đi tố cáo chàng họ Sở với nhà chức trách mất.

Tôi đã nhìn thấy gì?

Tôi tròn xoe mắt ngạc nhiên. Dưới ánh sáng ngọn đèn đường tôi thấy... tôi thấy một bộ y phục phụ nữ loại đắt tiền bị xé nát như bướm bướm, và một mớ tóc. Thật là kỳ dị, tôi không hiểu nổi!

Mãi đến ba tháng sau, do một sự tình cờ, tôi mới tìm ra được đáp số bài toán khó giải. Nhân một buổi sáng đẹp trời nọ tôi đã

có dịp lái xe trên đường Trương Minh Giang. Chạy qua nhà người thanh niên bữa trước, tôi bất giác nhớ lại câu chuyện cũ. Tôi giật mình khi nhận thấy là bữa nay căn nhà chàng ta có treo đèn kết hoa. Không bỏ lỡ dịp, tôi đậu xe lại, đi vào một quán cà-phê gần đó để xem có tìm ra được điều gì mới lạ không? May mắn thay, tôi đã được ông chủ tiệm — vốn quen thân với người thanh niên đó — vui miệng kể lại cho nghe tất cả mọi chi tiết về cuộc tình duyên của chàng ta.

Thì ra cái đêm mà tôi chờ xe cho chàng và nàng, nàng đã bị cô nhân tình cũ của chàng — một cô gái nhảy — đánh ghen. Cô gái nhảy đã

cùng vài người bạn gái khác lôi nàng vào nhà riêng, khóa trái cửa lại, xé rách quần áo và xõn mất một mớ tóc. Chàng được cấp báo, chạy tới tông cửa sổ vào đánh tháo cho nàng thoát khỏi tay «Hoạn Thư». Chàng phải mượn một bộ y phục khác cho nàng mặc và kiếm một chiếc khăn để che dấu cái đầu bị xõn tóc của nàng. Chàng đã thủ tiêu những tàn tích ghen tuông đó trong thùng rác. Nàng cự nự không chịu về nhà với bộ quần áo mặc «khín» và cái đầu gán trọc ấy.

Nhưng rồi, sau này mọi việc đã được thu xếp êm đẹp, vì chàng đã xin cưới nàng.



## ● THUỞ ẤY DỄ DÀNG LẮM, THƯA CHA

Một ông cha thấy con đi học nhắc nhở, bèn quở trách:

— Hai a, thuở Ba bằng tuổi con, Ba đã phải đi làm mỗi tháng chỉ có 20 đồng tiền lương mà phải làm việc suốt ngày, đứng bán hàng cho một tiệm tạp hóa. Trong 5 năm, tiệm tạp hóa đó trở thành quyền sở hữu của ba.

— Thưa Ba, thuở ấy dễ dàng lắm. Ngày nay phần nhiều nhà hàng có máy thu tiền, dù người nào lanh lẹ đến mấy cũng vô phương.

P.C.

# kiếp sống

★ **VŨ-VINH-HUY**  
(Hội-an)

Ta thui-thùi đi vào trong kiếp sống  
Cho qua ngày chẳng muốn nghĩ gì hơn  
Buồn da-diết khi tâm-hồn náo động  
Mắt hoa lên trong những lúc cảm-hồn.

Tuổi thơ ngây nhìn đời đen bạc  
Ta khóc thầm nhưng chẳng ai hay  
Lệ ráo ròi còn thêm kinh-ngạc  
Vì quanh ta toàn chuyện đắng cay

Chắc hẳn đâu thai làm thế-kỷ  
Nên đời ta u-uẩn lắm thay  
Biết làm sao khi đã thế này  
Đành thui-thùi đi vào trong kiếp sống

# ngõ ngang

★ **Z. DẶNG**

Tỉnh giấc ngủ say nồng  
Biết hồn mình đi lạc  
Tiếng gió gọi mệnh mông  
Thân nằm trơ ngo-ngác

Rồi tiếng mưa xào-xạc  
Và giọng đẽ oán-hờn  
Se niềm thương thất lạc  
Giữa một chiều cô-đơn

Gió rúc lạnh đôi chân  
Lộng vào lòng tê tái  
Biết ai cùng cảm thông  
Những khi lòng hoang dại

Lìa xác thân bãi-hoải  
Hồn bủa khắp càn-khôn  
Tìm lời thơ tê tái  
Về sưởi ấm tâm-hồn.

# CA - ĐAO

n h à

# TÂY - SƠN

★ *Trần-nhiệm-Thần*

**NHẮC** đến nhà Tây-Sơn (1788—1802) ta thấy đó là một triều đại có thể nói rằng hỗn-loạn nhất và vẻ-vang nhất trong lịch-sử Việt.

Trong bài này, chúng tôi không nói đến chính trị, ngoại giao, văn-học... dưới nhà Tây-Sơn; trái lại chúng tôi chỉ xin trình bày một ít ca dao của nhà Tây-Sơn.

Trước hết, tôi xin bạn ôn lại gốc tích ba anh em Tây-Sơn một cách sơ-lược.

● Ông Hồ-phi-Phúc lấy Bà Nguyễn-thị-Đông và lập một nông trại Tây-Sơn tại ấp Kiên-Thành, tức là Phú-Lạc, Kiên-Mỹ thuộc xã Bình-Thành, quận Bình-Kê (Bình-Định)

ngày nay, rồi sinh được ba con là Nhạc, Lữ và Huệ.

Ba anh em Tây-Sơn vốn họ Hồ sau vì có câu sấm «Phụ Nguyễn trị thông» (có nghĩa là giúp nhà Nguyễn mà đất dân) nên ba anh em Tây-Sơn mới đổi họ Hồ ra họ Nguyễn-Nhạc, Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ (sau có đổi tên là Nguyễn quang-Bình).

Từ lúc nhỏ ba anh em Tây-Sơn cùng học một thầy là ông Trương Hiền (1) Trương-Hiến

(1) Trương-Hiến tức Giáo-Hiến, con của Trương văn Hạnh, Hạnh bị Trương phúc Loan giết chết. Hiền sợ và lấy bèn bỏ Phú-Xuân mà vào Bình-định.

mở trường dạy học cả văn lẫn võ ở ấp An-Thái (nay thuộc xã Nhơn-Phúc, quận An-nhon, Bình-Định). Như vậy, nghề võ ở Bình-Định mới phát xuất ở nhà Tây-Sơn hay nói cho đúng hơn là do Trương-Hiền mang đến. Ca-dao Bình-Định còn hai câu này tả rõ nghề võ ở Bình-Định.

Ai về Bình-định mà coi,  
Con gái Bình-định múa roi đi quyền

và :

Trai An-Thái  
Gái An-Vinh

Trong lúc dạy học, Trương Hiền có nhắc cho Văn Nhạc biết câu sấm :

Jây khởi nghĩa, Bắc thu công  
hoặc câu :

Của, của trời ai chắm thì được.  
Việc, việc trời ai trước thì hơn.  
Tội gì ăn trắng mặc trơn,  
Làm người gánh vác giang-sơn mới là...

nên ba anh em Tây-Sơn mới nuôi mộng tưởng lập biển vá trời, mưu đồ đại-sự.

Và chẳng bao lâu ba anh em Tây-Sơn khởi nghĩa thật sự, đúng vào năm Tân-Mão (1771), quyết-tâm diệt-trừ lộng-thần Trương-phúc-Loan và giải-

phóng đồng bào.

Do sự chia cắt đất đai của Trịnh - Nguyễn (1627-1774), vận nước hỗn-loạn, nhân-dân đổ-thán nên công-cuộc khởi-bình của ba anh em Tây-Sơn rất được nhân-dân hưởng-ứng rầm-rộ. Họ tin-tưởng :

Non Tây áo vải, cờ đào,  
Giúp dân dựng nước xiết bao công trình.

Sự-nghiệp nhà Tây-Sơn bắt đầu bành-trướng. Năm 1773 Văn-Nhạc lấy được Qui-nhon. Lòng trông-cậy của nhân-dân Bình-định đối với ba anh em Tây-Sơn càng tin-tưởng hơn. Họ đã ra tay giúp đỡ :

Nhông-nhông ngựa Ông đã về,  
Cắt cỏ gò Đê cho ngựa Ông ăn.

Gò Đê xưa là đồng cỏ rộng-rãi cạnh ấp Kiên-Thành. Ngày nay đã biến-thành một vùng ruộng mang lấy tục-danh trên. Ca-dao địa-phương còn có câu :

Tây đi rồi, lại Tây về,  
Tây đến Gò Đê, Tây(2) lại rút lui.

Từ khi lấy được Qui-nhon và chiếm thành Bình-định, Nguyễn-Nhạc bắt đầu sông xa-hoa đề cho những cơ-linh hỗn-

(2) chỉ quân Tây-Sơn.

loạn, thiếu kỹ-luật trật-tự, làm cho dân-chúng oán-thán :

Trách lòng Biện-Nhạc (3), Từ-Linh,  
Làm cho con gái thất kinh hãi hờn.

Trách lòng Biện-Nhạc, Nhiễu-điều  
Làm cho con gái lắm điều phiền lo.

Muôn thu-phục nhân-tâm, vua Quang-Trung Nguyễn-Huệ liền cưới Ngọc-Hân công-chúa (thường gọi là Chúa - Tiên), con thứ 21 của vua Lê Hiền-Tông (1740—1786). Lúc bấy giờ (1786) Ngọc - Hân mới khoảng 16 tuổi nên nhân-sĩ Bắc-Hà có đặt câu ca-dao :

— Gió đưa mười sáu lá xoài,  
Lấy chồng Bình - định cho dài đường đi.

Như ta đã biết vua Quang-Trung Nguyễn-Huệ vốn là anh chàng áo vải đất Tây - Sơn (Bình-định) mà bước lên địa-vị anh-hùng cho nên lúc Ngọc-Hân mới lấy Nguyễn - Huệ (1786), Nàng đã thòt nên câu :

— Trai tay không : không ăn nhờ vợ,  
Gái chín đụn, cũng phải nhờ chồng.

Đền năm 1787 Nguyễn-Huệ giết con rề của Nguyễn-Nhạc

là Vũ-văn-Nhậm. Mắm chia rề giữa Nhạc và Huệ bắt đầu từ đây. Huệ đem quân vây thành của Nhạc, Nhạc khóc mà rằng :

Bì oa chữ nhục, đệ tâm-hà nhân?  
(nổi da xáo thịt, lòng em sao nở?) (4) Ca-dao Bình - định ngày nay còn lưu-truyền câu :

Da nai mà nấu thịt nai,  
Việc đời như rửa ai không động lòng!

Thịt nai mà chín bên trong,  
Da nai cũng cháy còn mong nổi gì!

Thề rồi hai anh em lại hòa-hảo như xưa. Tuy nhiên, công-nghiệp nhà Tây-Sơn chỉ

(3) Nguyễn-Nhạc trước có làm Tuần-biên ở Văn-Đồn, nên người địa-phương thường gọi tắt là Biện-Nhạc.

(4) Đồng nghĩa này,  
● Ca-dao Việt có câu :  
Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau.

● ● hoặc câu chuyện Tào-Thực (đời Tam-Quốc) tức Tào-tử-Kiến khi bị người anh là Tào-Phi uy-hiếp có làm bài thơ «Củ đậu nấu đậu» như sau :  
Chữ đậu tri tác canh,  
Lộc kỹ dĩ vì chấp.

(xem tiếp trang 40)

có Quang-Trung Nguyễn-Huệ là le-lói hơn cả:

— Quân đội hà vừa mới qua sông Đáy,  
Muôn nghìn quân Chiệc hoảng chạy cong đuôi,  
Bắc-bình-Vương mới vừa giao phong một trận,  
Tôn-si-Nghị đã quay xuôi về Tàu.

Đền khi Nguyễn-Huệ mất (1792), nhà Tây-Son coi như đã sắp suy-tàn Cảnh-Thịnh lên thay Quang-Trung, nhưng vận nước lại càng suy-đồn hơn.

Đô-đốc tam thiên Đô-đốc.  
Chỉ huy bát vạn chỉ-huy.  
Trung-Úy, Vệ-Úy chẳng kể làm chi,

Cai-đội, Phó-đội lấy tàu mà chờ.

Không bao lâu nhà Tây-Son đứt hẳn, để nhường cho vua Gia-Long nhà Nguyễn trị vì (1802).

Tính ra nhà Tây-Son làm vua được cả thảy 14 năm tròn (Quang-Trung 1788-1792 và Cảnh-Thịnh 1793-1802), đúng như câu sấm:

Cha nhỏ đầu, con nhỏ chân (5),  
Đến năm Nhâm-Tuất (1802) thì thân chẳng còn.

và:  
Đầu cha lấy làm chân con, (6)  
Mười bốn năm tròn hết số thời

hoặc đúng như lời chiết-tự trong hai chữ Thái-Đức, niên hiệu của Nguyễn-Nhạc (1778-1793).

Tam nhân tranh nhất thủy  
Thập tứ niên vong  
Mặc đầu nhà Tây-Son là

Kỵ hương phầu hạ nhiên,  
Đậu tại phầu trung khắp;  
Bồn thị đồng cân sanh,  
Tương tiên hà thái cấp.  
(Chữ đậu nhiên đậu cơ,  
Đậu tại phở trung khắp  
Bồn thị đồng cân sinh  
Tương tiên hà thái cấp).

\*\*\* hay bài thơ «Rừng cây lười» của cụ Nguyễn-hàm-Ninh, hàm ý nói việc vua Tự-Đức (1847-1883) đã giết anh là Hồng-Bảo.  
Thơ rằng:

Ngã sinh chi sơ, nữ vị sinh,  
Nữ sinh chi hậu, ngã vị huynh  
Bất tư cộng hưởng trăm cam vị,  
Hà nhân tương-vong cốt nhục tình.

(5) Đầu chữ Quang (Quang-Trung) và dit chữ Cảnh (Cảnh-Thịnh) đều có chữ Tiểu (nhỏ). Thay đổi vị-tri chữ Tiểu ở hai tên nói trên nên có câu: — (6) Đầu cha lấy làm chân con.

thù địch của mình, nhưng vua Gia-Long vì quá yêu tài văn-chương và sắc đẹp của Ngọc-Hân nên lấy nàng làm vợ, mặc cho lời can ngăn của Lê-văn Duyệt (?—1832) là thuộc tướng của Ngải.

Gái đầu có gái lạ lòng,  
Con vua mà lấy hai chồng làm vua (7)

Nhà Tây-Son mất đi, mang theo cả vũ nghiệp 14 năm gây dựng mà chôn vùi suốt 143 năm trị vì của nhà Nguyễn (1802—1945) để rồi ngày hôm nay mới được lịch-sử phê-phán công bình hơn và nhà Tây-Son người ta không còn gọi là «Ngụy» nữa, như nhà

Nguyễn đã gọi trước kia. Lại mỗi khi Xuân đền, người dân Việt thường hát rằng:

«Xuân xưa vang trống Hạ-Hồi,  
Oai danh Nguyễn-Huệ muôn đời còn ghi.

Một trời khí-phách uy-nghi,  
Đón Xuân, không thẹn tu-mi Lạc-Hồng».

(Bình-định, trọng-Hạ-Nhâm-Dần) — 1962 —

(7) Ngọc-Hân là con của vua Lê-hiến-Tông (1740-1786) và lấy hai người chồng là Quang-Trung (1788-1792) và Gia-Long (1802-1819).



★ TẠI SAO ANH RUN ?

Trên xe lửa, một hành khách ngồi thu mình trong xô kẹt. Bỗng một tướng cướp ở đầu hiện ra, tay cầm khẩu súng sáu:

— Này chú kia, đưa bóp bạc đây?

Hành khách vừa run, vừa trả lời:

— Trong người tôi không có nữa đờn xu.

— Lão! Anh bảo anh không tiền, tại sao anh thấy tôi lại run? Tướng cướp hỏi.

— Là vì tôi tưởng anh là ông trưởng-xa mà tôi là người đi xe không vé.

P. C.

### chờ xem

Họa nguyên-vận bài «Tim bạn đang  
trình» của H.L. Hoài-viên-Phương (P.T. 109)



Nghe như chông chất sồi lên nấng  
Nhìn thế-nhân rồi ta hết vui !  
Bao lần thâm bại, vì tay trắng  
Ta muốn gào lên, vỡ cuộc đời,  
Giải-quyết được chi dòng uất lệ ?  
Hay ta còn khéoát áo thư-sinh  
Mai ta vút hết, vùng sông bể  
Bỏ thời bó-buộc lúc sân Trình  
Ai bao giờ thấy ta cười, khóc ?  
Dù có đau buồn cũng lặng thinh  
Chừ ta tay trắng, còn trong hốc  
Ngánh mặt làm ngo, chẳng dám  
nhìn.

Chỉ sợ ta nhìn rồi hết sống  
Đời mà ! còn biết nói làm sao ?  
Nghe ra cuộc thế, ngờ trong mộng  
Muốn xem thế-sự điếm muôn màu  
Chẳng muốn quay về thời dĩ-vãng  
Dù hay hiện-tại lắm thương đau  
Lặng nghe nhân-thế, chờ phê-phán  
Miệng thế-nhân là vạn ánh sao.

\* LY-HƯƠNG (Vĩnh-Bình)

### điểm tưởng

Với bàn tay sưng trần  
Cùng giác quan khờ dại  
Tôi như đã bao lần  
Mãm thương đau bên mãi

Người đến và người đi  
Vì sao rời khỏi điếm  
Bỏ phần đất man di  
Dăm bài ca tưởng niệm

Tôi còn gì trong này  
Mãng tranh buồn sinh thụ  
Nghe thân thể hao gầy  
Nỗi niềm băng nước lã

Đất sống càng xa hơn  
Đại dương và chim nhỏ  
Hoài đôi mắt tủi hờn  
Mùa Thu qua nữa đó !

\* HÀ-NGUYỄN-THY  
(Phan-rang)



\* Nguyễn-Vỹ

(Tiếp theo P.T.110)

1924-1927, ba năm . . .  
biết bao nhiêu là thay đổi trong  
đầu óc người thanh-niên Việt-  
Nam ! Cũng như đại đa-số, có  
thề nói là hầu hết thanh niên  
học-sinh Trung-Kỳ, Bắc-Kỳ và  
Nam-Kỳ, Tuấn 1927 đã khác hẳn  
Tuấn 1924.

Chàng trai nước Việt 1927  
không còn vô-tư, ngớ-ngẩn, khờ-  
khạo, như chàng trai 1924. Hắn  
không còn say-mê điệu quốc-ca  
*La Marseillaise* của Pháp nữa.  
Hắn đã ghét lá cờ « tam tài »  
xanh-trắng-đỏ. Hắn đã hết sợ  
ông Tây bà Đầm, và đã tức giận  
Tây là kẻ lấy quyền-thế, ý văn-  
minh, ý mạnh, dày xéo trên đất  
nước An-nam, bóc-lột dân An-  
nam, khinh-bí giống An-nam.

Tuy vậy, tâm-hồn các lớp bạn  
trẻ hãy còn chất phác, ngày-

thơ, chưa hiểu biết gì nhiều về  
chính trị trong nước, cũng như  
chưa có ý-thức rõ-rệt về vai trò  
của thanh-niên đối với chế-độ  
thuộc-địa. Đại-khái là thù Tây  
ghét Tây, nhưng vẫn thích học và  
thích nói tiếng Tây, viết chữ Tây.  
Ghét chế-độ quân-chủ, nhưng lại  
tôn-sùng các ông Vua ghét Tây  
và đã chống lại Tây. Những vị  
hoàng-đế như Tự-Đức, Hàm-  
Nghị, Thành-Thái, Duy-Tân, đều  
được bọn học-trò và toàn-thể  
thanh-niên chiêm ngưỡng.  
Những chuyện gì dính líu đến  
các vị Vua ấy đều được kể cho  
nhau nghe, và ai nấy đều tin ;  
nhất là những chuyện hoang-  
đường để chứng-minh rằng các  
Vua ấy là minh-quân, quả có  
cái « mạng đế-vương » của

« Trời » ban cho đề « cứu nước An-nam ».

Một ông Tú-tài Nho-học kể cho Tuấn nghe rằng vua Tự-Đức đi tiêu, ẻ ra cục c... *vuông*, chứ không phải cục tròn như bọn phàm-tục chúng ta. Tuấn tin ngay và vội vàng đi kể lại cho nhiều người nghe. Học-trò đũa nào cũng tin. Nhiều Thầy-trợ-giáo cũng tin. Dân chúng thành phố thì ai cũng tin cả. Tất cả đều tin. Chẳng ai cần biết rằng vua Tự-Đức đánh Tây, ở Cửa Hàng, ở Hà-nội, ở Lục-tĩnh, trận nào trận nấy đều thua liềng-xiềng, rất cuộc đề Tây lấy mất cả nước An-nam. Nhưng điều đó không quan-hệ. Chỉ một việc đánh Tây, cũng đã là hành-động của một vị minh-quân rồi, có « mạng đế-vương », đúng « vì Thiên-tử ». Tuấn khoái đem câu chuyện « cục c... Vuông của Vua Tự-Đức » đi nói cùng cả chợ mọi người nghe. Ai cũng cười xòa lên, nhưng ai cũng tin rầm-rập, chẳng có ai phản-đối, hay hoài nghi. Câu chuyện ấy được truyền khắp thành phố Qui-nhơn, cho đến anh « cu-li » xe kéo và chú thợ nề cũng biết và trầm-trồ kính phục... Hoàng-Đế. Một hôm, ở trường trong giờ chơi, ông Giáo-sư Pháp-Văn, tên là Arago, tính ưa khôi-hài và thích

chọc trò Tuấn, vừa cười vừa hỏi Tuấn :

— Có phải ông Vua An-nam ẻ cục c... *vuông* không, Tuấn ?

Tuấn hết sức ngạc nhiên không dè các ông Giáo-sư Pháp cũng nghe chuyện đó, và Tuấn tự thấy hơi lố-bịch, đối với người Pháp, nên Tuấn trả lời :

— Ai bảo với ông thế ? Những ông vua nước Pháp hỏi trước, như Louis XIV, cũng ẻ ra c... *vuông* hay sao ?

Ông Giáo-sư cười hà hà, cứ nhẹ trên đầu Tuấn một cái rồi đi mất.

Đại khái có một chuyện lạ nữa mà ai cũng tin, là chuyện vua Thành-Thái ra thăm núi Ngũ Hành-Sơn ở Đà-nẵng. Nơi đây có một gò núi có hai cái vú đá thiên-nhiên rất đẹp, giống hệt như đôi vú vùn-vén đầy đặn của đàn bà. Nước thật trong từ trong đôi vú ấy chảy ra thường xuyên từng giọt, nhỏ xuống hai chậu đá cũng thiên nhiên đặt ngay dưới vú. Các vị Tu-sĩ ở Ngũ-Hành-Sơn thay phiên nhau ra múc nước thiêng ấy đem vào cúng Phật. Bỗng, một hôm Đức vua Thành-Thái ngự-đủ ra xem thắng cảnh, trông thấy đôi « vú thần » đẹp quá, ngài chơi nghịch đưa tay ra bóp một cái vú, tự nhiên vú tịt ngòi, không chảy nữa. Mãi cho đến bây giờ (năm 1927) cái vú ấy

vẫn cứ cam luôn. Chỉ còn một cái tiếp tục thường xuyên chảy nước là cái vú vô duyên không có vinh-hạnh được bàn tay đế-vương sờ bóp. Lúc mới nghe, Tuấn cho câu chuyện ấy là hoang đường, phi-lý, nhưng mấy cậu học trò quê ở Quảng-Nam, đều quả quyết là chuyện thật 100 phần 100. Hầu hết những bạn này đều nói có đi xem núi Ngũ-Hành-Sơn và xác nhận sự kiện « lịch sử » ấy. Việc vua Thành Thái bóp vú đá ở Ngũ-hành-Sơn cũng được truyền tụng khắp cả trong thành phố, và cũng do đám học sinh đệ-nhị và đệ-tam niên loan ra. Một hôm anh Phạm đào Nguyên, thư-ký hãng Descours et Cabaud, mét riêng cho trò Tuấn biết rằng người vợ An-nam hiện tại của ông Tây Delorme ở cạnh Nhà Thờ Thiên-Chúa, trước kia chính là một trong những bà vợ của Vua Thành-Thái, và bà này hiện chỉ có một cái vú độc nhất, ở bên trái vì cái vú bên phải đã bị Vua Thành Thái cầm gươm chém đứt. Phạm đào Nguyên nói vừa cười, nhưng quả quyết là đúng với sự thật. Thấy Tuấn lắc đầu không tin, thầy thư ký hãng Descours et Cabaud bảo Tuấn « nếu anh không tin thì anh cứ việc đến hỏi thẳng bà Delorme, bà sẽ nói chuyện cho nghe ». Tuấn cho là một chuyện khôi hài, nhưng trò vẫn bị ám ảnh kinh

khủng bởi cái vú « lịch sử » của bà vợ Tây, mà Phạm đào Nguyên quả quyết bảo trước kia là vợ Vua Thành Thái. Óc tưởng tượng của tuổi thanh niên và thêm vào đấy cái tính tò mò học hỏi sẵn có của trò Tuấn bị căng thẳng đến tột độ khiến nửa đêm Tuấn không sao ngủ được. Đến khi ngủ mê, Tuấn chiêm-bao thấy cái vú của bà vợ Tây bị Vua Thành-Thái cầm gươm chém một nhát phun cả máu ra, Tuấn ú-ớ hét lên một tiếng kinh khủng rồi dụt mình tỉnh giấc. Cả nhà trọ đều hoảng hốt thức dậy hết. Họ thắp đèn lên và hỏi Tuấn. Cậu học trò ướt đầm mồ-hôi, diêm nhiên kể lại : « Tui thấy bà Delorme có hai cái vú thiệt đẹp, bị Vua Thành Thái cầm gươm chém một cái đứt ra, chảy đầm cả máu me. Tui sợ quá, hồn vía bay đi đâu mất ». Cả nhà đều cười xòa lên mà chế nhạo trò Tuấn là mê đôi vú của bà mẹ Tây. Mặc cỡ, nhưng muốn biết rõ sự thật, sáng chủ nhật Tuấn mặc áo dài trắng của học-sinh, đội mũ trắng, lê đôi guốc cùn đến nhà bà Delorme. Ông Tây chõng bà đi Saigon. Bà đang dạo vườn bắt sâu cho mấy bụi hoa. Cái cổng bằng gỗ đề mở một cánh. Tuấn đi qua đi lại hai ba vòng, mắt cứ lăm lét ngó vào vườn hoa, nhưng không dám vào. May sao bà vợ Tây đứng lại nhìn cậu, rồi mỉm

cười nói bằng tiếng Huế :

— Cậu kia đi mô rứa? Ngó chi rứa? Muốn xin bông hi?

Tuấn cười :

— Dạ. Bông gì đẹp quá, bà cho tui một cành được không?

— Được. Vô trong ni tui cho.

Thế là Tuấn vào. Đôi mắt tò mò của Tuấn cứ ngó ngay lên bộ ngực của bà, vẫn vun-vén đầy đặn cả đôi dưới lớp áo sơ-mi mỏng bằng hàng ngoại-quốc. Bà chạc độ 30 tuổi, rất đẹp. Tuấn hồi đó mới 16 tuổi thôi. Bà cười rất tự nhiên, hỏi :

— Răng cậu cứ đìn cái ngực của tui dữ rứa?

Tuấn bẽn-lên hỏi :

— Có phải hồi trước bà là vợ Vua Thành-Thái không?

— Phải, tui là cung phi của Đức Ngài Thành-Thái.

— Tui nghe họ đồn là nhà Vua chặt mất một cái vú của bà, có đúng không bà?

— Đúng chớ.

Xong, bà vui-vẻ cởi nút áo ra, phanh một nửa chiếc áo sơ-mi để hở một nửa ngực cho Tuấn xem. Bà chỉ cái chỗ vú bên phải :

— Cái ni đây.

Tuấn thấy không có cái vú ở chỗ đó nữa, da ngực bằng phẳng chỉ còn một vết sẹo lớn mà thôi. Vú bên trái thì bà vẫn cầm cái áo che kín, không cho Tuấn xem. Và lại trò Tuấn đâu có đòi xem cái vú còn nguyên- vẹn,

Xong bà cựa cung-phi cài khuy áo lại. Tuấn hỏi :

— Sao Vua Thành-Thái lại chém cái vú của bà chi rứa?

— Tại ri nè. Ngài dự-bị đánh Tây. Cho nên sáng mờ ngài cũng bắt cung phi cung nữ ra vườn tập trận. Ngài ra lệnh trông chuối chung quanh vườn, cứ cách một khoảng trồng một cây chuối. Ngài truyền cung phi cỡi ngựa, cầm gươm, rồi phi ngựa chạy ngang qua giã chuối, ngài ngự ngồi ghế truyền lệnh chém cây mô thì mình phải chém cây đó. Tại con ngựa của tui nó nhảy vồ lên, làm tui cũng thiếu điều bỏ xuống đất, tui đưa gươm ra chém cây chuối mà không trúng. Ngài ngự nổi giận liền chạy tới dự cây gươm chém luôn vô ngực tui một phát, tui bở xuống đất, máu chảy ra lai láng mà tui không dám kêu. Rồi tui chết giắc luôn. Sau đó nhờ dán thuốc dán lâu ngày cũng khỏi; bây giờ thành sẹo như rứa đó.

Tuấn đứng nghe, choáng-váng cả mặt mày, muốn té xỉu luôn bên bồn hoa của bà Cung-Phi... Bà bẻ cho Tuấn một cành hoa, bảo Tuấn vô nhà chơi, bà cho coi nhiều đồ Tây đẹp lắm. Nhưng Tuấn mắc cỡ, cắt mũ chào bà rồi chạy biến ra đường.

(còn nữa)



Những  
Người  
đàn  
bà  
Lung  
đinh

## 19.- Hoàng-phủ PHI-GIAO (1)

\* Tân-Phong

### I

**M**ẠNH - LỆ - QUÂN, là con gái độc-nhất của Mạnh-bi- Nguyễn, một văn-quan của Triều nhà Nguyễn. Tôi không diễn-tả sắc đẹp của nàng, các bạn cũng có thể tưởng tượng nàng là một bậc quốc-sắc thiên-hương, không kém các mỹ-nhân lưu-danh thiên-cổ của Trung-hoa thuở trước. Vì thế nên có hai chàng thanh-niên, — hai vị công-tử — cùng một lúc đến xin cầu-hôn nàng. Tất cả truyện đời gay-cấn và vô cùng hấp dẫn của

Mạnh-Lệ-Quân đều khởi điem từ cuộc tranh giành này giữa hai địch-thù cùng say-mê một sắc-đẹp điem-kiểu tuyệt-thê, cùng thờ một Thần-tượng của tình-yêu.

Một chàng, là Hoàng - Phủ Thiếu-Hoa, có người chị ruột là Hoàng-phủ Trường-Hoa, và cha là Hoàng - phủ - Kính, Tướng nhà Nguyễn. Còn chàng kia là Lưu-Khuê-Bích, con trai của vị Quốc-trượng Lưu-

(1) Tiếp theo loạt bài từ 1. Cléopâtre (P.T. số 33) đến 18, — Sáu bà vợ của Henri VIII (P.T.108)



Tiếp, và có cô em gái là Lưu Yên - Ngọc. Hai họ Lưu và Hoàng - phủ không xa lạ với nhau, tuy một bên là Văn-thần, một bên Võ - tướng, nhưng đều là Vọng-tộc, cũng lừng danh ở kinh-kỳ như gia-đình Mạnh - lệ - Quân vậy. Trong lúc hai chàng công-tử Hoàng-phủ Thiệu-Hoa và Lưu Khuê-Bích đều cầu-hôn Mạnh lệ-Quân, thì chính em ruột của Lưu-Khue-Bích là Lưu-Yến-Ngọc đã thầm yêu Thiệu-Hoa từ lâu. Một bạn gái thân-tín nhất của Mạnh-lệ-Quân, là Tô-Ánh-Tuyết cũng mơ-ước một tình-yêu chung-thủy với Thiệu-Hoa, bởi chàng là một bậc anh-tài xuất-chúng cho nên các giai-nhân, tài-hoa khuê các, chỉ yêu chàng mà thôi.

Tuy được hai chàng cầu hôn một lúc, nhưng Mạnh-lệ-Quân cũng chỉ yêu riêng Hoàng phủ Thiệu-Hoa. Cho nên trong cuộc thi-tài được công khai mở ra giữa hai tình địch để quyết - định kẻ thắng-thê, Mạnh-lệ-Quân vẫn âm - thầm cầu nguyện cho người yêu được trúng tuyển. Và kết quả đã không sai với duyên tiền định. Đôi trai tài gái sắc đã tha thiết yêu nhau sẽ được cùng nhau phối hợp.

Nhưng lịch-sử oái oăm đã xui khiến ra những điều bất trắc.

Lưu-Khue-Bích bị thất-bại lại có tâm địa của kẻ phàm phu, tìm cách hãm hại Hoàng-phủ Thiệu-Hoa bây giờ được chính thức là vị-hôn-phu của Mạnh-lệ-Quân. Hắn định giết Thiệu-Hoa để cướp lấy giai-nhân. May mắn sao, chính em gái của hắn, là Lưu-yên-Ngọc, biết được cái mưu đồ tội ác ấy, lập tức cứu Hoàng-phủ Thiệu-Hoa khỏi chết. Cứ chỉ cao quý và tốt đẹp của Yên-Ngọc là đã biết người yêu của mình sắp cưới Mạnh-lệ-Quân nhưng vẫn yêu chàng và cứu chàng. Tình yêu của Lưu-Yên-Ngọc là tình yêu trung kiên tuyệt đối, không phải ích-kỷ và tàn ác như nữ hoàng Roxane, nàng này yêu nhưng không chiếm được trái tim của Bajazet là vị hôn-phu của Stalide, liền sát hại chàng để trả thù (1).

Nhờ Lưu-Yên-Ngọc cứu thoát âm mưu sát hại của Lưu Khuê Bích, Hoàng-phủ Thiệu-Hoa vẫn chưa cưới được Mạnh-lệ-Quân. Bởi Lưu-Khue-Bích tiếp tục tìm mưu kẻ khác, lần này lại có cả sự đồng lõa của cha là Lưu-Tiếp, làm chức quốc-trượng trong triều (cũng

— (1) *Lịch-sử Thổ Nhĩ-Kỳ, thế kỷ XVII.*

— *Kịch Bajazet của Racine*

như Thủ-tướng bây giờ). Lưu Tiếp vận động xin vua sai Hoàng phủ-Kính (là cha của Hoàng-phủ Thiệu-Hoa) đi đánh giặc Phiên. Hắn đã bí mật liên lạc với giặc Phiên để bọn này bắt được Hoàng phủ-Kính, và do đó Lưu-Tiếp vu cáo Hoàng phủ-Kính đã tạo phản, để bắt giam cả người con trai là Hoàng-phủ Thiệu-Hoa. Được tin nguy-biền, Hoàng phủ Thiệu-Hoa cùng mẹ và chị ruột là Hoàng phủ Trưởng-Hoa phải bỏ kinh-đô mà trốn đi. Âm-mưu của cha con họ Lưu đã thành rồi, Mạnh lệ Quân bị ép buộc phải lấy Lưu khuê Bích. Bất cứ trong Lịch sử nào, và ở thời đại nào, những kẻ hung thần, những quân bạo chúa dùng mưu mô xảo quyệt, vô liêm sỉ, để dành phần thắng lợi cho mình, chiếm đoạt của kẻ khác, ám hại kẻ ngay, tàn-sát người trung, đều vẫn thành công hiển hách được lúc đầu. Thiên hạ đều phần nộ mà âm thầm nuốt hận, ngậm căm tất cả. Nhưng Lịch sử còn tiến tới, và tiếng nói cuối cùng sẽ là tiếng nói của Lễ-phải, của Nhân-đạo và Công-lý.

Bây giờ Mạnh-lệ-Quân là nạn nhân của mưu mô uy hiếp của

gia đình họ Lưu. Hai cha con Lưu Tiếp và Lưu Khuê Bích đang thắng thê. Nhưng Mạnh lệ Quân đâu phải là đứa con gái yếu hèn, chịu nhục và chịu hận? Sắp đến ngày rước dâu, nàng bàn tính kế hoạch với người bạn gái tâm-phúc là Tô ánh Tuyết, trẻ tuổi hơn nàng. Nàng khê bảo:

— Chị biết em cũng yêu Hoàng phủ Thiệu-Hoa. Từ nay hai ta kết nghĩa chị em, dù gian nan nguy hiểm đến đâu, hai chúng ta cũng quyết giữ vẹn lời thề cùng nhau thờ chung một chồng.

Tô-Ánh-Tuyết đáp lời:

— Vì yêu chàng mà em sẽ xin hy-sinh cả tính-mệnh cho chị, nếu cần. Xin chị đừng lo. Em quyết giết cho được kẻ thù chung, dù em phải chết em cũng được thỏa-mãn.

Kế-hoạch là Tô-Ánh-Tuyết sẽ giả-mạo làm Mạnh-lệ-Quân, thay-thê cho nàng trong lễ thành-hôn để Mạnh-lệ-Quân đi trốn. Đêm tân-hôn, Tô-Ánh-Tuyết lập tâm giết Lưu-Khue-Bích. Nhưng không thành. Cơ-mưu bị bại-lộ, nàng nhảy xuống sông tự-tử. May sao có thừa tướng Lương-Giám cứu sống và đưa về nhà, nhận

nàng làm nghĩa-nữ (con nuôi).

Mạnh-Lệ-Quân trốn khỏi nhà, liền cải trang làm con trai, như Chúc-Anh-Đài, để đi học. Bấy giờ nàng đã đổi ra là chàng thư-sinh Lệ-quân-Ngọc, được nhà đại-phủ Khương-nhược-Sơn nhận làm nghĩa-tử. Đi thi, « chàng » đậu Trạng-Nguyên.

Do một ngẫu-nhiên lạ-lùng, — hay là một định-mệnh? — quan Chánh chủ-khảo kỳ thi này lại chính là Thừa-tướng Lương-Giám, cha nuôi của Tô-Ánh-Tuyết. Ông thầy Trạng-nguyên Lệ-Quân-Ngọc là một bậc tài hoa siêu bạt, liền mời chàng về nhà. Trong một cuộc ném câu giao-duyên, « chàng » tân-khoa được quan Thừa-tướng nhận gả cô gái nuôi Tô-Ánh-Tuyết cho « chàng ».

Đôi bạn nhìn nhau ngạc-nhiên, nhưng mỉm cười, bỏ-ngờ... Đêm tân-hôn, Mạnh-lệ-Quân và Tô-Ánh-Tuyết bàn nhau nhất định đóng kịch « vợ chồng » để chờ cơ-hội cứu Hoàng-phủ Thiệu-Hoa.

Trạng-nguyên Lệ-quân-Ngọc (Mạnh-lệ-Quân) nhờ tài-năng quán xuyến, làm quan trong Triều được thăng chức rất mau, làm đến Tể-tướng.

★

**H**OÀNG-Phủ Thiệu-Hoa đã ăn-nấp nơi nào và đã làm gì suốt trong thời gian này? Cùng mẹ và chị đi trốn, dọc đường tình cờ gặp Vệ-dũng-Nga, là con gái của một viên tùy-tướng cũ của Hoàng-phủ. Kính (cha của Hoàng-phủ Thiệu-Hoa). Mỹ-nữ mời cả ba người về Sơn-trại của nàng, để phụng dưỡng. Để mẹ và chị tạm ở lại đây, Hoàng-Phủ Thiệu-Hoa liền đổi tên là Vương-thiệu-Phủ, lại gặp bạn hiền là Hùng-Hiệu, cùng nhau vào Kinh-đô để học võ.

Một thời gian sau Triều-đình mở kỳ-thi Võ-trạng, để tuyển-dụng tướng tài đi đánh giặc Phiến. Vương-thiệu-Phủ (Hoàng-phủ Thiệu-Hoa) và Hùng-Hiệu dự thi. Chánh-chủ khảo kỳ thi này lại là Tể-tướng Lệ-quân-Ngọc. Thí-sinh đời xưa chỉ nghe danh chứ đâu được thấy mặt Quan chủ-khảo, cho nên Hoàng-phủ Thiệu-Hoa không biết Tể-tướng Lệ-quân-Ngọc chính là Mạnh-lệ-Quân giả-dạng. Nhưng Mạnh-lệ-Quân xem danh sách thí sinh, biết Vương-Thiệu-Phủ là Hoàng-phủ Thiệu-Hoa. Quan Tể-Tướng giám-khảo liền cho chàng đậu Trạng-Nguyên và tấu lên Vua tân phong cho

chàng làm Nguyên-Soái đi bình giặc Phiến, có Hùng-Hiệu làm Phó-Soái.

Thắng trận, Hoàng-phủ Thiệu-Hoa cứu được Cha (bị tù ở nước Phiến), do âm mưu phản bội của cha con Lưu-Tiếp, chàng thân oan cho Cha và lột mặt nạ của Lưu-Tập và Lưu-Khuê-Bích. Toàn-gia vinh-hiến, hai bề con Hoàng-phủ-Kính và Hoàng-phủ Thiệu-Hoa đều được phong chức Vương. Chị của Thiệu-Hoa là Hoàng-phủ Trương-Hoa được Hoàng-đề sủng ái, và phong làm Hoàng-hậu.

Đền lúc Hoàng-phủ Thiệu-Hoa đi tìm Mạnh-lệ-Quân. Suốt bao nhiêu năm chàng đã dò hỏi tin-tức, không biết nàng ở đâu. Bấy giờ chính là lúc quan Tể-tướng Lệ-quân-Ngọc bắt đầu bị những cặp mắt tò-mò nghi ngờ là gái.

Hoàng-đề, hoàng-hậu, cho đền cha nuôi, và tất-cả gia-đình đều nghi-ngờ. Hoàng-đề lại cứ theo sát bên dò xét và quyết tâm chiếm đoạt nàng làm cung-phí. Bao nhiêu tình tiết đã được bỏ-trí chung-quanh cái bí-mật này.

Nhưng rồi, rớt cuộc, Mạnh-Lệ-Quân hiện ra hình vóc nguyên-trình để kết hôn với Hoàng-phủ Thiệu-Hoa. Cả hai nàng Tô-Ánh-Tuyết và Lưu-Yến-Ngọc cũng được

Mạnh-Lệ-Quân vui mừng giữ lời ước cũ: ba cô bạn tâm-phúc thờ chung một chồng. Đẹp để thay!

Còn Phó-soái Hùng-Hiệu, chàng thành-hôn với Vệ-Dũng-Nga.

Mọi người đều an-hưởng hạnh-phúc, sau bao nhiêu biến-loạn. Chỉ có Lưu-Tiếp và Lưu-Khuê-Bích, bọn gian-hung họ Lưu, bạo-tàn và xảo-quyết, là bị sự trừng phạt cuối-cùng và đích đáng của lịch-sử.

(Đây là hết truyện *Tái-Sinh-Duyên* nói về Mạnh-Lệ-Quân. Kỳ sau sẽ kể tiếp *Tục-Tái-Sinh-Duyên* nói về một con mẹ đàn bà quái-ác nhất trong lịch-sử Văn-chương Tàu: Hoàng-Phủ Phi-Giao).

★



— Hôm nay có thể nói là một ngày tươi đẹp nhất trong đời chúng ta...



ĐI

ĐÒI

NỢ

★ Nguyễn-Tăng-Liên

**T**ÔI đang kiểm-điểm lại sổ hàng hóa vừa mới mua về. Tiếng bà tôi từ dưới bếp nói vọng lên :

— Minh ơi, cháu lấy sổ ra tính thử mụ Hai Du còn thiếu bao nhiêu, đi đòi về để bà góp tiền đóng hụi.

Tôi dạ lên một tiếng to. Vì đối với tôi đi đòi nợ không thành vấn-đề, mà để tránh công việc nhà được đi chơi. Tôi vội vàng đem sổ ra tính toán.

Bà tôi bán hàng xén trong chợ, nên thường bán chịu, thiếu, đủ, với tất cả mọi người

dân quê ở trong làng. Phần tôi lo việc sổ sách và đi đòi nợ.

Bà tôi không để cho ai thiếu nhiều, chừng được vài trăm là hối tôi đi đòi ngay.

Buôn bán ở nhà quê thật là phức-tạp. Mua thì mua chịu, mà thiếu tiền ai thì đợi người ta đi đến nhà đòi mới chịu trả. Ít có người nào mua tiền mặt và trả tiền dứt khoát. Cứ trả tiền chai dầu, lại mua chịu chai rượu hay thẻ hương, một tán đường v.v...

Vì thế trong sổ của bà tôi số tiền nợ lại tăng lên dần. Nhiều khi bà tôi phải kêu lên :

ĐI ĐÒI NỢ

— Thôi, từ rày đừng bán thiếu nữa, cứ như thế này thì hết vốn mất.

Nhưng khổn-nỗi, ở nhà quê họ trồng vào thóc lúa, đến mùa gặt hái xong mới có tiền, mình không bán thiếu họ mua chỗ khác, hàng tất phải ế. Nạn bán thiếu tồn tại mãi.

Lần này nghe bà tôi nhắc đến chị Hai Du, tôi thích lắm, vì chị ở làng khác, cách xa nhà bà tôi một cánh đồng, tôi có dịp đi rong chơi mà khỏi bị la mắng.

Bà tôi từ sau bếp đi lên hỏi :

— Mụ còn thiếu bao nhiêu ?

— Dạ, một trăm rưỡi.

Bà tôi dục :

— Thôi đi đi con, để lâu họ thiếu nhiều, không tiền trả cho mình thì khờ.

Tôi vội dắt xe ra khỏi nhà, đạp một hơi sang làng Mỹ-Lược.

Tôi thường đến nhà chị Hai Du nhiều lần nên biết rõ. Chồng chết đã hai năm nay, để lại cho chị hai con, một trai, một gái. Cái Xăm năm nay được tám tuổi và thằng Lúi vừa lên năm. Nhà nghèo, suốt ngày phải đi làm thuê, cấy mướn để nuôi con nên lúc nào chị cũng bận rộn cả.

Mỗi khi đi chợ về, ghé vào quán bà tôi mua hàng, tôi dành

phần bán cho chị ngay vì cảm-thông hoàn - cảnh gia - đình chị nên tôi bán thực rẻ. Nhiều khi bà tôi trông thấy la mắng tôi, nhưng tôi vẫn không chừa. Những lần như thế, chị nhìn tôi với đôi mắt biết ơn và tha thiết lắm. Trái lại tôi thì nghĩ khác, tôi cho đó là làm được một việc thiện, trong lòng thấy vui hơn.

Chị đang ăn cơm với hai con, thấy tôi vào liền buông đũa vội vàng đứng dậy mỉm cười vui vẻ :

— Mời cậu vào chơi.

Tôi cúi đầu bước vào căn nhà nhỏ lụp-xụp.

Chị lấy chiếc chiếu còn mới, trải chồng lên trên chiếc chiếu cũ rách nát và nói :

— Mời cậu ngồi.

Tôi ngồi xuống chiếc giường nhỏ. Nhìn vào mâm cơm chỉ thấy một đĩa muối, một quả cà và một bát canh rau lỏng-chồng nước. Trong nồi, cả khoai, sắn trộn lẫn vào, lúa thừa mới thấy vài hạt cơm còn dính lại trên vành bát. Hai đứa bé cầm cúi ăn, thỉnh thoảng chúng đưa mắt nhìn tôi.

Trong nhà một mùi hôi hám xông lên khó chịu, để rách quần áo treo chung quanh vách, như đập vào mắt tôi những cảnh

đói rét, nghèo nàn của đám dân quê khốn-khở.

Chị rót nước vào cái bát sứ miệng bung lại bên tôi :

— Mời cậu uống nước.

Đưa hai tay nhận bát nước chị trao cho, tôi vội nói :

— Chị cứ việc ăn cơm đi, tôi chơi một lát rồi về ngay. Tuy tôi nói thế, nhưng chị cứ đứng cạnh tôi trò chuyện. Hai tay đan vào nhau xếp trước ngực, chị nhìn thẳng vào mặt tôi nhỏ nhẹ nói :

— Thật quý-hóa quá, tôi không ngờ bà nhà và cậu có lòng thương mẹ con tôi đến thế, lòng tốt của bà tôi biết lấy gì báo đáp được. Nhờ trời làm ăn khá, tôi sẽ trả dần số tiền còn thiếu lại cho bà.

Ngừng một lát, chị tiếp :

— Tôi vẫn biết đồng tiền của bà mua bán vô ra hằng ngày cần phải có. Nhờ cậu về thưa với bà, cho tôi khất lại mùa lúa năm sau. Năm nay vì chuột cắn phá, mùa màng mất, không có được là bao, cậu thương giùm cho mẹ con tôi nhờ.

Nhìn vẻ nghèo nàn và lời nói của chị, tôi không còn lòng dạ nào mở miệng đòi tiền được, nên nói :

— Tôi rõ hoàn cảnh của chị

lắm, tôi sẽ thưa lại với bà tôi những điều chị vừa trình bày và chờ bà tôi định đoạt.

Không dám nấn ná lâu, để nhìn cảnh nghèo khổ và gương mặt thiều nao của chị. Tôi chào chị ra về.

Chị đưa tôi ra đến tận ngõ, tha thiết nói với tôi :

— Trăm sự đều nhờ nơi cậu, cậu cố nói với bà giúp tôi.

Tôi gật đầu cho chị yên lòng :

— Được rồi, chị đừng lo, tôi cố giúp chị.



Vừa đẩy xe vào nhà, bà tôi vội hỏi :

— Đòi được tiền không con?

— Ấp úng mãi, tôi mới nói được :

— Dạ, chị ấy không có ở nhà.

Bà tôi bảo :

— Chiêu mai con cố gắng đi một lần nữa.

Tôi dạ dạ cho qua chuyện, định bụng chiều mai đừng đi nữa là xong.

Chiều hôm sau vừa mới bốn giờ là bà tôi hỏi tôi đi ngay.

Tôi miễn cưỡng đem xe ra khỏi nhà. Bà tôi cầm quyền sổ đưa cho tôi mà dặn :

— Đem sổ theo tính rành mạch cho họ nghe, không thì cãi cọ nhau lời thôi lắm. Luôn tiện vào nhà bà Lộc đòi tiền một thể.

Nhắc đến bà Lộc, tôi chợt nhớ ngay. Bao nhiêu sự bức tức của tôi đều đổ vào bà ta, tôi ghét lắm. Khi nào có tiền bà đi mua chỗ khác, lúc không tiền thì vào hàng bà tôi. Biết thế, nên bà tôi không bán nữa, hề tôi đi đòi là bà ta hện rày, hện mai mai. Tôi dờ dờ ra xem thấy bà ta còn thiếu những một trăm hai.

Chuyến này tôi phải đòi cho kỳ được, dù có cãi lộn với bà ta một trận cũng xong.

Nghĩ thế, tôi gấp quyền sổ cho vào túi, đoạn lên xe đi chậm chậm vòng theo chân đồi.

Hai bên đường toàn là ruộng cao, đất nứt nẻ chỉ còn trơ lại những gốc rạ, đồi cây cằn cỗi, xác xơ.

Con đường nhỏ vào nhà bà thật khó đi, lồi lõm và lờm chờm đá sạn, chiếc xe lắc lư, vòng lên, sụp xuống, tôi cố giữ tay lái thật chặt mới khỏi ngã.

Dừng xe bên đồng rơm, tôi bước vào sân.

Cái Bèo — cháu nội bà, cượng vọc đất, nó bỏ chơi đứng nhìn tôi.

Tôi hất hàm hỏi nó :

— Bà mầy có nhà không?

— Bà đi làm chưa về.

Tôi đứng nhìn vợ vẫn chung quanh vườn. Ánh nắng chiều len lỏi lách mình qua kẽ lá, phủ một màu vàng nhạt trên bờ tre. Gió chiều đập mạnh vào những tàu lá chuối gây thành tiếng xào xạc, nơi đây vắng vẻ và yên tĩnh quá.

Tôi vén tay áo xem đồng hồ. Con bé chợt hỏi :

— Mấy giờ rồi anh?

Tôi đáp cộc lốc :

— Năm giờ.

Nó ngậy thơ hỏi lại :

— Hồi trưa đến mấy giờ, mới có năm giờ?

Rồi nó nhìn đôi San-đanh tôi mang dưới chân và hỏi :

— Anh mua đôi dép này bao nhiêu?

— Một trăm tám.

— Phải một trăm với tám chục nữa không?

— Phải.

— Thiếu hai chục là đủ hai trăm, đắt quá.

Nhìn ra sân thấy chiếc xe đạp. Nó hỏi tôi :

— Anh đi bằng xe máy?

— Ừ.

— Đố anh tại sao đi xe máy mau hơn đi chân?

— Vì nó có hai bánh chạy mau hơn.

— Không phải.

— Chứ tại sao?

— Vì mình đi chân lâu hơn, xe máy đi mau, mới thấy đằng sau, chứ nó chạy trước mình rồi.

Tôi buồn cười vì sự lẩn thẩn của nó.

— Tôi ghét dượng Năm quá. Ngạc nhiên tôi hỏi :

— Dượng Năm nào ?

— Dượng Năm chồng cô Ba. Hôm tết tôi đi coi đánh bài chòi về, mượn ông chở dùm, ông không chở. Tôi chỉ thương dượng Tám thôi, ông có chở tôi được một khúc.

Nó còn hỏi tôi nhiều câu ngây ngô và lẩn thẩn mà mắt nó chưa từng trông thấy, trí óc non nớt của nó chưa hề nghĩ đến. Tôi chỉ trả lời nhát gừng với nó cho qua chuyện.

Những thành kiến của tôi sẵn có về Bà Lộc và bao nhiêu sự bực tức của tôi khi chưa vào nhà, gặp nó là tiêu tan ngay.

Đợi một hồi lâu cũng không thấy bà Lộc về. Tôi lau cặp kính mang vào mắt và nói :

— Bà về, em nói lại rằng có anh Minh vào lấy tiền nhưng không có Bà ở nhà.

Nó không đáp lại lời tôi mà hỏi :

— Anh soi gương làm chi vậy ?

Tôi bật cười nhưng cũng giằng

giải cho nó hiểu.

— Cái này là kính đeo mắt, chứ không phải gương soi.

— Anh cho tôi đeo thử được không ?

Tôi lấy gương đeo vào mắt. Nó buộc miệng khen :

— Ô ! đẹp quá, trông như trời sáng trăng ấy.

Nó ngược mắt nhìn tôi hỏi :

— Anh mang nó, thế có té không ?

Tôi cười :

— Không khi nào té được.

Nó nhìn tôi trân trối và cho đó là vật lạ.

Tôi dặn thêm :

— Bà về, em nhớ nói lại với bà nhé.

Nó vụt hỏi :

— Bà tôi thiếu anh bao nhiêu ?

— Một trăm hai.

— Chưa bằng tiền đôi dép của anh mà.

Tôi không hiểu sao nó có sự so-sánh kỳ lạ đó.

Ra khỏi ngõ, tôi quay đầu nhìn lại thấy nó còn đứng tần ngần nhìn theo.

Ánh nắng tắt hẳn trên lưng đồi. Tôi cố đi nhanh về cho khỏi tối. Bóng nó khuất dần sau lũy tre.



## tiếng trúc

★ LÊ TRI  
(Sóc-Trăng)

*Người phò mã điệu sầu qua ống trúc  
Lướt theo mây, vọng khắp nẻo sơn khe  
Từng đêm sầu bao linh hồn thồn thức  
Vì tiếng tiêu len lỏi nhập hương khuê.*

*Đã mấy chiều thê lương người ngồi đó  
Cho rừng sâu mất hết nghĩa thiêng liêng  
Và chim ngàn thoi thì thăm than thở  
Khi tiếng tiêu buồn vang vọng triền miện*

*Dưới chiều hoang gió về xuyên thủng áo  
Hơi sương mờ ướp lạnh tóc hoa niên  
Người vẫn ngồi thu hình hài khô ráo  
Thả tâm tư vào sương khói rừng thiêng.*

*Người muốn luyện làn hơi thêm thần bí  
Thêm trầm buồn như tiếng hú rừng xanh  
Chờ tái diễn trận Ô-giang xưa cũ  
Làm rã rời thể phách mấy muôn binh ?*

*Ôi ! tiếng tiêu đập dồn từng đợt sóng  
Lạnh lạnh theo nhịp gió thổi mơ hồ  
Chơi vơi như tiếng hồn oan lạc lõng  
Như hơi tàn thoi thóp đêm hoang vu.*

*Đêm hầu tàn, gió khuya về lạnh lắm  
Về đi thôi, người hơi ! về đi thôi  
Đất trời đang tràn ngập màu âm đạm  
Khúc dạ sầu da diết lắm người ơi !*



Những bí mật  
trong

## THẾ - CHIẾN THỨ HAI

★ Thiếu-Sơn

### ★ ĐẠI-TÁ DE GAULLE NĂM 1934

Cũng năm 1934, Đại-Đá De Gaulle cho xuất-bản một cuốn sách nhan đề «Vers l'armée de métier» (Đề đi tới một đạo binh nhà nghề).

Trong sách đó tác - giả đưa ra những ý-kiến mới mẻ, táo-bạo làm đảo lộn cả những quan-niệm của giới lãnh-đạo quân-sự hồi bấy giờ. Tác-giả chấp-nhận và phát-triển những ý kiến tiến bộ nhưt của những chiến-lược gia Anh, Pháp, Ý, Đức chủ - trương phải thay đổi toàn-diện chiến-cụ và lề-lối đánh giặc cho thích-ứng với trình độ khoa-học và kỹ-thuật của loài người. Theo ông thì máy móc là động-cơ định-đoạt số phận ở chiến trường.

Ông nói :

## NHỮNG BÍ MẬT TRONG THẾ CHIẾN THỨ HAI

*Cái nó có thể cứu-vãn được ta là máy móc phối hợp với những toán quân được huấn-luyện để sử dụng nó. Sức mạnh của khí-giới đã thay đổi hoàn - toàn từ trận giặc trước và những điều - kiện tối-lân của hành - động quân sự đòi hỏi những chuyên-viên được huấn - luyện đàng - hoàng. Chất lượng luôn-luôn thắng số-lượng. Từ 1914 đến 1918, quân Đức được huấn-luyện kỹ hơn đã giết 3 triệu địch khi họ chỉ chết có 1.700.000 người. Chúng ta đừng quên rằng tổng số hơn mạng và tài - sản bị thiệt hại từ Jeanne d'Arc với Rochambeau không bằng những thiệt hại của ta trong trận Đại-chiến vừa qua.*

Ông chủ - trương phải dùng chiến xa với những tinh-binh biết sử-dụng nó để tấn-công thành-linh, để làm rối loạn hàng ngũ địch. Mặt trận sẽ không đứng yên một chỗ mà sẽ lưu-động, biến-hóa và được giải quyết mau lẹ.

Phối-hợp bằng vô-tuyến-điện với không-quân và lục-quân chiến xa xông - xáo ở mặt tiền, ở bên hông và bọc hậu luôn quân địch với hàng ngàn hỏa - lực làm cho giặc phải ngộp thở, phải hoang-mang, trở tay không kịp và tan-vỡ cấp kỳ.

Trong khi đó thì không - quân từ trên trời đánh thẳng xuống như thiên-lôi giáng-hạ làm cho địch bối-rối mau thua.

Tác-giả còn nói thêm rằng trong hình - thức chiến - tranh mới thì vị tướng-lãnh không còn núp ở trong những hành-dinh làm ở dưới đất và xa mặt trận để ra lệnh như xưa. Chính các ông cũng sẽ phải xông ra tiền tuyến. Các ông có nhiều kiến thức nhưng các ông cũng có nhiều kinh nghiệm. Phải đi sát với binh sĩ, mới sử-dụng được hết kinh-nghiệm của các ông. Rủi các ông có chết thì các ông cũng được chết chung với bộ-đội, càng thêm củng-cố tình đoàn-kết và khích-lệ ba quân. Binh sĩ sẽ thấy xuyên qua những lon vàng-lon bạc và những ngôi sao rực rỡ, các ông vẫn không cách biệt gì với họ và máu của các ông hòa với máu của họ càng thắt chặt mối đồng tâm ngoài mặt trận.

Những ý kiến táo bạo của De Gaulle làm cho bộ Tham-Mưu Pháp bất bình. Họ đã không chịu sửa đổi những quan niệm lỗi thời của họ mà họ còn bôi tên De Gaulle trong danh sách những người được thăng chức năm đó làm cho ông cứ giữ chức Đại-Tá cho đến ngày thế chiến thứ hai bùng nổ.

Năm 1935, ông Paul Reynaud

lên diễn đàn Quốc-Hội yêu cầu cho tổ-chức một quân đoàn cơ-giới chuyên môn gồm nhiều sư-đoàn thiết giáp. Nhưng dự án ông bị bác vì ngay ở diễn đàn Quốc-Hội Đại-Tướng Maurin đã trả lời ông với tất cả uy-tín của một nhà quân sự :

« Khi chúng ta đã bỏ ra nhiều tỉ bạc để có một hàng rào chiến lũy kiên cố, làm sao người ta có thể tưởng rằng chúng ta còn nghĩ tới tấn công? Phải chăng chúng ta điên nên mới lính tới chuyện vượt khỏi hàng rào đó để phiêu lưu mạo hiểm? »

Giới quân sự Pháp đã mắc bịnh cầu an nên mới bung tai bịt mắt trước những ý kiến mới mẻ và sáng suốt của Đại-Tá. De Gaulle.

★

Năm 1938, Tướng Chauvineau, cựu giáo-sư trường Đại-Học quân sự và là một cao-đệ của Thống-Chế Pétain đã viết một cuốn sách để trả lời cho De Gaulle. Sách của ông nhan-đề « Một cuộc xâm-lăng còn có thể có được không? » (Une invasion est-elle encore possible?)

Tác-giả lập-luận theo quan-điểm của Thống-Chế Pétain nghĩa là chủ trương thế thủ, không chủ-trương tấn-công, với mặt trận liên-tục

chống với vận-động chiến theo ý-kiến của De Gaulle. Tướng Chauvineau viết :

« Ở Pháp, chiến tranh xâm-lăng ðạt mà người ta gọi là vận-động chiến đã quá thời. Chúng ta sẽ đi sâu vào một trận giặc tiêu-hao một cách không tránh khỏi... Sau trận Đại-chiến chúng ta đã mắc phải một sai-lầm thô-tục về chiến xa. Người ta tưởng hoặc đã làm cho kẻ khác lầm tưởng rằng chiến xa đã làm cho chúng ta thắng trận. Thật sự không phải vậy đâu. Còn nói xe thiết-giáp đã làm cho chiến-tranh rút ngắn lại. Sự thật thì nó đã phá sản... Một trong những sức mạnh của chiến xa là làm cho người ta sợ, có thể thôi... »

Tác-giả còn nhắc tới chiến - sĩ Pháp năm 1915 nói rằng họ không sợ hơi ngạt và còn dám đánh xáp lá cà đem mình ra chống cự với chiến-xa và « họ đã thắng trong vinh dự ».

Ông còn nói thêm : « Bọn Đức không ngu gì lại chấp-nhận một trận giặc mà họ phải đem ngực trần ra đối chiến với những người có mọc sắt Ehe-chờ. » Và nói nữa : *Tới như cuộc giao-phong Pháp-Đức bằng không-lực thì đương-nhiên phần thắng-lợi sẽ nghiêng về bên Pháp ».*

Cuốn sách kinh-đị đó lại được Thống-chế Pétain để tựa. Thống chế viết :

« Cái giá-trị hiếm có của Tướng Chauvineau là đã dẫn chúng ta rằng mặt trận liên-tục đã căn cứ theo những bài học của lịch-sử và tánh cách kỹ-thuật của khí-giới và công sự phòng thủ... »

Trong một cuộc tấn công, phải có bộ-binh ba lần nhiều hơn, pháo binh 10 lần mạnh hơn là trong một cuộc phòng thủ... »

Thống-chế kết-luận :

Tóm lại, những nhận định của Tướng Chauvineau về màn đầu của những cuộc hành quân trên bộ thật là đầy đủ khôn ngoan ».

Sách này còn tái bản sau khi tuyên chiến, nhưng sau khi thất trận thì Chánh-phủ Vichy ra lệnh cấm bán.

Không cấm bán thì cũng chẳng ai thêm mua. Họa may bọn Đức lúc đó làm chủ nước Pháp sẽ đọc và sẽ cười cho.

Giới quân sự Pháp chẳng những có tinh-thần hủ-lậu mà lại còn có lẽ-lỗi làm việc hủ-lậu.

Những chuyên-viên tiếp-thu quân-cụ thường tỏ ra rất khe khắt làm trễ nải công việc không ít.

Năm 1933 ông Daladier quyết định thành lập 3 sư đoàn cơ-giới

hạng nhẹ. Sư đoàn thứ nhất tổ-chức xong năm 1934. Sư-đoàn thứ hai tới năm 1936 mới hoàn-thành. Còn sư-đoàn thứ 3 mãi tới tháng 3 năm 1940 mới xuất hiện nghĩa là sau ngày tuyên chiến..

Năm 1937 cũng ông Daladier tổng trưởng Quốc-Phòng tuyên-bố ở Quốc-Hội : « Chúng ta hân-hạnh và may mắn được thừa hưởng cái trí-thức lão luyện của một quân nhân danh tiếng. Tôi muốn nói Thống chế Pétain. »

Rồi ông tuyên bố sẽ thành lập thêm 3 trung đoàn chiến xa, 1 trung đoàn pháo binh cơ giới. Vậy mà phải chờ tới năm 1940 mới hoàn thành. Trung đoàn thứ 4 hoàn thành chót hết vào tháng 5 lại không đủ và chính là giao cho De Gaulle điều khiển.

Tướng Gamelin Tổng-tư-lệnh đã tuyên-bố năm 1939 :

« Không quân không có vai tòng quan trọng trong chiến tranh vì người và máy bị tiêu hao rất mau chóng. Không quân chỉ là một thứ lừa rom.

Còn quan niệm dùng chiến xa trong những đơn vị tự động chứ không phải dùng phối hợp với bộ binh, quan niệm đó cũng không

được đúng đắn. Tôi biết rằng bạn Đức có trên 10 sư đoàn thiết giáp. Nhưng tôi không bận tâm về việc đó. Tôi thành lập 2 sư đoàn thiết giáp để làm vui lòng Quốc Hội. Còn những ngân khoản mà tôi được sử dụng tôi sẽ dùng vào việc khác.»

Trong «Hồi Ký», Tướng Gamelin chối không tuyên bố những lời nói trên.

Tướng Weygand còn tuyên bố những lời hay hơn nữa. Ông nói :

«Tôi tưởng rằng quân đội Pháp lúc này có một giá trị lớn hơn hết trong bất cứ lúc nào của lịch sử. Nó có những võ khí tốt nhất,

có những công sự vững nhất, có một tinh thần cao nhất và có một bộ chỉ huy tối cao xuất sắc. Không ai trong nước ta muốn chiến tranh, nhưng tôi quả quyết rằng nếu người ta bắt chúng ta phải thắng một trận giặc mới thì chúng ta sẽ thắng.»

Trong chánh giới Pháp ông Paul Reynaud có lẽ là người đồng quan điểm nhất với De Gaulle về vấn đề quân sự. Chính P. Reynaud đã phê bình quân đội Pháp như sau : «Ba điểm chánh yếu trong chánh sách quân sự của chúng ta giữa hai cuộc chiến tranh là... ngu dốt, ngạo mạn và bất nhất.»



### ● CÓ AI DÁM... NHƯ TÔI KHÔNG

Nhà đại danh họa Pháp Degas bị anh em chế riễu là người «liệt máy», không biết «trồng cây si» với gái.

Bị chạm lòng tự ái, Degas tìm cơ hội để tỏ cho anh em thấy mình cũng là một Tổng.Ngọc hay một Don Juan chứ chẳng kém ai.

Thì cơ hội đã đến : một vũ nữ làm kiêu mẫu cho Degas sang Mỹ. Degas bèn lấy vé đi cùng một chuyến tàu với vũ nữ sang đến Nữu-Uớc.

Đến Nữu Ước, Degas không lên bờ. Ông ở luôn trên tàu và trở về đất Pháp. Về đến nơi ông huênh hoang tuyên bố :

Các bạn xem, có ai dám «cua» gái như tôi không ? Tôi đã theo gái từ Pháp sang đến Mỹ!

Cục tự ái của ông nghệ sĩ này to quá, khó mà mài bớt cho nhỏ đi.

P.C

(tiếp theo trang 9)

**G**ÌỜ xin trình bày cùng quý-vị độc-giả câu chuyện Trung-quốc đã biết xài chiến - xa từ 2.000 năm trước.

Trung-quốc có xe từ bao giờ ? Có hai thuyết...

Một thuyết nói từ đời Vua Hoàng-đế (2697-2597 trước J. C.) đã chế ra để chở nặng và đi xa. (Theo Hán - thư Địa-lý-chí và Cờ-sử-khảo của Tiêu-Chu) một thuyết-khác, nói mãi đến đầu nhà Hạ (2205 — 1818 trước J.C.) mới có người tên là Hề-Trọng hay con của va chế tạo ra xe. Ấy, Tuấn-tử, Mặc-tử, và nhiều sách khác đều chép như thế !

Các nhà học-giả Tàu đời nay, nghiên-cứu lịch-sử cổ-thời, cũng cho thuyết thứ hai ở trên đúng hơn. Vì những chuyện Đường-Ngu về trước đều mơ hồ khó tin. Các vua Hoàng-Đế và Nghiêu-Thuấn thuở ấy ở ngôi Thiên-tử mặc dầu, đi đâu cũng cưỡi bộ, chớ đã làm gì có xe ! Đến dùng ngựa mà cưỡi, có lẽ cũng chưa biết nữa !

Cái thuyết «Hề-Trọng tác xa» đáng tin hơn, ai cũng nhìn nhận đời nhà Hạ là buổi «tàng sáng» của văn-

hóa Trung-quốc, những phép mới, nghề hay, lễ nghĩa, văn vật, bắt đầu phôi thai hay phát sinh từ đây... cho đến Trương sĩ, bày ra cưỡi ngựa, Vương-Hợi nuôi trâu để cày, cũng đến buổi đầu nhà Hạ (2205—1818 trước T.C.), mới có thay !

Nhưng lúc này có xe chỉ có công chở nặng đi xa, người ta chưa biết đem nó ra chỗ chiến trận.

Cứ theo Kinh Thư chép mà suy, thì vua Khải (cũng đời nhà Hạ 2197 — 2188 trước T.C.) dùng chiến-xa ra trận lần thứ nhất. Trong lời nhà Vua truyền bảo ba-quân trước khi ra đi đánh giặc ở đất Cam, có nói đến xe !

Đời ấy dùng binh, cũng cốt-yếu ở hai sức mạnh là đồ và xa. Đồ tức là lính bộ tay không, xa là xe. Nhưng buổi nhất sơ, chẳng qua chỉ dùng dăm ba cỗ xe để bỏ vào những chỗ bất-túc của lính bộ, thế thôi ; bao giờ lâm trận, cũng cốt ở lính, chưa lấy xe làm chủ-lực được.

Qua đời nhà Thương (1783—1154 trước T.C.) cũng thế. Sách Lã thị Xuân-thu chép khi Vua Thang (thủy-tổ nhà Thương, hay Ân) đem binh đi đánh giặc Di-Đại-Hy, số lính cảm-tử đến sáu nghìn, chỉ lơ thơ có chín cỗ xe bày trận thành hàng dài, thế



mà đánh có một trận, bắt ngay trống giặc.

Chiến-xa vẫn chưa đến lúc đặc dụng.

Thật biết dùng xe làm khí-giới; trọng-yếu, bắt đầu từ nhà Chu (1134—256 trước T.C.) trở đi.

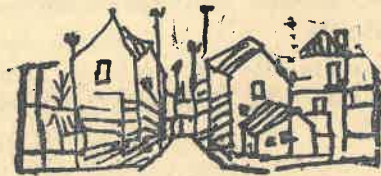
Không phải là hạng xe thường dùng về chuyên chở, đến đây người ta đã tạo ra thứ xe riêng của binh - nhưng trận-mặc. Xe đóng kiên cố, lại bọc da cứng (cách xa) để chống đỡ những đầu tên mũi giáo. Đầu trục bánh xe cũng biết bọc trước sắt, cho được vững vàng.

Mỗi xe có bốn hay sáu con ngựa kéo, tùy theo địa thế và lúc cần dùng. Chẳng những tướng-sĩ

ngồi trên xe mặc áo giáp mà thôi, cả con ngựa cũng có áo giáp cho thân nữa.

Lúc Võ-Vương đánh Vua Thương-Trụ đề dựng lên nhà Chu (1134—256 trước T.C.) dùng toàn những chiến-xa kiên-cố và trang hoàng kiên-cố như vừa đã nói, đặt tên là « nhung-xa ».

Thầy Mạnh-Tử thuật lại rằng: « Võ-Vương đánh Trụ có nhung-xa trăm cỗ, lính hồ-bôn ba ngàn người ». Dem so với đời trước (ví-dụ lúc Thang đánh Di-Đại-Hy), thấy số lính không gia tăng, nhưng đến chiến-xa đã trở nên khí giới chủ-lực trong cuộc dùng binh vậy.



★ KHÔNG KẾT QUẢ

**Quan Tòa.**— Tôi kết án anh 6 tháng tù về tội ăn cắp. Anh còn gì để khiếu nại về trường hợp của anh không?

**Tội nhân.** Thưa ông Chánh-Án, việc làm của ông chẳng đem lại kết quả gì cả. Tôi đã vào tù 20 bận rồi, nhưng chứng nào vẫn hoan tật ấy, tôi có bỏ được đâu mà ông kết án cho ưỡn công.

P. C.

Tiếng  
nói của

Gai-vòi  
trái  
thế' hệ

• sau lưng  
chúng ta •



**T**RÊN con đường dài thẳng tắp, từng hàng me già giương cành lá xanh tươi giao nhau tạo thành một cái tàn to lớn, như cái lọng của quan Trạng mỗi khi về làng. Chúng ta muốn nuốt hết khoảng đường ấy để đi đến chỗ cuối con đường kia, nơi đầy đầy ánh-sáng kia.

Có khi nào đang đi trên con đường râm bóng mát, bạn có ý tưởng gì không? Bạn có ngoái cổ lại để nhìn khoảng đường mà mình đã đi không? Chắc chắn là có rồi. Vì bạn phải đo-lường độ đường ấy để đi đến đích mà bạn hằng mong mỏi.

Kia sau lưng bạn, từng hàng cây râm bóng mát, dần phủ

★ NGUYỄN-VĂN-NĂM  
(Trung-học Mạc-dĩnh-Chi, Saigon)

xuống mặt đường làm thành một mái nhà cồ-xưa, nhưng vững chắc. Nó không phải là để che chở cho đàn con ngây-dại mà nó là một cái đích để dẫn đàn con tận-tiến đi.

À tổ-tiên của chúng ta được sanh ra trước chúng ta phải không các bạn, nhưng mà hiện giờ họ đang ở đằng sau chúng ta, nơi chỗ có bóng mát kia kia. Bạn đã nhìn thấy chưa. Hình như ở trong khoảng bóng mát, sau đoạn đường mà chúng ta đã đi nó phát hiện ra một cái gì vô hình

nhưng cũng vô cùng thiêng-liêng, huyền-bí.

Ở trong ấy chúng ta tìm thấy một linh-hồn ủy-mị yếu đuối của Nguyễn-Du, một trong những câu nói khẳng-khái của Trần-bình-Trọng, và còn biết bao nhiêu những anh hùng liệt-sĩ khác.

À phải rồi, bóng-mát ấy không là địa-ngục mà là nơi đặt bàn thờ của những bậc tiền-nhân, những J.J. Rousseau, Voltaire, Montesquieu bình-dị, những Marconi, Lumière, Archimède kiêu-hùng.

Phải rồi, bạn ạ tở-tiên đã ra đời trước chúng ta. Tở-tiên đã đi gần xong con đường ấy mà ngày nay chúng ta đang tiếp nối vết chân ấy để tiến lên đến khoảng đường-tương-lai kia.

Có một số người, cho rằng: « tở-tiên đang sống bằng quá khứ, mượn quá-khứ để làm bình-phong cho hiện-tại, để che dấu cái bất-lực, cái ảo-ảnh vàng son ».

Đĩ-nhiên là họ không bằng ta, cũng như chúng ta không bao giờ bằng con cháu của chúng ta sau này. Vì họ cũng sống trong quá khứ, đúng lắm bạn ạ nhưng thiết thực hơn, chúng ta thấy rằng họ không là bức bình-phong để che dấu điều ủy-mị, mà chúng ta thấy ở họ trong những trang sử

vẽ-vang chứa những hình ảnh vàng son quý-giá.

Có lẽ số người ấy nói đùa mà nói chứ trong đầu óc của họ không một mây-may suy-ngữ, họ lại cho rằng « những người đi trước chúng ta, mà tở-hồ chưa họ, đang ở đằng sau lưng của chúng ta, ở trong bóng mát của hàng cây thẳng lối, ở trong những hình ảnh của quá khứ vàng son ».

Vâng, chúng ta công-nhận rằng tở-tiên của chúng ta đang ở trong quá-khứ vàng son, vì nếu họ không sống trong quá-khứ, thì hiện giờ có lẽ chúng ta đang ở nơi đây-rẫy bóng mát, nơi khởi đầu con đường kia, chứ không phải là nơi tiếp nối của bóng mát và của ánh-sáng này kia, phải không bạn.

Có thật vậy không? qua những lời nói hồ-đồ kia có lẽ chúng ta lấy làm khờ-sờ, lấy làm nhục nhã cho những cửa miệng nói không nghĩ-suy cho kỹ.

Không có tở-tiên làm gì có ta? Chúng ta phải công-nhận điều ấy.

À thì ra, sự tiến-bộ về khoa-học văn-minh vật-chất, nền văn hóa của chúng ta chỉ do chúng ta tạo ra trong một sáng-một

chiều. Tở-tiên ta không có làm một mây-may gì giúp-ích chúng ta ư?

Không cần tìm hiểu, chúng ta phải tự trả lời rằng: « Tở-tiên là người có công nhất với chúng ta, với nước nhà, hàng cây rậm bóng mát ở đằng sau lưng chúng ta là cả một ngôi nhà lịch-sử mà chúng ta phải tìm lấy, phải kính cần mà thấy rằng tở-tiên đã tạo nên một trang sử oai hùng. Trang sử ấy được ghi bằng những nét chữ huyết lệ. Tại sao chúng ta lại cố-tình phủ nhận cái công-lao ấy mà buộc miệng chua chát: « Tở-tiên cũng không thể SỐNG bằng cuộc sống của chúng ta, tở-tiên cũng không thể NGHĨ bằng ý nghĩ của chúng ta ».

Tở-tiên không thể sống một nếp sống thác loạn, cuồng-si như chúng ta. Tở-tiên cũng không tôn Francois Sagan lên làm thần tượng như chúng ta, phải không các bạn.

Phải rồi, tở-tiên cũng không thể nghĩ bằng chúng ta, vì chúng ta nghĩ cao xa quá, mê nhạc Twist, khoái mambo, cha-cha-cha. Luôn luôn tìm những duyên-cớ, những điệu-kể để thoát-ly gia-đình, phải không bạn nhỉ?

Phải rồi, chúng ta là những con người của thế-hệ, của tân-tiến, lãng mạn. Vì thế, tở-tiên của chúng ta không thể đi đâu dắt cho chúng ta được (theo lời họ nói). Tuy nhiên nếu không xét cho kỹ, nếu tở-tiên không đi đâu dắt thì làm gì chúng ta có ngày nay.

Cũng như khi đang ngồi nghe nhạc « Roch », họ buộc miệng cười khẩy:

« Tở-tiên lạc hậu quá, như hàng cây rậm bóng đen thiếu cả ánh sáng của vầng dương chói-lọi ».

Có lẽ đã đoán trước được tương lai nên Khổng-Tử dạy rằng: « Hậu-sinh khả-úy ». Những kẻ sinh sau bao giờ cũng đáng sợ, hiểu theo nghĩa thông thường là bao giờ chúng ta cũng tiến-bộ hơn tở-tiên chúng ta. Nhưng qua lời nói của một số người thiếu suy nghĩ, thì lời dạy của Khổng-Tử thành lời khen với họ. Là vì Khổng-trọng-Ni thấy những kẻ sinh sau đáng sợ hơn những kẻ đồng thời bởi miệng thế, cũng như bởi những lời nói « đợt sống mới ».

Chúng ta đang đi ở giữa con đường, nơi sáng sủa đầy ánh sáng mặt trời, có lẽ đến chúng ta cũng không đi đến được Hiện-

tại, ngày nay của chúng ta cũng đã tạo nên một trang-sử nữa rồi.

Có lẽ ngày sau, khi những người hậu-sinh đang ở nơi đây đủ ánh-sáng kia. Mỗi khi lật đến những trang-sử, bên những giòng chữ do chúng ta và tổ-tiên chúng ta tạo ra, chắc phải chép miệng:

« Nhờ tiền-nhân mà chúng ta mới có ngày nay ».

Hay vẫn là ngoan-cổ:

« Tiền-nhân là những kẻ lạc-hậu, ngu-dốt, họ đang ở nơi cuối con đường kia, ở nơi rậm bóng mát, họ đang sống trong quá khứ. »

Và lúc ấy chúng ta sẽ được chúm lại bởi những kẻ sinh sau, vòng luân-hồi lần-thần.

Thật là « Hậu-sinh khả-úy »



## nỗi khổ

### của tôi

★ L. T. L. PH

(Đệ tam Đồng-Khánh, Huế)

**E**M bực mình lắm phải không ?

Tôi chỉ khóc và không trả lời. Đây không phải là lần đầu tiên « chàng » hỏi tôi câu đó, đã nhiều lần rồi. Vắng nhiều lần lắm, mỗi khi tôi « cảm thầy » tôi như hôm nay.

— Em muốn khỏi bực mình hay không ? Anh sẽ lo liệu cho em.

— Lo gì hở anh ! em gây ra thì em đành chịu chứ sao...

— Em không được nói câu đó nữa nghe không ? Tại sao em vẫn bảo em gây ra, thế còn

anh thì sao ?

— Thế nhưng mà em cần-thận thì đâu có thế này.

Tôi bực mình vì tôi lắm. Cũng vì sơ hở nên mới đến thế này...

Gia đình tôi nghiêm khắc về sự giao thiệp bạn bè của anh chị em tôi. Nhưng đôi với cái tuổi đầy mơ mộng, tuổi đã quá tròn trĩnh rồi thì thử hỏi người con gái nào lại không mơ ước xa xôi...

Dù gia đình ngăn cấm, nhưng tôi vẫn có tiếp xúc với một số ít bạn trai. Và tôi gặp

« chàng » trong một chiều cuối đông, trong lúc mọi người sửa soạn đón xuân sang.

Quen nhau không bao lâu, chàng và tôi yêu nhau. Tuy rất yêu chàng, nhưng chẳng bao giờ tôi làm vừa lòng chàng một điều.

Tiếp chàng tại nhà tôi. Chàng nhắc tôi nhiều lần nhưng tôi cứ đánh sang chuyện khác.

Về phía gia đình chàng, tôi vẫn đi lại tự do, và lại trong nhà chàng xem tôi như con. Tôi khổ sở về vấn đề này lắm, nhưng biết làm sao ?

Tôi không muốn phải đâu thấy mẹ tôi và tôi cũng chẳng muốn tôi và chàng gặp nhau trong sự « lén lút » thấy mẹ tôi. Tôi biết thấy mẹ tôi theo « tân học », mà không hiểu gì cho bọn trẻ như chúng tôi.

Tôi đã thấy rõ những người bạn bị gia đình ngăn cấm, họ đành phải tìm nhau trong những chỗ mà tôi tự cho là rất nguy hiểm đôi với những người con gái yêu đuôi như tôi.

Và gần đây, câu chuyện giữa chàng và tôi, thấy mẹ tôi đã biết. Và những hình phạt, « hình phạt » đôi với tôi chẳng có nghĩa lý gì cả. Tôi chỉ buồn thôi, tại sao thấy

mẹ tôi lại nghiêm khắc đến thế. Tại sao thế hở thấy mẹ ?

Tôi yêu chàng thế mà thấy mẹ tôi cho tôi là con gái mất nết. Bảo rằng lo học thành tài chán gì nơi « giàu sang »... đến nhà đảng hoàng. Tôi đâu muốn thế, nhưng vì ..

— Thấy mẹ ơi ! Sao chẳng hiểu gì con cả. Con đâu muốn thế. Con lỡ yêu rồi. Con chỉ yêu một lần thôi, vì theo con tình yêu chỉ một lần thôi. Bất con phải đoạn tuyệt với chàng ư ? Không đâu thấy mẹ ạ. Sao được. Thấy mẹ đã thấy chàng đến xin lỗi rồi, sao chẳng hiểu cho chàng. Chàng nghèo đâu dễ để thấy mẹ khinh. Con không cần gì hết đâu ? Mái nhà tranh nhưng chứa đựng tim vàng. Thấy mẹ à, con không mơ cao xa đâu, con sẽ không phải là những đứa con gái sống với tiền tài và danh vọng, chỉ hôm nay và không có ngày mai..

Bây giờ tôi sống trong sự khinh rẻ của gia đình. Tôi cảm thầy chuyện như thế đâu là đáng khinh. Tôi thấy sao tôi khổ thế này.

Tôi muốn đi, tôi sẽ ra đi, dù đời tôi một mai.. không có tương lai.

Thấy mẹ ơi ! Tha thứ cho con...



c  
h  
ả  
n  
g

d  
á  
m

y  
ê  
u

Chị Liên mền.

**D**ÊM nay sau cơn mưa trời lạnh lạnh, nằm thu mình trong chiếc chăn ấm. Dung cố dỗ một giấc ngủ ngon nhưng không sao ngủ được... Dung nằm để lắng nghe lòng mình cô đơn và cảm thấy một nỗi buồn nhẹ nhàng khó tả đang xâm chiếm lấy tâm hồn Dung. Buồn, lạ thật, chẳng có chuyện gì cũng buồn, buồn không lý do, buồn mà chẳng biết vì sao mình buồn. Dung tự hỏi rồi không biết phải trả lời ra sao. Chỉ biết lòng mình trống rỗng như thiếu thốn một cái gì, như mất mát một cái gì...  
... Nhớ những hôm chị và Dung, hai chị em không chịu nổi cái nóng oi bức trong phòng học đã rủ nhau xuống

bể. Gió từ bể thổi vào làm Dung cảm thấy dễ chịu khoan khoái; chỉ làm một cái cử động thở, hít đầy không khí vào rồi cho ra một cách nhẹ nhàng thích thú. Tìm một bóng dứa râm mát, chị và Dung ngồi im lặng ngắm mọi người tắm bể... Bên những chại sửa đậu nành mát lạnh, chị mơ màng kể cho Dung nghe về người yêu của chị và chị đã bắt đầu biết yêu năm 18 tuổi, nay đã 22. Nghe nói đến 22, em phải kêu lên vì ngạc nhiên:

— Chị trẻ thế à, em cứ ngỡ chị độ 19. 20 là cùng. Chị cười to rồi bảo khẽ với Dung:

— Cảm nhé, không được mách với ai chị đã 22. Chị

★ HOÀNG-DUNG

(18 tuổi, nữ sinh Đệ tam Phan-Bội-Châu, Phan-thiết)

TIẾNG NÓI GÁI TRAI THẾ-HÈ

còn cho Dung biết, yêu là vãn vương thương nhớ, yêu là khổ, nhưng vẫn thích yêu, thích ngóng trông... đột ngột chị quay lại hỏi Dung: — « Năm nay Dung bao nhiêu nhỉ? » — « 18 »; — « Thề đã có người yêu rồi chứ? ».

Dung mỉm cười lắc đầu. Thoảng nhìn ánh mắt nhiều nghi ngờ của chị, Dung vội lay mạnh vai chị:

— Dung nói thật với chị cơ mà, Dung chưa có gì hết, Dung chưa có người yêu. Tại sao Dung lại phải giấu chị, Dung đâu còn bé bỏng gì mà sợ có người yêu, rồi chỉ cười Dung. Chả bù Duyên. Hồng trông Phở Thông mới có 16 tuổi đã biết yêu rồi ư? Có ai cười Duyên. Hồng đâu ».

Chị mền,

Dung nói thề, chị vẫn lặng thinh. Dung cứ sợ chị giận Dung và ngờ Dung không thành thật với chị. Chị cứ chờ ở tuổi Dung là tuổi của yêu đương, mơ mộng, thề nài cũng có bóng một chàng trai đang ngự trị trong tâm hồn Dung. Không! Dung chưa biết yêu, nói Dung « không dám yêu » thì đúng hơn. Không phải Dung khô khan, không phải Dung không biết rung cảm trước cái nhìn đắm đuối của

một chàng trai, không biết e thẹn trước những lời tán tỉnh, không có những cảm giác lạ lạ chạy khắp cơ thể khi vô tình chạm phải bàn tay của người khác phái... Trái lại Dung rất đa cảm; như chị đã biết, đã xi-nê với chị đến đoạn phim cảm động, Dung không sao ngăn được giọt nước mắt.

Nhưng chị ơi! Dung không dám yêu, Dung sợ phải yêu rồi đau khổ vì yêu. Năm Dung học Đệ Tứ, một chị bạn đã bảo với Dung: « Chẳng thà được yêu rồi bị khổ vì yêu, hơn là không được yêu ». Dung đã cương quyết cãi ngược lại.

Chị ơi, Dung cũng như chị, cũng như những cô gái trẻ cùng tuổi khác; nghĩa là cũng thích mơ mộng, thích người ta khen mình đẹp, thích được những chàng trai chú ý đến..

Vốn sinh trong một gia đình không mấy khá giả, thiếu nhiều tình thương ở cha, anh, chị, có mỗi mình má thương Dung, nhưng má Dung vì sinh kẻ người luôn vắng nhà, thề nên Dung không tìm thấy ở người một cái vuốt ve triu mền, một giọng nói hiền hòa âu yếm, tuy Dung vẫn biết người rất là cho Dung.

Vì thiếu thốn về phương

điện tinh-thần, nên Dung rất sợ bị một kẻ nào khác làm khổ Dung, Dung luôn tự kềm chế lòng mình, không dám để tình cảm bị lung-lạc. Và lại trước mắt Dung biết bao thiếu nữ khóc cho mỗi tình dang dở, biết bao e gái nhẹ dạ chạy theo tình yêu, giao du thân mật với những chàng trai trẻ đẹp để cuối cùng bị lừa gạt, đâm ra thất vọng, tự tử, v.v...

Nhiều lúc Dung cảm thấy lòng mình cô đơn trống rỗng và tự nhủ: «Sao mình không có «anh» như bạn con Hồng, Yên, Tâm... cũng có những chàng trai đứng đắn theo đuổi mình đây chứ, sao mình không chọn một người yêu. Những cô bạn Dung, cô nào cũng bé hơn Dung, tuổi độ 15, trắng tròn thê mà biết nhiều hơn Dung, đũa nào cũng có người. Hôm nay chúng khoe với Dung ông «bố» này đẹp, ông «bố» kia oai, ông này học năm thứ I luật, ông kia sắp ra trường, ông nọ sắp làm giáo-sư... và trông chúng coi hãnh-diện lắm, sung sướng lắm. Nhìn chúng, nhìn lớp thanh niên hiện đại Dung cảm thấy sợ và chẳng dám để ý đến một chàng trai nào, những lớp thanh-niên đứng đắn, biết lo cho Tổ-quốc, lo cho tương lai mình thì ít mà lớp thanh niên cao-bồi hư.

hồng dùng đủ mảnh khỏe lưỡng gạt gái tơ thì nhiều. Ngoài những anh chàng cao-bồi, quần áo xộc xệch; rần-rỉ đi lang thang ngoài phố chọc phá thiên hạ, lại còn có những anh chàng ăn mặc rất tế chỉnh' cũng quần xanh áo sơ mi trắng, ăn nói nhỏ nhẹ, đứng đắn, đàng hoàng tỏ vẻ con nhà gia giáo, có học thức, nhưng dùng một cái nghe tin họ bị kiện dụ dỗ gái vị thành-niên hoặc gạt gẫm cô này, gây đau buồn cho cô nọ.

Chị ơi! làm sao phân biệt được cái «vỏ» bên ngoài. Dung chẳng dám tin tưởng vào một ai. Dung sợ lắm, sợ đặt tình yêu không đúng chỗ, không nhầm người rồi hồi hận buồn khổ về sau.

Chị yêu,

Chị đã hiểu Dung rồi chứ? Dung luôn thành thật với chị cơ mà, chị đừng ngờ, đừng giận Dung nghe. Cô bạn bé nhỏ của chị rất sợ «yêu», không biết sau này ra sao? Nhưng hiện tại nó đang chạy trốn «tình yêu», nó «chẳng dám yêu ai»... Dung tin chị hiểu Dung, không nhìn Dung với ánh mắt nhiều nghi ngờ nữa.

Mong chị vui, nhiều hạnh phúc.

em : Hoàng-Dung



b | ả | n | k | h | o | ả | n

## thường trực

◀ PHAN-THANH-BÌNH

(Đại-học Văn-khoa, Huế)

TÔI vẫn thường mang trong người niềm băn khoăn rộng lớn, nó đeo đẳng trong hồn tôi từ năm này qua tháng khác như những con vò bám kỹ vào tảng đá nằm tận đáy biển sâu, nó vẫn khiến tôi bứt rứt khó chịu, niềm băn khoăn thường trực. Trong hồn tôi lúc nào cũng xoáy lên những câu hỏi, những vấn đề bắt đầu bằng hai tiếng: tại sao? Tôi bước đi trong cuộc sống mà thấy hình như thiếu thiếu, khao khát một cái gì. Một cái gì xa xôi, không bao giờ rõ rệt mà những lúc đối diện với nó tôi cũng không hiểu được nó là gì. Tôi không bao giờ nắm kỹ được vấn đề đó trong tay, và hình như khi tôi càng cố tìm hiểu về nó thì nó càng bỏ tôi mà chạy đến một vị trí rất xa, xa như những tinh tú trên trời, chúng ta vẫn thấy chúng lấp lánh giữa bầu trời đêm nhưng không bao giờ đến gần được, hiểu rõ được dù bằng những viễn vọng kính tân kỳ nhất, hoặc bằng hỏa tiễn, phi thuyền không gian.

Có lẽ đối tượng sự suy tưởng của tôi không giống như người

lữ hành đi trong sa-mạc, mong chóng đến đích để vục dầu vào sưởi nước trong mát, uống cho đến khi nào đã khát mới thôi. Hồn tôi khao khát vô cùng. Tôi khao khát một ý nghĩa, ý nghĩa về cuộc đời, ý nghĩa sau cùng của sự sống. Tôi thường tự hỏi sau biên giới của sự sống có cái gì? Có phải là Thiên-đàng, địa-ngục, Niết-bàn như những tôn giáo đặt niềm tin của mình vào đó không? Hay tất cả chỉ là hư vô như các triết gia hiện sinh hằng tin tưởng, họ đã chẳng biểu dương một «hư vô chủ nghĩa» là gì?

Niềm băn khoăn đó đã khiến tôi hoài nghi ngay cả cuộc đời, đến sự hiện hữu của tôi. Và tôi cho rằng ở đời này chẳng có gì là quan trọng cả, tất cả đều tầm thường, tầm thường như gạch ngói. Cuộc đời như một chiếc «kính vạn hoa» mới thoạt trông vào thì nhuộm vẻ đẹp muôn màu, nhưng bên trong chỉ là những mảnh chai, mảnh kính vụn vặt. Cho nên tôi luôn luôn là một chú bé nhà quê lên tỉnh đứng trước ngã ba

cuộc đời. Không biết mỗi con đường sẽ dẫn dắt mình đến đâu? Nơi đâu là chỗ nghỉ ngơi, dừng lại?

Cuộc đời đối với tôi chỉ là một khu rừng, sống theo luật rừng, những người đã từng đi qua cũng chẳng khai quang một lối đi nào nhất định. Kẻ này bảo tôi « Hãy mặc áo, xuống đường. Tham dự vào cuộc sống; chỉ có hành động mới mẻ mới khai những giá trị đích thực về con người, cuộc đời ». Nhưng người khác lại cười vào mặt tôi « vô ích ». Tất cả rồi cũng chỉ dẫn đến một ngõ cụt. « Cuộc đời phi lý. Buồn nôn! ». Người thì dạy tôi phải có một kim chỉ nam để hướng lái thuyền đời, người thì khuyên tôi không nên bởi vì con người sinh ra ở đời để sống chứ không phải để suy tưởng cuộc sống.

Tôi giống như một con chim đứng bên bờ tổ nhìn quang trời cao rộng muốn vỗ cánh bay nhưng lại e ngại những bão tố bất ngờ của vũ trụ, như một chú bé trong vườn xuân nhìn một cánh hồng tươi muốn với tay hái lại sợ những gai nhọn nấp dưới cánh hồng, hồng nào hồng chẳng có gai.

Tôi đã từng sống qua một thời trẻ dại, những ngày tháng mật ngọt của tình yêu. Nhưng tất cả đều không đem lại cho tôi một giải đáp ổn thỏa nào. Những người con gái chỉ làm tôi thêm chán nản, ê chề.

Tôi vẫn luôn luôn là kẻ độc hành giữa một đám đông ồn ào, vô tư lự. Những lúc đó tôi muốn quay lưng trở lại cuộc đời, muốn trở về với mình, như vậy tôi càng chán nản, bất mãn hơn. Tôi bất mãn về tôi thường trực.

Những ngày nghỉ học tôi thường từ bỏ thành phố tìm lên một đồi vắng ngồi thơ thẩn một mình. Hái những bông hoa dại xoa nát trong lòng bàn tay với câu hỏi « Tại sao bông hoa này màu vàng mà không phải màu tím? Vì sao tôi đến ngồi đây một mình? » hoặc là tôi tìm ra một bờ biển vắng, nghe tiếng cát lạo xào dưới chân và tiếng thông vi vút trên đầu. Nhìn con dã tràng chạy lẩn tẩn trên cát, những vẩn nạ lại dồn dập đến với tôi « cuộc sống của mình rồi cũng như con dã tràng đó hay sao? »

Đôi khi ngang qua một giáo đường tôi cũng muốn vào quỳ gối như một kẻ ngoan đạo, để chiêm ngưỡng Chúa Trời như một cái đích tối thượng, nơi an nghỉ cuối cùng, như mái nhà chúng ta trở về nghỉ ngơi sau một ngày vất vả ngược xuôi. Hoặc nghe tiếng tụng kinh đều đặn, ngoan ngoan phát ra từ một ngôi chùa tôi lại muốn bước vào để nhìn lên nụ cười hiền từ, sinh động của đức Phật, để những câu hỏi tan biến, để niềm băn khoăn thường trực thoái vị khỏi hồn tôi.

Tôi vẫn thường bảo với bạn bè rằng sau này khi có con cái tôi sẽ mang lại cho chúng một niềm tin rộng lớn, niềm tin có đủ thần lực dẫn dắt chúng bước đi bằng những bước chân vững chãi vào cuộc đời, vào tương lai và vào ngay cả cái chết. Để chúng tránh khỏi niềm băn khoăn, ray rứt như tôi hiện giờ.

Chúng ta phải tạo cho con cái chúng ta một hướng nhìn lên.



## VÌ SAO LẠC LŨNG

★ HOÀNG-MAI-ANH  
(18 tuổi, nữ sinh Đệ tứ)

4 GIỜ chiều, đường vắng hầy còn in đậm màu sắc, sóng người tràn về các nẻo đại lộ. Cái cuồng nhiệt của chiều thứ bảy thức dậy mãnh liệt trong lòng đô thị. Vào thời gian đó, người ta bắt đầu thấy cô gái áo trắng xuất hiện. Nàng đi lẫm lũi trong nắng, cái

Như cái nhìn của chàng làm xiếc Zampano ngược lên những tầng mây thăm thẳm và tin tưởng rằng ở đó có tấm linh hồn thơ ngây của người yêu đã chết của chàng là nàng Gelsomina vẫn tồn tại, hiển hiện và khuyến khích, theo dõi những bước chân của Zampano trên những "con đường" vô tận của cuộc đời.

thân người cao lênh khênh đồ dài trên mặt đường. Một mớ tóc buông thõng thừa thớt trên vai, thỉnh thoảng theo làn gió, xoay tít vào khuôn mặt âm thầm, xa xôi. Người con gái ấy chính là Anh! một phần tử bé nhỏ, mang linh hồn tang thương của xã-hội. Chiều nay

cũng một buổi chiều thứ bảy, Anh lại đi, lần này cùng có một người bạn gái nữa. Con đường Phan thanh Giản xa tít, dần dần rút ngắn lại theo sự di chuyển của hai người! Hết đường này lại sang đường khác họ cứ đi mãi. Một lát sau bỗng cô bạn lên tiếng.

— Này Anh! cậu có điên không đó! Những buổi chiều thứ bảy như vậy mà đi giết thời gian lên mặt đường ư?

Tiếng nàng đáp, nhẹ như hơi thở:

— Không! mình không điên đâu Hường ạ! Nếu không đi như thế này thì biết làm chi để tiêu thụ những cái giờ nhàn rỗi đến chán chường này?

Cô gái tên Hường nhếch môi cười:

— Sao cậu không nghĩ đến cái ghế trong rạp hát, hay một cách khác hay hơn là về nhà, nằm duỗi căng đọc sách thì thú biết bao? Đi như vậy, đã mệt rồi mà còn buồn thấy mồ, thương hại cậu quá mình đi theo cho vui đấy! mình chẳng thích làm công việc này tí nào cả.

— Cậu cứ việc "cấy" mình đi! Mình xin nhận hết. Cậu nói đúng đó, nhưng chỉ đúng trên lý thuyết, trên hoàn cảnh, trên tư tưởng của cậu! chứ còn với mình, nó

chẳng thích hợp tí nào cả. Cậu đừng giận! mình nói thật đó.

— Không thích hợp quái gì! đi mãi, đi mãi trên những con đường ngợp nắng thì thích hợp với cậu lắm sao? ! mà thích hợp với hồn thơ của cậu đấy chứ.

— Không hẳn thế Hường à! Công việc này chỉ cung ứng được phần nào sự đòi hỏi của hồn thơ mà thôi! Ngoài ra nó còn làm thỏa mãn những khía cạnh của tâm tư mình, đang thiếu! Cậu chưa hiểu rõ mình làm sao biết được.

— Mình phải hiểu cậu những gì nữa mới biết rõ được? Một đứa con 18 tuổi của xã hội, có một lớp vợ là một nữ sinh hiện thực, mang một tâm tính phẳng lặng và can đảm, mình còn phải hiểu gì về cậu nữa?

— Vâng, hiểu như thế là vừa rồi. Nhưng nếu cậu biết rằng đấy là tất cả những đá sỏi. Một lớp áo mà mình cố gắng biến tạo để sống cho hợp cảnh hợp tình, thì chắc cậu còn muốn tìm hiểu thêm nữa!

— Còn những gì nữa Anh? Cho mình biết đi!

Này Hường, con người của mình! một hình hài mang cái hình thức như cậu nói! Nhưng còn linh hồn! chào ời! ai hiểu thấu cho mình

đây! Linh hồn của mình là một chiều địa tâm lý, chứa đựng muôn ngàn sắc thái, một "tinh cầu" kết tinh những sự đau khổ của trần thế. Này Hường! cậu thử nhìn xem, thiên hạ đang mua những trận cười nghiêng ngửa, thực cảnh đang khoát hàng vạn bộ mặt: đều giả, trơ trên, tang thương, khổ nạn, có cả quý phái cao sang nữa. Tất cả có nghĩa lý gì nhỉ! Một hài kịch, một bi kịch, một chiến trường hay một mặt nạ? hay tất cả! Phải cười khan lên trước cuộc sống! Sao mình chán quá, cuộc sống, số kiếp, việc làm đối với mình đã trơ nên quá cũ kỹ nhàm chán! Không biết bây giờ mình còn thích cái gì nữa! Ồ! mà thích gì nữa khi mình chỉ là một con người mà Thượng - đế tạo ra để phải nhận lãnh tất cả bi thương của cuộc đời: không cha mẹ, không anh em, thân bằng quyến thuộc, lại tất cả gọi bao nhiêu là chua xót và đắng cay, còn gì nữa! tang thương lắm rồi! Này Hường! những buổi chiều thứ bảy như vậy là những quãng thời gian cô động tư tưởng mình nhiều nhất. Đi để được yên lặng suy nghĩ, đi để được hiểu thêm đau đớn, và đi cũng để hiểu thêm cái giá trị của mình; nhưng đau xót lắm: sau

trước thì vẫn lui hoàn con số zéro, nghĩa là mình vẫn là mình là một con người bị cuộc sống bỏ rơi, chà đạp. Biết bao nhiêu nước mắt đã đổ dài trong đêm! Mình khóc quá nhiều rồi Hường ời! Buồn cũng khóc, giận cũng khóc, chán cũng khóc. Tất cả đối với mình quá cũ, quá qui tắc, gò ép như một bánh xe quay theo chiều thời gian!

Nói đến đây, Anh chợt ngừng đôi mắt nhìn chăm chú vào hư không như muốn bói móc một cái gì vô hình, cô gái nhẹ thở dài:

— Mà thôi Hường ạ! Chuyện mình nói thì nhiều vô kể và buồn lắm! Một ngày nào Hường sẽ hiểu mình hơn! Nhưng mình mong Hường đừng bận tâm gì hết! Dù sao thì định mệnh cũng đã an bài, có bao giờ xoay chiều đâu? Bây giờ mình không cầu mong chi hơn nữa, buông xuôi tất cả cho trôi theo dòng tư tưởng, để mặc cho hàng ngàn thứ chi phối linh hồn!... Trời sắp hết nắng rồi, chúng mình về thôi!

Hai người con gái quay trở lại những con đường cũ, họ yên lặng đi bên nhau không nói thêm lời nào nữa. Từng lớp nắng đưa tiễn vào nhịp thở. Đêm tối lên ngời dần sau lưng họ.



## lưu phổ-thông

★ A. TOÀN (Đức-hòa)

Anh gửi cho em cuốn Phở-Thông  
Đề em đọc đờ lúc ngồi không  
Thả hồn bay bổng lên cung-quảng  
Báo giúp tâm hồn sáng suốt trong.  
Em đọc từng dòng trên giấy in  
Xét xem ý nghĩa của từng tin  
Bảo gì giúp ích tinh thần vững?  
Là đước soi đường đến bến vinh.  
Anh đón mua ngay số mới ra  
Gửi cho em mền ở phương xa  
Lưu vào tủ sách gia đình nhé  
Có dịp anh về xét lại qua.  
Ly loạn anh nhờ có bấy nhiêu  
Mong em ghi nhớ chớ sai điều  
Trao về tất cả cho em giữ...  
Thề xác, tâm hồn chứa chất yêu.

## bao giờ thôi đơn phương

★ NGUYỄN-THỊ MỸ-DUYÊN  
(KBC 3080)

Quay nhìn quá khứ  
mà buồn cho tương lai,  
Nghĩ đến ngày mai,  
Xót xa vì hiện tại.  
Ai say chệnh choáng men rượu hương tình,  
nỗi riêng riêng mình ai đâu tâm sự.  
Đường khuya.  
Xóm nhỏ.  
Gió lạnh.

Đêm dài.  
Sương rụng đầy vai;  
không người to nhỏ.  
Đời nhiều sương gió nên chi bơ vơ  
không ai đợi chờ  
ta nghe bơ ngỡ  
Ý đời cô đọng cho buồn bao la!  
Những kẻ không nhà...  
Đợi nhiều xa lạ!



Nhân dịp lễ sinh nhật của Đức  
Không-Tu, ngày 10-9-1963, chúng  
tôi hoan hỷ đăng bài sau đây của  
B.S. Trương-Quý-Lâm, nói về chữ  
« Nhân » trong Không-học.

P. T.

## chữ «NHÂN» trong KHÔNG-HỌC

★ B.S. Trương-Quý-Lâm

**KHÔNG-GIÁO** là một  
đạo lý dạy về cách xử thế. Và  
đạo lý ấy tuy bao la song người  
ta có thể bảo chỉ gồm ở một  
chữ **NHÂN**. Chữ **NHÂN** rất  
rộng.

Chí-sĩ **PHAN-BỘI-CHÂU**  
bảo rằng: « trong khi bàn bạc  
chữ « **NHÂN** » thời chỉ duy  
**KHÔNG-TU** mới là tận thiện  
tận mỹ. Nhỏ từ nhất sự nhất vật,  
lớn đến nhất Quốc-gia, nhất xã-

hội, nhất thế giới, thầy có lẽ bao  
bọc trong chữ « **NHÂN** ». Vô  
luận người nào việc nào, chốn  
nào, thì nào tất thầy dùng một  
chữ « **NHÂN** » mà ứng phó  
được cả.

« Tuy nhiên chúng ta phải biết  
**NHÂN** có **THỂ**, có **DỤNG**,  
có **KINH**, có **QUYỀN**, có  
**NHÂN**, có **QUẢ**, có **CHÍNH**,  
có **PHỤ**, (體, 用, 經,  
權, 因, 果, 正, 附),



nhỏ đến như cái lông mùa thu mà không có thể sót thiếu, lớn đến như hòn núi Thái-sơn mà không thấy có thừa. Vậy nên ở trong Không học, có chỗ nói chữ « NHÂN » bằng cách trừ tượng có chỗ nói chữ « NHÂN » bằng cách cụ thể, có chỗ tùy bệnh chứng tùy người mà cho thuốc ; có chỗ tùy địa vị từng người mà cho bài ; có chỗ chỉ là một bộ phận ở trong chữ « NHÂN » ; có chỗ tóm gộp tuyên cả bộ phận chữ « NHÂN » đầu thiên ngôn vạn ngữ cũng chưa để miêu tả cho hết » (1).

Đề hiểu rõ chữ NHÂN, chúng ta hãy bàn về bản-thể nhu cầu và khả-năng cũng như về phản-diện và phụ diện của nó.

Về phương diện tâm-lý, đức Không-Tử dạy rằng : muốn làm được NHÂN phải khắc kỷ, phục lễ (khắc kỷ phục lễ vi nhân : 克己復禮為仁). Trùng trị hết tư dục là khắc kỷ hồi phục được tâm-lý của trời là phục lễ. Hễ khắc được kỷ, phục được lễ, đức nhân đã thịnh vượng thì nó sẽ ảnh hưởng đến cả thiên hạ. Vì cái việc vi nhân ấy không phải nhờ cậy ai : Đức nhân trời đã phú sẵn cho mình, mình phải tự làm lấy công việc nhân. (Vi nhân do kỷ nhi

dô nhân hồ tai : 為仁由己而由人乎哉).

Nay làm thế nào để « Khắc kỷ, phục lễ » ?

Hễ cái gì không đúng lẽ trời tức phi-lễ, đã phi-lễ tức là tư dục của mình. Và nếu chiều theo tư dục của mình thì không thể khắc kỷ, phục-lễ. Vậy nên hễ cái gì phi-lễ thì chớ nghe, lời gì phi-lễ thì chớ nói, công việc gì phi-lễ thì chớ làm. Dứt được những cái phi-lễ thì tức khắc phục-lễ. Khi được phi-lễ, khắc được kỷ tức khắc hồi-phục được thiên-lý và bây giờ việc vi nhân chẳng còn khó gì nữa.

Xem trên, chúng ta hiểu rằng bản thể của đức nhân vẫn sẵn có ở lòng ta. Nếu mà chúng ta mất hẳn đức nhân là chỉ tại không khắc được kỷ. Nếu khắc được kỷ thì lòng ta đã nhân rồi. Vì vậy, đức Không-Tử có câu : Nhân viễn hồ tai ngã dục nhân, tư nhân chí kỷ (仁遠乎哉, 我欲仁斯仁至矣).  
nghĩa là đức nhân há có xa lạ gì đâu ! Hễ trong lòng ta muốn làm việc nhân thì nhân tức khắc đến vậy.

Xét cho kỹ, đức nhân chẳng phải xa lạ gì, mà chỉ là cái tính

(1) Không-học dǎng, trang 34.

tốt trong lòng mà trời phú sẵn cho ta. Cho nên sách Trung Dung nói Nhân giả nhơn giả (仁者人也),

nghĩa là gọi đức nhân chỉ là cái lòng tốt của người, cái chân-lý để làm người vậy. Người với cầm thú chỉ khác nhau ở chỗ nhân với bất nhân. Người đã bất nhân thì không phải người nữa. Kẻ tiểu nhân luôn luôn để lương tâm và chân lý cho vật chất lôi kéo, hoàn cảnh xô ngã ; họ « ham phú quý mà thay lòng, ghét bản tiện mà tiếng tiết » nên thành người bất nhân. Còn đối với người quân tử, trái với nhân mà được vinh hoa phú quý thời người quân tử cũng từ chối cái phú quý kia, và nếu đúng với nhân mà phải bản tiện thời người quân tử cũng đành chịu cái bản tiện ấy. Nói tóm lại, mặc cho hoàn cảnh đổi thay, chân tính của người quân tử không bao giờ thay đổi. Vì vậy mà người quân tử thường có nhân, mà có nhân mới là người quân tử.

Bản thể của chữ NHÂN như vậy, nhu cầu về nó và khả năng của nó như thế nào ?

Bởi chưng đức nhân không có gì là không bao biếm, đã là người tất phải sống nhờ đức nhân. Xa rời đức nhân con người phải chết. Vì vậy, đức Không-Tử dạy :

loài người với đức nhân quan hệ mật thiết hơn nước với lửa.— Không có nước lửa, con người sẽ không thể nhờ gì sống nổi. Nước lửa quan hệ đến sự sống thay. Vậy mà đức nhân còn quan hệ đến sự sống hơn nữa. Người đời chỉ biết nước lửa quan hệ sự sống mà không biết đức nhân chính mới là sinh mệnh của mình ; nên ta thường thấy người đầy mình vào thủy hỏa mà chết, chứ chưa từng thấy người nào đầy mình vào đức nhân mà chết cả. (Dǎn chi nhân giả, thậm ư thủy hỏa, thủy hỏa ngô kiến đạo nhi tử giả hỷ, vị kiến đạo nhi tử giả giã : 民之於仁也, 甚於水火 ; 水火吾見蹈而死者矣, 未見蹈仁而死者也).

Nếu chịu khó xét mặt chữ thì chúng ta thấy chữ « NHÂN » có ý nghĩa vô cùng. Nó chia làm hai phần bên tả là chữ « NHON đứng » (一), bên hữu là chữ (二) với hai nét ngang nhau, vậy chữ NHÂN có ý nghĩa rằng cái giống để làm người, tức NHÂN, thì ai nấy cũng như nhau.

Tuy nhiên muốn hiểu rõ ý nghĩa chữ NHÂN hơn ; tưởng không gì bằng lấy những lời của Đức Không-Tử đem làm bằng chứng. Ngài nói rằng : Đương nhân bất

nhượng sư (當仁不讓於師), nghĩa là gặp việc nhân, ai nấy cũng có thể làm, cũng dám nhận lấy được, không thể nhường cho ai, dù là bậc thầy; nói cách khác: lúc gánh việc nhân thì dù là thầy mình thì mình cũng không dám nhường cho thầy mà không làm. Ngài cũng bảo: *Quân-tử khứ nhân ô hồ thành danh* (君子去仁惡乎成名), nghĩa là người quân tử nếu rời bỏ đức nhân thì còn gì mà thanh danh quân tử được? Phải biết rằng: *Quân tử vô chung thực chi gian vi nhân; thảo thứ tất ư thị, diên bái tất ư thị* (君子無終食之間違仁, 造次必於是, 顛沛必於是), nghĩa là người quân tử dù ở việc nào, buổi nào, chốn nào cũng phải giữ lấy đức nhân; dù trong khoảng rời một bữa ăn, người quân tử cũng không hề trái đức nhân. Dù lúc vội vàng hay đảo điên, tấm lòng người quân tử cũng kháng-khăng ở nơi đức nhân nữa.

Đức nhân cần thay! Nay đã là người học giả thì phải chí ư đạo, mà chí ư đạo thì buộc phải chí ư nhân, đạo là nhân. Làm nổi nhân là gánh nổi đạo. Cũng vì lẽ đó mà Đức Khổng Tử bảo thầy Tăng Sâm rằng: *Ngô Đạo nhất dĩ quán chi* (吾道一以貫之), nghĩa là đạo của ta chỉ có một giá mà quán xuyên hết muôn lẽ

muôn việc trong thiên hạ. «Nhất» là nhất bản, «quán» nghĩa là vạn thù; lấy một gốc mà này nở ra muôn nhánh, vạn lá. «Nhất» ở đây là tuyên thệ chữ nhân, và «quán» là công dụng của nó.

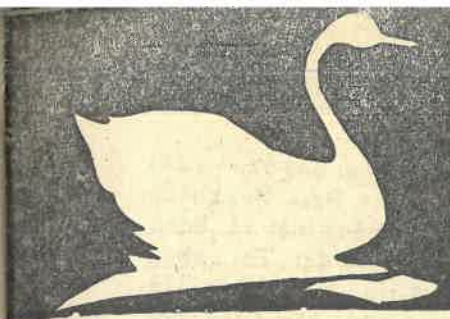
Đề cho kẻ khác có thể lĩnh hội được chữ nhân, thầy Tăng Sâm bảo rằng chữ «Nhất» có nghĩa hết sức cao xa, nay hãy nói rằng: Đạo của Phu-tử chỉ vẫn tắt ở hai chữ *Trung, Thứ* mà thôi vậy. *Phu-tử chi đạo: Trung Thứ nhi dĩ hỹ*: 夫子之道忠恕而已矣。 Vì rằng hai chữ *Trung, Thứ* không phải chữ «Nhân» nhưng tinh-thần ý-nghĩa của chúng đúng là con đẻ của chữ «Nhân».

Vậy *Trung-thứ* là thế nào? (còn tiếp)



— Tại sao lúc bắn chim người đi săn phải nhắm một mắt lại nhỉ?

— Mày ngu quá! nếu nhắm cả hai mắt thì còn nhìn thấy gì mà bắn nữa!



# TAO ĐÀN BẠCH-NGA

## trả lời các thi-hữu bốn phương

★ Thơ Bạch-Nga không phải chỉ riêng có «lời thơ 12 chữ.»  
— Bạn Hoàng-thanh-Nguyệt, Nice, (Pháp).

● Trong quyển «Thi-nhân Việt - Nam» Hoài-Thanh nói «Thơ Bạch-Nga là lời thơ 12 chữ», đó là một điều cố ý sơ sót. Chứng cứ rõ ràng, là hai bài «*Sương Rơi*» và «*Gởi Trương-Tử*» mà Hoài-Thanh đã ghi chép trong sách ấy, không phải là «Lời thơ 12 chữ». Các người viết sách sau này mỗi khi viết về Thơ Bạch-Nga đều viết theo Hoài-Thanh mà không chịu tra cứu thêm.

★ Thơ Bạch-Nga rập vần giống như Thơ Tây-phương (Pháp, Anh, Đức), nhưng khác biệt các loại thơ ấy.  
— Bạn Mộng-Thu, Đồng-Khánh-Huế.

● Khác biệt, vì tiếng Tây-phương đa-âm, tiếng Việt-nam độc âm, nên niêm luật trong thơ có khác nhiều.

● Thơ cổ-diễn Tây-phương lại dùng thường xuyên câu 12 chữ (Alexandrins). Thơ từ 2 đến 10 chữ cũng có, nhưng ít thôi. Trái lại, Thơ Bạch-Nga thường dùng Thơ từ 2 đến 9 chữ nhiều hơn Thơ 12 chữ. Loại Thơ 12 chữ chỉ dùng để dẫn-đạt các đề-tài sâu rộng, và tình cảm bóng bộn rộng lớn.

● Người Thơ Bạch-Nga vẫn làm đủ các loại thơ. Đường luật và lục-bát, Song-thất lục-bát, tứ-tuyệt liên-ngâm, v.v... Chúng tôi không phủ nhận, cũng không từ bỏ các loại thơ cổ-diễn ấy. Nhưng thơ Bạch-Nga chân chính là loại Thơ mới có vần điệu mới (vần liền, vần cách, vần ôm) với số chữ có hạn định ở mỗi câu trong mỗi biên-thể (về các thể Thơ Bạch-Nga, xem lại P.T. 106, 107, v.v..)

\* Nội-dung Thơ Bạch-Nga

— Bạn Nguyễn-ngọc-Bằng — Saigon

● Thơ Bạch-Nga không phân chia lãng-mạn, tượng-trung, siêu-hình, v.v... Nó là Thơ thuần túy, nói ra Tiếng Thơ thanh-thoát, không ép gượng, không giả tạo.

● Thơ Bạch-Nga chứa đựng phong độ tao nhã của người Thơ, xây dựng xã-hội tốt đẹp thuần-túy. Thơ Bạch-Nga không « Than mây khóc gió », không chú-trọng riêng biệt về hoàn cảnh và tình cảm cá nhân của người thơ. Nó đặt Thi-nhân trong khung cảnh xã-hội, nhân-loại, vũ-trụ. Nó hướng dẫn thế-hệ bạn trẻ trên đường Lý-tưởng cao-siêu, xây dựng một lứa tuổi hoa-niên thuần-túy, không chấp nhận những điều-kiện tạo ra thanh-niên trụy-lạc.



thơ huyền diệu



ĐÀO-THANH-KHIẾT (Philippines)

( Trong Tao-Đàn Bạch-Nga )

Đến một ngày kia Thi-nhân tan xác :

★ Chiếc lá nhạt màu, khô héo, rã rời...

Giọng hát không còn văng vẳng nơi nơi.

★ Linh hồn sẽ biến tan vào hư ảo !

Thế là hết. Một tiếng kêu áo nảo !

★ Sống ở kiếp người nặn óc, moi tìm,

Luôn say mê nên mãi mãi đi tìm

★ Nghệ thuật cùng với nàng Thơ huyền diệu.

★ Nếu ai thắp một nén hương đồng-diệu

Thơ sẽ nương theo tận tới trời xanh,

★ Hóa thành mây, và đọng giọt long lanh,

Rưới mát cõi trần-gian nhiều đau khổ !

bức tranh say



MINH-ĐỨC

( Trong Tao-đàn Bạch-Nga )



Mái tóc ngày xưa xanh xanh

Mái tóc ngày nay bạc trắng



Nắng mùa thu nét vàng, tô mong manh

Hoàng hôn thu, mầu mây trôi im lặng



Nhớ thuở nào xa xưa

Bước chân ai thoăn thoắt



Đêm rừng vang vang tiếng mưa

Gió rừng vi vu hiu hắt



Người chiến sĩ trong sương khuya lạnh lẽo

Một ra đi không dám hẹn... mai về

Có ai chinh phụ hờn trăng méo

Trách mưa chiều sao kéo dài lê thê



Bóng thẳng em nhỏ

Một thuở lìa nhà



Mơ thiên đường với muôn màu sao đỏ

Mơ núi rừng lồng lộng chân trời xa



Tiếng lục huyền cầm văng vẳng

Gợi ánh đêm trăng nào xưa



Con tàu chờ em sơn áo trắng

Ngày em đi, mây mùa thu tiễn đưa



Ai sẽ đón em

Ngày về thăm thăm

Ai sẽ thương em



Hay chỉ có đôi nắm mồ hoang vắng ?



Không gian bơ vơ, thời gian bơ vơ

Nhưng say rồi chẳng ?

Môi chưa nũng men rượu



Nhưng điên rồi chẳng

Sao vẫn còn ước mơ.

(Alger, 18-8-63)



# dàn ới im đi!

## PHƯƠNG - ĐÀI

( Trong Tao-dàn Bạch-Nga )

★

★

★

★

★

★

★

★

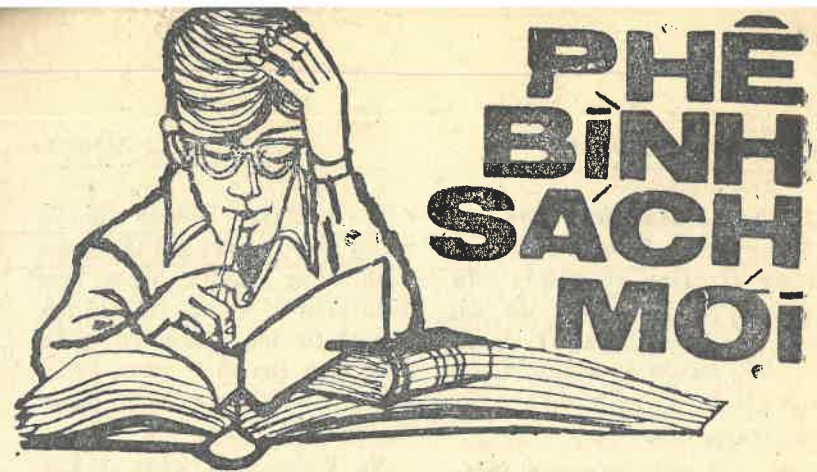
★

★

★

★

Im đi!  
 Những tiếng ru hồn  
 Im đi!  
 Những điệu nỉ non ân tình  
 Ngừng tay đi!  
 Cho đàn dừng lên cung  
 Cho tơ lòng thôi rung :  
 Ngõ trúc chiều nay buồn dịu - vợi  
 Thanh âm bằng-bạc phím tơ chùng  
 Chuyện đời muôn thuở  
 Vẫn là ghét, yêu  
 Tâm sự dâng lên những buổi chiều  
 Mùa nhớ, vời thu vào ánh nhạt  
 Vai gầy góp mãi chuyện không đầu  
 Ai đã trao ai màu hương nhạc  
 Men buồn thao thức buổi mai sau  
 Kinh kỳ rét mướt chiều hoang lạnh  
 Sông nước đôi bờ cách biệt nhau  
 Ra đi để lỡ mùa hoa hẹn  
 Tâm hướng sương buồn ngập cánh song  
 Mơ ngày xuân thắm, lời chung ước  
 Hoa tím trao lên mái tóc bông  
 Vầng trăng chênh chếch chờ đôi bóng  
 Tay vướng sóng hồ gửi ánh sao  
 Cung thương lã-luớt  
 Nhạc vờn cao  
 Xin đàn ngưng phím  
 Cho tình tha thiết bớt nao nao.



# PHÊ BÌNH SÁCH MỚI

ĐỌC

## « YÊU »

của **CHU-TỬ**

(Nhà xuất-bản ĐƯỜNG-SÁNG)

★ Diêu-Huyền

**X** I N thú thật, đã lâu lắm rồi tôi chưa có thì giờ đọc các quyển truyện mới xuất bản. Đáng tiếc, nhưng đành chịu vậy.

Nhân đạo này không hiểu sao buồn quá, tâm sự có gì uất ức mà nói không ra, cho nên tôi viết thật nhiều, và đọc thật nhiều, để khuấy-khỏa đôi chút.

Tôi vừa xem xong 3 bộ sách « Mémoires de Guerre » của Đại-tướng De Gaulle. 3 giờ khuya rồi. Giờ giới-nghiêm. Ngoài đại-lộ im phăng-phắc

trừ một tiếng xe nhà-bình vừa mới chạy vụt qua.

Ai đề quyền « Yêu » trên bàn tôi từ hồi nào, có chữ ký của tác-giả thân-ái để tặng? Tôi mở quyển truyện định xem luôn cho đến sáng.

★

Một giáo-sư triết-học tên là Hoàng-đình-Thúc có bốn cô gái cưng, rất đẹp: Cô Uyên « đẹp lồ-lộ dữ-dội », cô Diễm « đẹp duyên rủ mơ màng », cô Huyền « đẹp huyền-bí », cô Tuyết « đẹp ngộ-nghĩnh ranh-mãnh ».

Cả bốn cô đều được cha mẹ rất mực yêu chiều và nếp sống trong gia đình có phong - độ tự - do, tàn - tiên, do cái tính của ông giáo-sư Triệt rất dễ dãi, tự-do như người chủ một gia-đình Tây-phương, vào bậc trung-lưu.

Bốn cô cùng học môn Pháp văn riêng ở nhà với giáo-sư Đạt, bạn thân của ông bà Thúc.

Đạt đã thắm yêu Diễm từ hồi Diễm 10 tuổi, nay xin cưới.

Gần như một trái bom nguyên-tử nổ trong gia-đình này. Bà Thúc kịch-liệt phản đối, bà không thể chấp nhận được việc một người bạn thân của vợ chồng bà mà dám «cả gan» đi hỏi con gái bà. Câu chuyện chưa ngã ngũ, thì một buổi tối meo nhiên Thúc làm quen với Hằng, một cô gái đã lớn tuổi, và là bạn của Đạt, rồi do trời giông tố sấm sét, Hằng khiếp sợ, ngã vào tay Thúc và hiến thân cho Thúc luôn.

Cuộc phiêu-lưu giông-tổ ngoài vòng phu-phụ của ông giáo-sư Triệt gây ra một giông tố khác, ngầm ngầm, trong tình nghĩa vợ chồng, vì vợ ông tức giận nhưng im lặng. Diễm, tuy có cảm tình với

«thầy» Đạt, nhưng muốn tránh những sóng gió trong gia đình, bằng lòng lấy Khải, một Sinh-viên Y-khoa, tình nhân của cô từ lâu. Diễm cô quen mỗi tình tha thiết của «Thầy Đạt» để xây dựng hạnh phúc lâu bền với chồng.

Vì không khí căng thẳng giữa vợ chồng ông, do tự ông gây ra, Thúc buồn rầu, sinh bệnh rồi chết.

Cô gái trưởng, là Uyên, yêu Hường, một sinh viên nghèo, nhưng lại giao du thân mật với một nhà thầu khoán giàu có. Hường ghen tức, sinh sự ầu đả với tình địch, phải đi ở tù. Huyền, cô gái thứ ba, thay chị vào nhà lo thăm Hường rồi yêu Hường. Uyên buồn phiền đi cờ bạc bịp, đề rồi lại bị đi tù.

Tiểu gia đình Diễm-Khải cũng chẳng vui gì. Hạnh phúc zéro. Vì Khải biết được vợ mình vẫn còn vương vãn hình bóng người yêu cũ, đâm ra truy lạc, và say mê một vũ-nữ, Trang. Diễm cầu cứu Đạt. Đề người yêu của mình vá vúi lại hạnh phúc tan rã, Đạt cười Trang, cốt ý đề Khải thất vọng vì Trang, và sẽ trở về với Diễm. Nhưng Khải chết vì tai nạn xe hơi. Uyên

ở tù ra cũng chết vì mặc cảm bị đời ruồng bỏ. Chỉ còn lại cái khổ triển miên vì YẾ U mà ra, mà những kẻ còn sống phải mang lây.

**CẢM** tưởng trước nhất của tôi khi đọc xong truyện «yêu» của Chu-Tử, là một nỗi buồn ngao ngán. Thì ra tình yêu mà không được đặt đúng chỗ nó sinh ra làm điều ghê gớm như thế thật.

Diễm yêu Đạt, nếu lây được Đạt thì chắc là những thảm cảnh không phải xảy ra. Uyên yêu Hường, nếu chỉ nghĩ đến việc gây dựng gia đình với Hường mà không có ý định tìm người thứ hai để cung cấp nhu cầu cho mình, thì chắc không đến nỗi đi đến cái chết đau đớn âm thầm như vậy.

Chu Tử đã vạch cho chúng ta thấy được cái mặt thật của các vai trò trên sân khấu cuộc đời — từ một cô Uyên « mơ mộng mà thực tế » cho tới ông giáo sư Đạt ngây ngô khờ khạo trong tình yêu dù đã luống tuổi.

Với một nhận xét tinh tường, tác giả đã tạo cho nhân vật Uyên một tâm lý thật đúng với tâm lý những người con gái thời đại. « Một mặt thì Uyên yêu Hường, một mặt khác Uyên vẫn tiếp tục liên

lạc, giao thiệp với những người rắp tâm hỏi Uyên. Đó là một sự thật vô lý, nhưng vẫn là sự thật... và tình yên của Hường; Uyên chỉ coi như một hương thơm của cuộc đời người con gái trước khi đi lấy chồng ». (Yêu, trang 142).

Cái môi chân tình của giáo sư Đạt đòi với Diễm thực đã làm tôi cảm động. Chu Tử đã hết sức khéo léo cho người đọc thấy được cái tâm lý của kẻ có một tình yêu chân thật; cái tâm trạng hỗn loạn, mâu thuẫn của Đạt đã có gan hăm hờ theo người yêu về nghĩ mát tận một miền quê xa lắc, đề rồi khi gặp mặt người yêu chỉ biết đứng ngây ra nhìn mà không nói được một lời nào.

Tôi cũng không khỏi buồn cười cho cái ngây thơ ngờ ngẩn của Đạt lúc quỳnh quáng lo sợ người yêu của mình về tay kẻ khác, đến nỗi phải van kẻ một cô gái chỉ đáng là học trò mình, « Đạt bắt đầu cảm phục Hội, coi Hội đáng bậc «cổ văn» của mình và chàng ngây thơ lo lắng hỏi Hội: «Thề cô bảo tôi phải làm sao bây giờ?» (Yêu, 106) ! Chính cái thành công của Chu Tử là đã đưa ra những nhận xét về tâm lý rất đúng ấy.

Rồi Thúc một người lúc nào cũng có một tâm

hồn lãng mạn, nhưng phải sống gò bó trong khuôn khổ vì gia đình ràng buộc, cho đến Hòa, người đàn bà lúc nào cũng cô lầy bốn phận che dấu cái thực chất của tâm hồn mình; Rồi Huyền, cô gái có một tâm hồn cao thượng, yêu bằng một tình yêu thiết tha chân thật, cho tới Trang, một vũ nữ với cái tình yêu sôi bùng, tất cả mọi nhân vật trong truyện đều được khoát cho một vai trò vừa vặn khít khao. Nhưng thỉnh thoảng Chu-Tử vô tình để cho người đọc thấy được đôi cái hờ hênh của mình. Chẳng hạn như bốn chị em trình độ học vấn khác nhau mà lại cùng học chung một chương trình sinh ngữ với một giáo sư (Uyển học luật - Diễm vừa đỗ toàn phần Huyền - dọn thi phần hai và Tuyết tài học chương trình Pháp).

Lại còn có một điều mà tôi nghĩ rằng lúc viết chắc tác giả đã mãi mê theo triệu cảm hứng của mình mà quên không để ý đến, đó là mỗi tình chớp nhoáng trong đêm giông tố của Thúc và Hằng. Tôi nghĩ rằng một người đàn bà dù có thể nào đi nữa cũng không đến nỗi quá dễ dàng được như vậy. Cho dù ngoại cảnh có chi phối ta đến đâu cũng không thể nào trong lần gặp gỡ đầu tiên mà ta có thể trao thân cho một người đàn

ông xa lạ. Huông nữa ở đây Hằng đâu phải một hạng đàn bà tầm thường.

Theo tôi, giá Chu - Tử cứ cho hai người yêu nhau trình bạch một thời gian đã, chứ vội đi đâu mà cho họ « ồng hộ » lệ thê? Ít nhất để cho họ « thêm » vài ba đêm sau cũng còn vừa chán cơ mà! Dù vậy, chúng ta cũng không thể nào phủ nhận cái biệt tài của Chu Tử. Với lời văn vừa tha thiết dịu dàng, vừa dí dỏm vui tươi Chu Tử đã đưa ra một đề tài sống động, như một cái gương soi, nhìn vào gần như thấy rõ tâm hồn của mỗi người.

Chu Tử đã phơi bày được mọi vấn đề một cách thẳng thắn, chân thành nhưng không quá táo bạo, tác giả vẫn giữ cho mình một nét dịu dàng kín đáo.

Sau cùng, Chu-Tử có một câu rất sâu-sắc: « Sống ở đời ai mà không mắc bẫy... Mỗi người chúng ta đều tự giương cho mình một cái bẫy, để tự mình chui vào... Tìm cách gỡ thoát, ai ra khỏi bẫy thì người đó sẽ hết lý do sống » (Yêu-374).

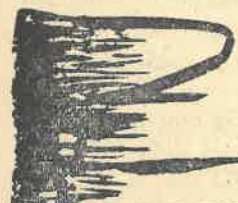
Đoạn trên này có thể dùng làm một châm-ngôn cho tình yêu.

Tôi cảm ơn tác giả đã cho tôi ba tiếng đồng-hồ thích thú, say mê « Yêu ».

Hình 3!



N  
M  
I



Cá Chanh  
có thật  
không?

I

BÀ Tú đánh máy bức thư của ông Tú trả lời cho một giáo sư Pháp ở Paris hỏi về vụ « Cá Thần » ở Quảng-Nam. Nhưng mới đánh được nửa trang, bà ngưng công việc, chạy lại bá cỗ hôn ông Tú đang nằm nghiêng bên võng viết cái gì trên một cặp giấy dày. Ông Tú phải bỏ cặp giấy xuống sàn nhà, vì bà Tú ngồi choán ngay trước mặt ông phá rầy không cho ông viết :

— Em không đánh máy bức thư đó nữa đâu.

Ông Tú tủm tỉm cười vượt tọc bà :

— Em mệt hả ?

— Em khoẻ lắm, hồng một chút xiu nào hết, nhưng cái chuyện con Cá Thần, Minh chưa nói cho em nghe, sao Minh đã đi nói với người khác ? Em hồng chịu đâu.

— Người ta viết thư hỏi về vụ đó, anh phải trả lời. Chứ em đâu có viết thư hỏi anh ?

— Minh còn bắt em phải viết thư hỏi Minh cơ hả ? Khỏi đi bỏ ơi ! Bây giờ em hỏi đây, bỏ phải nói cho tui nghe, cho tui hiểu hết vấn đề rồi tui mới chịu đánh máy bức thư bỏ trả lời cho người ta.

— Ừ, thì em cứ hỏi đi.

— Ông đọc-giả ở Paris hỏi Minh thế nào ?

— Người ta hỏi vụ « Cá Thần » ở Quảng Nam có thật hay không ? vì người ta mong biết sự thật.

— Em cũng hỏi y như ông đọc giả hỏi Minh vậy đó. Cá Thần ở Quảng Nam có thật hay không ? Nhưng Minh trả lời cho ông Tây trong 3 trang thư, thì Minh trả lời cho em 13 trang, nghen Minh ?

Luôn luôn mỉm cười, ông Tú âu yếm ngó vào đôi mắt huyền mờ của bà Tú :

— Em biết rằng anh không có đến tận nơi để quan sát. Làm sao dám quả quyết rằng « cá thần » có hay là không ?

— Vậy thì Minh trả lời cho người ta là không hay là có ?

— Đọc hết 3 trang thư, em sẽ hiểu. Anh nói về phương diện khoa học hiện đại và những thực tại phi - lý, ngoại - khoa học, (des réalités irrationnelles extra-scientifiques) Anh muốn nhấn mạnh chữ đó : *ngoại khoa học*, *extra-scientifiques* chứ không phải *phản khoa học* (anti-scientifiques). Nhiều người quá tin tưởng vào khoa - học và cho rằng khoa - học đã đến một mức độ tối cao có thể cho phép trí-óc của con người tìm hiểu tất cả mọi định luật của thiên nhiên. Đó thật là một lầm lẫn quá ngây thơ, và một tự phụ quá táo bạo. Bởi vì trong vũ trụ còn vô số những huyền bí mà

MÌNH ƠI !

khoa học của loài người đã tuyên bố là không thể nào hiểu nổi. Các nhà đại bác học, đại khoa học, lại chính là những kẻ khiêm nhường hơn hết : họ không bao giờ dám tự phụ rằng họ thấu triệt hết được những bí mật của Thiên nhiên, những huyền-vi của Tạo-hóa. Em có nghe tên ông Albert Einstein không ?

— Albert Einstein, một nhà Bác-học trứ-danh ở Thế-kỷ XX này.

— Ừ. Einstein là bậc sư-phụ của Khoa-học hiện-đại. Được giải Nobel 1921, ông mới chết năm 1955. Một hôm có người hỏi ông về các « hiện-tượng thần-linh » ông đã trả lời : « Đó là chuyện phi-lý đối với chúng ta ». Nghĩa là riêng đối với lý-trí hầy còn hẹp hòi của loài người chúng ta, những chuyện đó không sao hiểu nổi. Einstein đã khiêm-nhượng nhìn nhận rằng lý trí của loài người, trí thông-minh và khoa-học của chúng ta, chưa đạt đến mức độ để hiểu được những chuyện huyền-bí ấy.

— Còn Minh, Minh cũng cho rằng chuyện Thần-Thánh ma quỷ không phải hẳn là chuyện mê-tín dị-đoan ?

— Chúng ta không nên lạm-dụng các danh-từ. Biết bao nhiêu

chuyện mê-tín dị-đoan, không riêng gì ở Việt-Nam, mà ở khắp các nơi trên Trái-Đất, cả các nước văn minh khoa-học tân-tiến, một phần dân chúng còn tin-tưởng, vì dốt nát, vì sợ-sệt, vì truyền-thống sai lầm đã ăn sâu vào thành-kiến. Thí dụ như ở nước ta, nhiều tục-lệ từ xưa còn lại, đều thật là những chuyện mê-tín dị-đoan. Điều đó không ai chối cãi. Nhất là trong các việc tế-lễ, trong các phong-tục về đám cưới, đám tang, thầy cúng, thầy phù-thủy, v.v... quả là còn nhiều điều mê tín, những tà-đạo đều hoàn toàn trái với lý trí của loài người, phản lại khoa-học. Nhưng... Vì ở đây phải đặt một chữ « nhưng... »

Ông Tú vừa nói đến đây bỗng nghe một tiếng cười ròn tan từ ngoài cửa. Ông Tú bà Tú quây ra : Ông Bính, giáo-sư Khoa-học ở Đại-học-đường, nói bổ-bổ lên :

— Ha ! ha ! Ông Tú Bà Tú nói chuyện nghe mùi mẫn quá. Tớ vào có phá rầy ông bà không ?

Bà Tú cười :

— Anh Bính, anh lại ngồi gần đây với chúng tôi cho vui.

Ông Tú bắt tay bạn rồi chỉ cái ghế phờ-tơi cạnh võng, mời

ông Giáo Bính. Bà Tú tiếp lời:

— Nhà tôi đang nói cho tôi nghe về vụ con Cá - Thần ở Quảng-Nam đây, anh Bính à.

Ông Giáo - sư Khoa - học lắc đầu cười:

— Làm gì có cá thần hay thần cá? Anh chị cũng cho là chuyện bớ-láo chứ gì? Thời đại nguyên-tử mà đồng bào ta còn mê-tín, dị - đoan, lạ thật nhĩ!

— Anh ơi, nhà tôi vừa bảo chưa hẳn là việc mê-tín dị-đoan đâu ạ.

— Tôi thì tôi nhất định không tin. Con cá hóa thần? Phi-lý! Thậm phi-lý! Có chăng là chuyện hồi xưa, hồi loài người còn sống trong thế-giới thần - thoại... Hồi mà cứ mỗi năm đến ngày 23 tháng Chạp ông Táo ngồi trên lưng con cá Chép để bay về Thiên - đình... Còn ở thời - đại nguyên-tử, thời-đại phi-thuyền bay lên Trăng, thì... xin lỗi, ai nói gì nói, tôi nhất định không tin.

Ông Tú điềm-nhiên, mỉm cười chậm điều thuốc hút rồi bảo:

— Nhân nói về Khoa - học nguyên-tử, chắc anh Giáo có đọc trong quyển *Industries Atomiques* (kỹ-nghệ Nguyên-tử),

phát-hành hồi tháng 1 năm 1958?

— Tôi chưa được đọc quyển đó. Nói gì trong đó, anh?

Ông Tú đứng dậy lại tú sách của ông rút ra quyển *«Industries Atomiques»*. Ông chỉ cho người bạn Giáo-sư Khoa - học Saigon một bài về *«Khoa-học và vũ-trụ huyền-bí»*. Trong bài này, tác giả là Giáo-sư Đại-học Thụy-sĩ G.B.C. Stueckelberg, trong Ủy - ban Nguyên-tử-lực Thụy-sĩ, có viết:

*« Il existe d'autres univers que le nôtre, qui n'ont, pour les raisons topologiques, aucun point de contact, sauf celui qu'on peut établir par ces phénomènes de télépathie que les psychologues commencent à admettre ».*

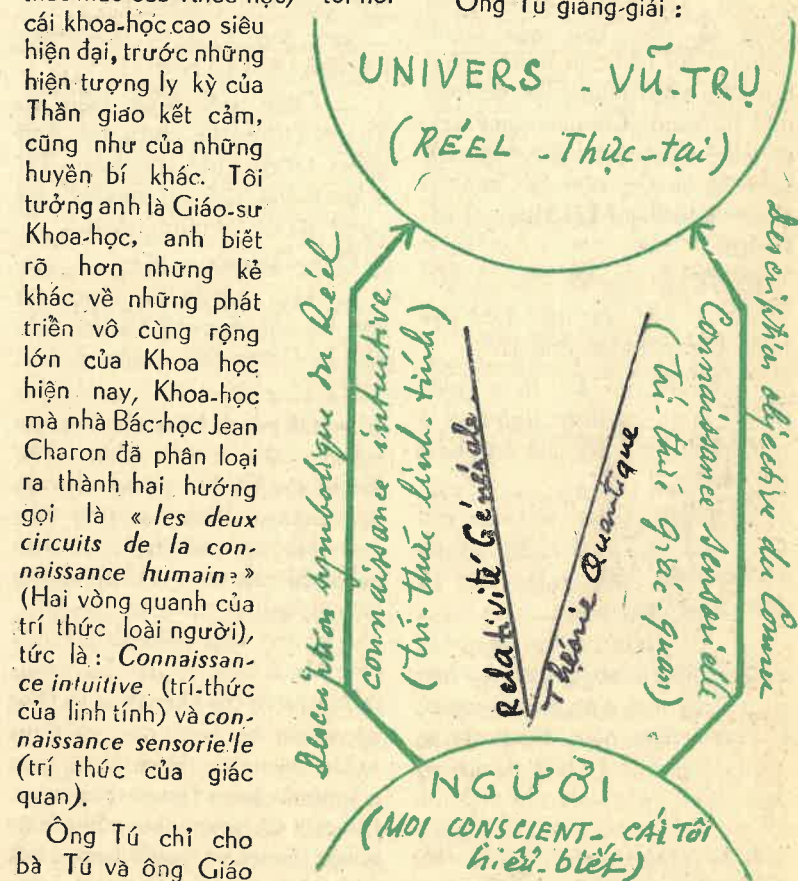
Anh cho phép tôi dịch-nghĩa ra cho nhà-tôi dễ hiểu:

«Ngoài vũ-trụ của chúng ta đang sống, còn nhiều vũ trụ khác mà vì những lý do địa-thể họ không có chỗ liên-lạc với chúng ta được, trừ một sự liên lạc nhờ các hiện tượng của thần giao kết cảm, mà các nhà tâm lý học đã bắt đầu công nhận là có ». Một câu tuyên bố như thế của một nhà bác học nguyên tử lực danh tiếng của Thế-giới chắc chắn không phải

là một lời nói của mê tín dị đoan. Trái lại, nó chứng tỏ sự thắc mắc của Khoa-học,—tôi nói

(Schéma du double circuit de la Connaissance):

Ông Tú giảng-giải:



cái khoa-học cao siêu hiện đại, trước những hiện tượng kỳ của Thần giao kết cảm, cũng như của những huyền bí khác. Tôi tưởng anh là Giáo-sư Khoa-học, anh biết rõ hơn những kẻ khác về những phát triển vô cùng rộng lớn của Khoa học hiện nay, Khoa-học mà nhà Bác-học Jean Charon đã phân loại ra thành hai hướng gọi là *« les deux circuits de la connaissance humaine »* (Hai vòng quanh của trí thức loài người), tức là: *Connaissance intuitive* (trí-thức của linh tính) và *connaissance sensorielle* (trí thức của giác quan).

Ông Tú chỉ cho bà Tú và ông Giáo sư Khoa - học cái biểu - thức vòng đôi của Trí thức con người như sau đây, do nhà Bác học Charon đã vẽ ra,

— Ở nơi **Con người** (Homme), chỉ có một **cái tôi-hiểu-biết** mà thôi, (*le moi conscient*). **Cái tôi-hiểu-biết** rất thấp kém,



giới hạn rất chặt hẹp đối với **Vũ-trụ** (Univers), bởi Vũ-trụ có **cái Thực-tại** (le Réel) vô cùng vô tận, bao quát mệnh mông. Cho nên con người phải tìm hiểu vũ-trụ bằng hai hướng: một hướng là *Connaissance sensorielle* (**Trí-thức giác quan**), và một hướng nữa là *Connaissance intuitive* (**Trí thức linh tính**)...

Bà Tú sợ ông Tú tiếp tục nói về Khoa học và triết học khó hiểu, liền nắm tay ông Tú:

— Mình ơi, *Trí thức giác quan* là gì, *trí thức linh-tính* là gì? Mình nói sao cho em hiểu cái đã.

Ông bạn Giáo-sư tùm tùm cười ngó bà Tú, thấy bộ mặt bà hồng nhèoh khả ái lạ, ông Tú diềm nhiên nói tiếp:

— Trí thức giác quan là những điều mình chỉ có thể biết được do ngũ giác quan: nghe, thấy, sờ, nếm, ngửi. Đó là những điều mình đã hiểu biết do nơi sự học hỏi, và mình chỉ có thể diễn đạt chủ quan những điều hiểu biết ấy (*Description objective du Connu*) trong phạm vi hiểu biết có giới hạn của con người. Nhờ cái trí-thức giác quan ấy, con người chỉ hiểu biết một vài khía cạnh nào của vũ-trụ mà thôi.

Đó là theo cái **Thuyết-Lượng-tử** (*Théorie Quantique*) của nhà Bác-học **Planck**.

Ngó ông Giáo-sư khoa-học Lê-Bính, ông Tú bảo:

— Chắc anh Bính hiểu rõ Thuyết Lượng-tử hơn tôi. Anh giảng hộ cho nhà tôi hiểu. Tôi đi gọi thẳng Năm lấy Bireley's và nước đá để tụi mình uống...

Ông Giáo-sư cười:

— Thôi, bỏ đề tôi đi gọi nó lên. Bỏ nói tiếp, chứ tôi nói chắc chị Tú không thèm nghe đâu.

Bà Tú cười:

— Đề em đi bấm chuông gọi thẳng Năm. Một phút thôi. Trong lúc Bà Tú đứng dậy đi, ông Giáo-sư Bính bảo ông Tú:

— Những thắc-mắc về các huyền-bí của vũ-trụ, kể cả những việc thần-linh của các tôn-giáo, như những việc mẫu-nhiệm của Đức Mẹ ở Lourdes, ở La-Vang, ở Trà-Kiêu, của Đức Phật và Đức bà Quan-Âm khắp nơi, và trăm nghìn việc mẫu-nhiệm khác, mà giảng-giải bằng Thuyết-Lượng-tử (théorie Quantique) của nhà Vật-lý-học Planck và thuyết Tương-đối *Relativité* của nhà Bác-học Einstein, thì tôi chịu thua. Vì khó mà chối cãi được. Anh giảng rõ như thế, chắc chị Tú thích lắm đấy.

Bà Tú tươi cười trở vào, ngồi

xuống bên chiếc võng cạnh ông Tú:

— Nào, Minh nói tiếp về cái Thuyết... gì của nhà Bác học Planck cho em nghe. Nhưng khoan, phải cho em biết Planck là ai đã nhé.

— **Max Planck** là nhà Vật lý học Đức (1858-1947). Được giải Nobel năm 1918, đã phát minh ra cái thuyết Lượng-tử, *Théorie Quantique* hay là *Théorie des Quanta*, căn bản của Vật lý học hiện đại. Theo thuyết đó, thì năng-lực phát-huy, *énergie rayonnante*, cũng như thể chất (matière) đều có một cấu tạo bất thường xuyên. Nó chỉ có dưới hình thức những *Quanta*. (Một Quantum là một lượng tử tối-thiểu về năng lực có thể được phát huy ra, hay thu hấp vào).

Trong lược-đồ (Schéma) của nhà Bác học Jean Charon vẽ trên đây, áp-dụng thuyết Lượng tử của Planck, về *Cái-Tôi-hiểu-biết* (le moi conscient) đối với vũ-trụ, tức là cái trí-thức giác-quan của con người, thì cái năng lực phát huy của cái chất hiểu biết đó là bất thường-xuyên, không liên-tục, rời-rạc, chỉ có một sự diễn tả chủ-quan và tối thiểu của trí thức mà thôi.

Đó là cái trí thức giác-quan

rời-rạc (*connaissance sensorielle discontinue*) của con người. Em hiểu không?

— Em hiểu. Minh nói tiếp đi.

— Đấy nhé. Xem lại cái lược đồ của Jean Charon, thì ta thấy cái bản ngã hiểu biết của con người đang tìm hiểu *vũ-trụ thực tại* (le Réel de l'Univers), có hai phương hướng, hay là nói theo Jean Charon là hai «vòng quanh» (double-circuit): Một là cái **trí-thức giác-quan rời-rạc** dựa theo thuyết Quanta của Planck, như anh vừa mới trình bày ra đó. Đồng thời, có một hướng thứ hai nữa của cái vòng đôi cảm-thông ấy đối với vũ-trụ, tức là cái hướng của **Trí-thức linh-tính** thường-xuyên (*Connaissance intuitive continue*), áp dụng theo thuyết *Tương-đối* (*Théorie Relativité*) của nhà Đại Bác-học **Einstein**. Em hiểu không?

— Không. Em nghe cái đoạn sau này sao mà bí quá, chưa lọt vào cái «bản-ngã hiểu biết» của em!

Ông Giáo-sư Bính cười hóm-hỉnh:

— Chị Tú làm bộ một cây!

Bà Tú cười:

— Mời anh dùng Bireley's, hơn là ngồi đó ngạo tôi.

Cả ba người cùng cười. Bà

trao một ly tận tay ông Giáo-sư, và một ly trao ông Tú:

— Mình với em uống chung một ly...

Ông Tú mời bạn, rồi uống vài hớp, trao lại cho vợ. Ông nói tiếp:

— Có gì mà không hiểu? Bởi cái thực-tại của vũ-trụ nó quá mênh-mông, nó vô cùng vô tận, nó vượt quá xa cái tầm *hiểu biết giác-quan* của con người, cho nên con người phải dùng đến cái *Linh-tính (Intuition)*, cái *Linh-tính* thường xuyên liên-tục (*Intuition continue*) để cảm thông với vũ-trụ. Theo cái thuyết *Relativité Générale* (Tương-đối tổng-quát), cái *linh-tính* của con người có thể diễn đạt được những huyền bí của Vũ-trụ bằng *tiếng nói tượng trưng* (langage Symboliques) của Thực-tại, thay vì *tiếng nói chủ quan* (langage objectif) của cái bản ngã trí giác. Thành thử, theo như Jean Charon có một sự hợp nhất dung hòa của hai hướng trí thức thành ra một *thuyết hợp nhất và khoa học* của sự hiểu biết Vũ-trụ (théorie unitaire et scientifique de la Connaissance du Cosmos). Khoa Vật-lý-học hiện đại (la Physique moderne) đã xác nhận cái vòng đôi trí thức (le double circuit de la Connaissance) như

vừa trình bày trên kia sẽ có ảnh hưởng sâu xa trong ý-thức hệ tôn giáo, đề rồi có thể phối hợp các tín điều tôn giáo trong ý thức hệ Khoa học hiện đại, thành ra một khoa phân giải tâm lý học (psychanalyse) mới, và những liên lạc bất ngờ giữa cái **Hiểu biết** của cá nhân và cái **chưa hiểu biết** của toàn thể. Hay là nói giản dị hơn, là giữa cái trí giác của Khoa học hiện đại và cái trí giác của khoa học tượng lai. Em hiểu chưa?

— Rồi... Nhưng, những lý thuyết Khoa học Mình đưa ra từ nãy đến giờ có liên quan gì đến vụ Con Cá Thần ở Quảng Nam?

— Em hiểu những lý thuyết đó, rồi em sẽ hiểu những điều giảng giải về tất cả các hiện tượng huyền bí của vũ-trụ. Con Cá Thần nếu quả có thật, (mà rất có thể có thật một phần nào, trừ ra những điều bịa đặt phóng đại của những người cuồng tín) chỉ là một sự xuất hiện thần linh trong phạm vi *Thực tại của vũ-trụ*, cái mà Khoa học hiện đại gọi là « *Le Réel de l'Univers* », cũng như những phép Mầu-nhiệm của Đức Bà Maria ở Lourdes, ở Fatima, ở La-Vang, và của các Đức Phật, của Đức Bà Quan-thế-Âm, hoặc của các vị Thần-

Linh khác, các vị Tiên, vị Thánh, v.v... ở những Thế-giới khác.

Bà Tú ngó ông Giáo-sư Khoa học:

— Anh nghĩ sao, anh Bính?

— Tôi công nhận những điều giảng giải khoa học của anh Tú từ nãy đến giờ là đúng. Đó đúng là khoa học hiện đại, tiến triển từ cái *bản ngã trí-thức* (le moi Conscient) đến cái thực tại vũ trụ (le Réel de l'Univers), hay là từ nhà Bác-học **Planck** đến nhà Bác-học **Einstein**, từ *Théorie des Quanta* đến *Théorie de la Relativité Générale*.

— Sao hồi nãy anh bảo anh không tin con Cá Thần?

— Tôi có thể không tin vụ Cá-Thần vì một là tôi không trông thấy tận mắt những điều linh-ứng của con Cá-Thần, theo lời thiên hạ đồn, hai là vì tôi đứng trên lĩnh-vực khoa-học thực nghiệm hiện đại mà phê-bình.

Ông Tú ngắt lời:

— Nhưng anh nên nhớ câu danh ngôn này của chính nhà Bác-học **Einstein**: « *Une théorie peut être vérifiée par l'expérience, mais aucun chemin ne mène de l'expérience à la création d'une théorie* ».

— Là sao, hả Mình?

— « Một học thuyết có thể được xác nhận bởi sự kinh-nghiệm; nhưng không có con đường nào đưa từ kinh nghiệm đến sự tạo ra một học thuyết. »

— Nghĩa là sao?

— Nghĩa là một học thuyết có thể được xác nhận là đúng do kinh nghiệm tìm hiểu của mình; chứ không thể lấy kinh nghiệm mà đặt ra một học-thuyết được. Thí dụ như khoa-học thực nghiệm (la science expérimentale) không thể nào tạo ra được một học thuyết về các huyền bí vũ trụ. Trái lại, chỉ có các học thuyết triết học hay khoa học là có thể nhờ kinh nghiệm xác nhận chân lý của nó mà thôi.

— Mình ơi, còn chuyện Ông Thần Cá?

— Hôm nay không thể nói hết được, vì là một vấn đề rộng lớn, quá rộng lớn. Hôm sau chúng ta sẽ đề cập cả đến một vài khía cạnh huyền bí của vũ-trụ với các nhà Bác-học mới nhất của Pháp, Mỹ, và Nga-Xô đã nghiên cứu về các hiện tượng lạ lùng của thần linh học. Vì chúng ta nên biết rằng **Khoa học tối tân hiện-đại của Tây phương và cả Nga-Xô** đã bắt đầu nghiên cứu về **các hiện tượng huyền bí**

của Vũ trụ, và đã tìm ra một vài tiêu chuẩn quan trọng. Kỳ sau, chúng ta sẽ đề cập đến những thuyết Khoa học mới lạ ấy, theo các báo cáo của các Hàn-lâm-Viện khoa-học Nga-xô và Tây-phương trong vài năm nay.

— Ừ, thôi đề hôm sau Mình nói tiếp cho em nghe nhé. Hôm nay đã nhiều rồi, và Mình mở đầu bằng các thuyết Khoa-học từ này đến giờ cũng đã đủ hiểu được phần nào rồi.

Quay lại ông Giáo sư, bà Tú hỏi :

— Hôm nay chủ nhật anh Bính đến chơi, hay anh có chuyện gì bí mật nói riêng với nhà-tôi, thì tôi xin rút lui đề hai

người nói chuyện ?

— Riêng tụi mình chả có gì bí mật cả, còn chuyện thiên hạ thì bí mật hiểm chi, nhưng dù chuyện gì có che đậy bùng-bít đến đâu rồi không sớm thì muộn ai cũng biết cả. Cho nên tôi cũng phát-mình ra cái thuyết triết-học là chuyện đời chả có gì bí-mật cả !

Ông Giáo sư phá lên cười ròn tan : ha ! ha ha !...

Bà Tú cũng cười :

— Anh bí-mật thật, anh Giáo à !

★ *Diệu-Huyền*

— Hết phần I

• Kỳ sau : phần II



★ **TRƯỜNG HỢP KHÔNG MAY**

Bác-sĩ Van Eyek đang ở cách Bệnh viện của mình 100 cây số thì được điện thoại cấp báo là có một thanh niên tên là Arthur Cunningham, vì chơi súng, đề súng nổ nhằm người.

Ông vội vã lái xe về để cứu người bị nạn. Xe chạy được một đôi thì gặp đèn đỏ, một người đàn ông mở cửa nhảy lên và ra lệnh :

— Chạy thẳng và nhanh lên !

— Tôi là nhà giải phẫu phải đi cứu một nạn nhân gấp, Van Eyek nói.

Người lạ mặt tiếp :

— Đừng cãi cớ lời thôi ! Tôi có sẵn khẩu súng đây !

Xe chạy được một cây số, người lạ mặt đuổi Van Eyek xuống và đoạt xe. Van Eyek phải loay hoay mất gần một tiếng đồng hồ mới mượn được một chiếc tắc-xi.

Khi nhà giải phẫu về đến Bệnh-viện Glens Falls thì được tin nạn nhân đã chết cách một tiếng đồng hồ vì ra máu nhiều quá. Van Eyek bước vào phòng đợi thì thấy người đoạt xe đang ngồi trên ghế, mặt úp vào 2 bàn tay ngời khóc nức nở. Đó là ông Cunningham thân phụ người bị nạn.

P. C.

**đóng cửa**

★ **THIÊN-THU**

(Đại-học Văn-khoa — Saigon)

Anh đã đi rồi

Chúa nhật này còn ai đến thăm em ?

Và những buổi mưa đêm

Còn ai ngồi nghe em tâm sự ?...

Anh đi ngày hôm qua

Thứ tư hay thứ bả

Em cũng không còn nhớ

Chỉ biết từ bây giờ

Thời khắc biểu của em không còn ngày chúa nhật.

Và tình cảm rạo-rực

Cũng chết ở lòng em

Như một ngọn đèn đêm

Vừa phụt tắt.

Em cũng không còn thắc-mắc.

« Mưa thế này anh có đến hay không ? »

Em cũng chẳng bàng-khuông :

Thứ bảy này sao trời lâu sáng quá !

Gió vô-tình vừa khép hờ cửa ngõ

Em ngồi yên nghe cô-độc tung-hoành

Còn chờ ai mà mở cửa phải không anh ?

## Bức thơ ...



\* Minh-Đức

Espagne, ngày 12-8-63

Bạn thân mến,

**T**HƯ trước lở trót hẹn với bạn rằng sẽ kể bạn nghe một vài nét đặc biệt về xứ Es-

pagne, vì cái chữ nhân đứng cạnh chữ ngôn (thành ra chữ tín) mà đêm nay tôi phải uống cà-phê thức đề giữ lời hứa ấy. Bạn bằng lòng chưa?

Nhưng thưa trước rằng tôi chỉ tả đại khái vậy thôi, vì nếu bạn đã có dịp đọc Byron, (nhà thi-sĩ lãng-mạn Anh-quốc) thì hẳn bạn đã nghe Chevalier Harold kể lè, hay và đầy đủ lắm rồi, phải

không bạn. « Ecrire est aisé, le difficile est de ne pas écrire ». Câu này của văn-sĩ Tolstoi thường nói, thật là đúng bạn nhỉ, vì lắm khi ngồi trước tờ giấy hẳn bạn cũng có lần ngập ngừng tự hỏi: nên viết gì vào đây, ý nào nên vứt đi, chữ nào nên giữ lại. Phải không bạn?

Thú thật với bạn cũng vì nghe Chevalier Harold kể lè nên tôi mới náo nức muốn đến viếng xứ ấy. Mặc dầu Espagne nổi tiếng là ăn uống rē, cái gì cũng rē, nhưng mà còn có những vấn-đề cản trở khác (thư trước tôi đã than thở với bạn rồi).

Bắt đầu thế nào đây bạn nhỉ hay cũng bắt chước Byron viết rằng « Oh, lovely Spain; renowned romantic land ».....

Mặc dầu vua Louis XIV đã nói câu: « Il n'y a plus de Pyrénée » khi ngài làm « sui » với xứ Espagne nhưng nếu ngài sống dậy và thử lái xe rồi ngài sẽ thấy là núi Pyrénée vẫn sừng sừng đàng trước đàng sau, bên trái, bên phải. Bạn coi chừng nhé, nếu có lái xe thì nhớ đừng có hăm nhiều mỗi lần xuống dốc núi mà bị cái « phanh » làm « reo » thì nguy lắm. Bao nhiêu người bị như thế, may cho chúng tôi là cái phanh lẹm rọ

ngay từ lúc vượt Massif central nên đã có chút kinh nghiệm.

Mặc dầu Saâdi nhà thi-sĩ trú danh Persian đã đảm bảo rằng « họa sĩ là cái giống vô ích nhất cho xã hội ». Nhưng đứng trước những phong cảnh hùng vĩ đẹp như thế thì đầu cho gõ đá cũng muốn cầm cái bút lông chấm vào màu, nhất là màu xanh, vì vũ trụ đầy cả màu xanh bạn nhỉ?

Nước Espagne, như bạn đã biết là xứ của người Celtibériens. Vào quãng thế kỷ thứ V trước J.C. người Phéniciens (Carthage) đến chiếm lấy, lập cơ đồ nhưng rồi bị dân La-mã đánh đuổi. Đến năm 711 lại bị dân Ả-rập đến chiếm ! !, v. v. ..

Chỉ trong vòng có mấy trăm năm mà ngày nay đến Espagne chúng ta còn thấy ghi lại rất nhiều kỷ niệm. Nếu bạn đã có dịp sang một xứ Ả-rập nào rồi thì khung cảnh của xứ Espagne đối với bạn sẽ chẳng có gì lạ lùng nữa. Từ kiến trúc nhà cửa, vườn, sân, lâu đài cho đến nếp sống và tính tình của dân tộc.

Sự phân chia của người giàu và người nghèo quá rõ rệt. Những ngôi nhà đồ sộ, vườn rộng, mái cao, tường dày, trắng toát đứng không chút ngưng

ngừng bên cạnh những đồng bào lụp xụp mái đá cũ kỹ rách nát. « Cái » giàu có thì khác nhau chứ « cái » nghèo thì nơi nào cũng giống nơi nào mà thôi.

Từ Paris sang Espagne có mấy lối đi, có lối đi dễ dàng, ít quanh co nguy hiểm thì lại phải làm « ko » chờ khám giấy thông hành hằng một hai cây số xe hơi, đây là lối Biarritz, lối Perthos. Trái lại lối về Portbou thì ít xe nên khỏi chờ, đỡ mất thì giờ nhưng đường đi thật hiểm trở. Những con đường bé nhỏ quanh quèo nhìn sang một bên là núi cao ngất bên kia là vực thẳm, lái không khéo thì có thể về châu ông bà chứ chẳng phải chơi. Đường Espagne nổi tiếng là gập ghềnh vì đất núi cần cỗi.

Dân Espagne ăn lắm mỡ nên phần nhiều những người tuy mặt trông còn trẻ mà đã có hai, ba cầm. Cổ nhiên là ở đâu quen mắt đó và những nhan sắc gầy gầy sang đây thì không được hoan nghênh lắm đâu.

Kề bạn nghe, Đến Portbou, trời đã tối mà đường còn nhiều núi quá nên tôi đành phải « hạ mã » tuy mới chỉ là biên giới nhưng trong một ngày mà đi 18 giờ đồng hồ Paris-Espagne gần một nghìn hai trăm cây số, thế cũng đáng được bạn khen rồi bạn nhỉ.

Thấy một khách sạn xinh xinh

hướng ra bề, tôi đến hỏi thuê nhưng phòng ở đầy hết cả. Người ta đưa đến ngôi nhà phụ (annexe) ồn như vỡ chợ mà lạ lùng nhất là trong ngôi nhà ấy phòng nào cũng không có cửa sổ chỉ có một cái lỗ thông hơi bọc lưới ở tít trên gần mái nhà. Tôi tức muốn khóc. Trời nóng gay gắt mà phòng không làm cửa sổ thế là thế nào, hẳn đây là ngôi nhà của một phú ông nhiều vợ. Tính các ngài vốn ghen nên làm những căn phòng như thế cho khỏi ai nhìn được những đóa hoa xinh đẹp của mình chẳng.

Đã hết đâu, sáng ấy ra đi sớm lại còn quên lấy giấy thông hành, bạn nhớ nhé, nếu có sang Espagne thì lúc rời phòng trọ đừng làm như tôi, vì họ sợ, chắc sợ không giả tiền nên họ mới giữ giấy thông hành của khách lại như thế. Trèo hơn mười lăm cây số núi mới sức nhớ ra, thế là đành quay trở lại bạn có tức giùm tôi không? Vì đất núi nên hai bên đường chỉ thấy những ruộng ngô xanh chạy dài ra thật xa. Đến thành phố nào cũng đầy cả người đứng ngoài đường (sao mà giống như ở Ả-rập thế). Ngay trong sách guide Michelin cũng đã có dặn bạn phải coi chừng, lái xe đừng cán vào chân người ta, vì đường không rộng lắm đâu.

Có lẽ tại trong nhà nóng bức

mà lại không có cửa sổ chẳng, chất là khi mặt trời bắt đầu tắt mọi người đều đổ xô ra đường rồi hoặc đàn hát; chuyện trò, ngồi quán cà-phê (quán nào cũng có hàng trăm chiếc ghế đề ngoài đường). Sự náo nức kéo dài đến một hai giờ sáng.

Phải đi qua những con đường núi này mới hiểu rõ nỗi lo sợ của các hành khách thời xưa. Quân cướp tha hồ mà hoành hành khó làm sao biết trước vì đường sá vắng tanh không có lấy một quán trọ, đây là ngay thời buổi này.

Tôi « đóng đô » ở Barcelone, và chỉ đi xem quanh quần mấy vùng lân cận, định đi thẳng sang Portugal như Chevalier Harold nhưng vì đường xa quá vả lại cả « chevalier » Minh-Đức lẫn « chevalier » Mèo đều mệt (nặng quá có lúc nó thè lưỡi ra như con chó) thôi đành phải hẹn năm khác vậy.

Ở Barcelone chẳng có gì lạ, thành phố thì nơi nào lại chẳng giống nhau, ồn hơn Paris cả chục lần vì đường phố còn bị cái nạn xe lửa điện chạy âm âm, thêm vào đấy tính nết của người Espagnol rất bộc lộ náo nức, người nào cũng nói rất to và rất nhanh. Mỗi người mỗi câu nghe thôi cũng đủ điếc cả tai.

Vì đi không lo giữ phòng trước (ít nhất là trước ba tháng) nên chúng tôi đành phú cho trời lo hộ, may quá đến Casteldefels tìm được một phòng trọ ở khách sạn Playafels khá dễ chịu, phòng hướng ra bề có đủ mọi tiện nghi chỉ phải cái hơi đặc so với xứ ấy. 600 pesetas một ngày, cả ăn, ở, tức là hơn một nghìn bạc một người. Cổ nhiên ở đây có bãi bể riêng, bạn vừa ra đến nơi thì đã có người chạy đến cầm dù nhắc ghế cho bạn nằm, ngồi. Phòng làm hai lần một ngày, tối đến lại có người đưa máy bơm vào dưới muỗi. Ngồi ăn có hai maître d'hôtel, năm bảy người hầu hạ, ban đêm thỉnh thoảng lại đốt pháo bông cho vui mắt khách trong bữa ăn.

Chỉ ngại nhất là mỗi buổi phải diện vì quốc tế thi nhau diện cả, nhất là các bà. Có những cô gái Anh, gái Đức suốt ngày chỉ dám nằm phơi rồi ra nhúng mình xuống nước chứ đâu có dám tắm sợ hồng mái tóc, tối đến lấy gì mà diện. Người ta nói đủ thứ tiếng ở đây không còn biết đâu với đâu nữa.

May quá gặp hai ông láng giềng người Pháp; ông Bentolila ở Toulouse và ông Voisin giám đốc hãng rượu appétitif Suze. Câu đầu tiên của ông Voisin lúc gặp tôi là hỏi « xứ cô có dùng nhiều rượu khai vị không ». Xong rồi họ ngồi mơ tính chuyện

sang nghỉ hè ở Việt-Nam. Đây là một nguồn lợi vô cùng nên từ mấy năm sau này ở các miền bề nơi nào cũng thấy đầy những khách sạn mới cất. Ở Espagne ngày xưa ít có du khách đến, nhưng từ độ chính phủ mở ngõ ra biết rằng không ai xài tiền bằng khách du lịch nên ra lệnh cho các cửa ải đều rộng mở. Ngay đến các ông «bô-lít» đứng đường cũng rất vui cười hòa nhã với du khách.

Sang Espagne có hai câu chuyện cần xem là nhảy Flamen-co và xem đấu bò, không ai có thể bỏ qua. Đấu bò thì trong thư trước bạn đã bị nghe kể rồi, còn nhảy flamenco thì bạn đi xem chiếu bóng nhiều chắc cũng đã ngấy. Tôi vác về một lô búp bê ngày nào bạn sang mà xem.

Người Espagnol nóng nảy nhưng hồn nhiên không lạnh lùng như những dân tộc khác. Quên kể bạn nghe, tôi có một ông bạn năm ngoái đi về phần này giữa đường có bạn bị hỏng xe dưới trời nắng gắt ông ta chẳng biết làm sao, chạy đi tìm được một chàng thanh niên đang nằm quạt mát dưới gốc cây. Ông bạn tôi vui mừng đến nhờ đây hộ xe (giả tiền) cố nhiên. Chàng thanh niên mỉm cười từ chối bảo rằng chiều nay đủ cái ăn rồi nên chẳng muốn làm việc thêm.

Một chú bé nữa đi về kể rằng ở hai tuần không muốn tắm vì nước bẩn quá, cuối cùng không chịu được chú bé đi mua hai chai nước Vitel về lau mình. Phải nhớ rằng vì chú ấy ở vào một miền quê rất nhỏ.

Đầu sao, đây chỉ là một câu chuyện đặc biệt kể bạn nghe vậy chứ xin bạn đừng tin rằng tất cả những người dân Espagne đều «ngoa triều» và sang đây phải chớ theo nước đề tắm thì nguy quá.

Ông Maranon một giáo sư đại học Espagnol đã từng lên tiếng kêu rêu rằng: «hai rỗi oan Thị Kính lớn nhất của xứ Espagne là chuyện ông Don Juan chuyên môn tán gái, và bệnh grippe Espagnol mà thế giới cứ nhắc hoài không quên.

Kể gì bạn nghe nữa, đến đây tôi lại muốn bắt chước một người. Người ấy yêu, nhưng lười viết thư, muốn tỏ tình, người ấy mua một quyển truyện, trong có mấy bức thư tỏ tình rất hay và người ấy chỉ việc gửi đến nhà nàng quyển sách với bức thư xanh vốn vẹn có mấy chữ: «Trang 18 giòng 1 đến giòng 30». Ký tên.

Còn tôi sẽ viết cho bạn rằng: Chevalier Harold nhà xuất bản Montaigne Paris trang 80, đến 111».

Bạn lại sắp cần nhắc tôi hay đùa rồi đấy. Hẹn bạn thư sau.

★ ●



★ **Thơ Con Cóc**  
(Em T.H. An-giang)

Chị Diệu-Huyền yêu,

Chị ơi! Tức cười quá, một ông «giáo-sư» dạy Việt-Văn lớp em đã chê «Thơ mới» là loại thơ con cóc. Em nghe ông ta nói em tức cười ghê.

Thưa chị, em tưởng người Việt-nam ai cũng mê yêu văn hóa của nước Việt-Nam chứ, thế mà ông «Giáo-sư» dạy Việt-văn sao lại mở miệng nói như vậy?

Em xin nói khế cho chị biết ông ta không có một bằng cấp nào cả, mà ông dám mở miệng nói rằng:

— Bằng cấp là một tờ giấy lộn mà thôi!

Vậy thì chúng em đi học đi thi làm gì, phải không, thưa chị?

em T.H.

Đệ Ngũ Khuyển-Học — An-giang

★ **Cá Thần**

Lời Tòa soạn: Về vụ «Cá thần», chúng tôi có nhận được rất nhiều thư và nhiều ý-kiến trái ngược nhau. Kỳ trước chúng tôi có đăng thư của một nhóm học sinh ở Đà-nẵng nói có. Nay chúng tôi xin đăng thư của một nhóm khác ở Phước-Mỹ nói không. Chúng tôi giữ địa-vị vô tư, không phê-bình, để bạn đọc tự-do phát biểu ý-kiến.

Phước-Mỹ ngày 21-8-1963

Kính gửi Ông Nguyễn-Vỹ chủ-nhiệm tạp chí PHỒ-THÔNG.

Kính Ông,

Chúng tôi một nhóm công chức và học sinh chánh quán Thượng-đức (Quảng-nam) đang cư ngụ ở Phước-mỹ Tiên phước và là độc-giả trung thành của PHỒ-THÔNG từ số 1 đến số 109 của Ông, chúng tôi rất thích những mục như:

«Tuần, chàng trai nước Việt», «Minh ơi», «Mồ hôi nước mắt», «Lợi ngược», v.v.. Nay chúng tôi xin mạo muội gửi lời kính thăm ông mạnh giỏi. Như dịp đọc **PHỔ-THÔNG** số 109, nơi mục «thơ bạn đọc» nói về «thần cá», chúng tôi hơi ngạc nhiên vì sự xảy ra nơi quê nhà tôi không giống với mẫu chuyện «Thần cá» trong mục «thơ bạn đọc» do học sinh trung-học P.C.T. Đà-nẵng viết. Nay tôi có vài lời nhờ Ông làm ơn cũng đăng ở mục «thơ bạn đọc», để đọc giả nhận lầm.

Ít tháng nay dư luận «Thần cá» ở Thượng-đức đã làm xôn xao nhân dân mầy vùng lân cận, đồng thời làm giàu cho giới xe đồ, lao công, và nhân dân địa-phương không ít, (một gói cơm muối 10\$, một bó lá đại 5\$, một vỏ chai bia 10\$, xe đồ chở cả người trên muôi, chạy ngày đêm không ngớt và biết bao cách thu tiền khác!!) Chúng tôi một nhóm học sinh trung học và công-chức đều có quê tại Thượng-đức, có gia đình bà con nhà cửa ở đây, chúng tôi có vẻ coi nên biết rõ, mặc dầu chúng tôi làm việc chỗ khác. Sự thật như vậy: Ở thôn Dục tỉnh. xã Lộc-Bình (khi xưa về quận Đại-lộc) nay về quận Thượng-đức, tỉnh Quảng-nam, có một bầu sâu hình dài rộng độ vài mẫu, tên là bầu Quyển ở sát núi, Gò-quao, liền sơn ra Túy-loan và dãy Trường-sơn vô tận. Bầu này xa quốc lộ trên 40 cây số ngàn, sát núi, xa xóm, kẻ như hoang vu, và có cá đồng thường. Mùa lụt vừa qua, nước sông Cái tràn vào, có một con cá «**MĂNG LỬA**» (mình đỏ) to dài độ 1 thước tây, (thứ cá măng này có khi to dài đến 2m, ở sông lớn, và dữ như cá xà cá mập ở biển vậy, nó ăn các cá khác và nguy cho ngư phủ, vì nó nhảy mạnh, có khi phá rách lưới và làm đắm thuyền nhỏ) thừa nước lụt lớn, vào trong bầu. Lúc này mùa hạ nước cạn xuống, cá ta chật hẹp, đôi khi vùng mạnh trên mặt nước. Một bà lão quê thầy cá đồ chót vẩy mạnh dưới bầu, thì cho là cá thần, sợ về cúng vái, đêm ngủ thầy thần ngư đèn báo mộng: «Thần xuống cứu dân độ thể». Vài ngày tiếp có một ông «lên đồng» ứng nói: «Đại ngư vương Bồ-tát giáng trần cứu dân độ thể tại bầu Quyển» và hứa ai múc nước bầu uống sẽ khá trăm bệnh, chữa bá chứng nan y». Thế là một đồn mười, mười đồn trăm, trăm đồn ngàn, ai nấy đem hương đèn đèn cúng vái nơi bầu, và múc nước bầu về uống. Chính dân địa phương ít người tin, và mỗi người nói mỗi cách khác nhau, nhưng họ đều nhất tâm một điểm này: lời nói không mất tiền, nói càng hay càng có lợi, có sao. Cá thần này các giới xe đồ thời phồng lên, không ngoài mục đích trục lợi. Trước sự mê tín công khai có hại cho công cộng,

bác sĩ trường ty y-tê Quảng-nam, đến tận nơi lấy nước về khám nghiệm và tuyên bố «nước ao tù có mầm sốt rét, kiết lỵ và thương hàn». Hiện nay Tòa hành chánh Quảng nam đã cho phổ biến thông cáo ấy khắp tỉnh, và các tỉnh lân cận. cảm nhân dân mức và uống nước dơ ấy. Không có vấn đề xán lựu đạn hoặc nổ mìn, cũng không có ai đau rồi được khá, chỉ có ít binh sĩ bắn vài phát súng, không để gì trúng cá lội dưới ao sâu, cái đó dân ở đây ai cũng nghe thấy. Vấn-đề lành bệnh, không ai thấy rõ ai lành bệnh nào, hỏi ai cũng nói nghe người ta nói vậy, nghe nói, nghe nói mãi, không ai có chứng cứ cụ thể xác thực. Còn nói gì những lời đồn đại thổi phồng, có lẽ nhiều người đã quá nhẹ dạ, căn cứ theo lời đồn đại thổi phồng và in trí là sự thật chẳng? Còn nhiều tin đồn đại động trời hơn nữa kia: như nước trị trăm vạn bệnh, các bác sĩ toàn quốc và ngoại quốc đều công nhận, hằng ngày có phi cơ trực thăng từ Sài-gòn ra chở nước đem về. Kể diều, què, câm, mù từ sơ sinh đều được khỏi, v.v..

Theo ý chúng tôi, trong thời đại khoa học nguyên tử này, không gì linh thiêng trừ ra khoa học. Thần, Thánh, Phật, Chúa, Tiên, Bà, nếu có, cũng không thể hành động như trẻ con, vì chỉ làm giàu cho một thiểu số xe đồ và dân địa phương này, trên sự khổ sở tồn kém mồ hôi nước mắt của bao kẻ mê tín ở xa khác. Nếu có linh thiêng thì thiếu gì việc làm khác: Như cho Cộng sản Việt nam cong tay hết, thì cứu biết bao là nhân mạng tài sản cho toàn dân, hoặc cho Cộng sản quốc tế lụn bại đi, thì phải là trăm họ an lành khỏi lo chiến tranh nguyên tử, và cứu dân độ thể toàn diện không? Xin quý bà con đọc giả xa gần suy xét và phán quyết.

Xin quý đọc giả miễn thứ. Chào tiên bộ.

**TRẦN-TU-LIÊU** và **NGUYỄN-NHỨT**  
đại-diện cho một nhóm học-sinh và công-chức  
quê ở Thượng-Đức

## TÌM CHA

Tôi tên Phạm-văn-Hiền, 48, Huyền-trần Công-chúa, Huế, sinh quán tại Lạng-Sơn, Bắc-Việt, hiện ở Huế, tìm cha là **Ô. PHẠM-VĂN-THẢO**, sang Pháp từ năm 1937 năm 1950 còn nhận được tin tức, do các người lính Việt ở Pháp về. Hiện giờ ở đâu? Bà con ở Pháp ai biết xin làm ơn mách giùm heo địa chỉ của tôi, hoặc trên mặt báo **Phổ-Thông**. Vạn tạ.

## TÌM VIỆC

● Nhận dạy Pháp-văn bổ-túc cho học-sinh THỔNG, TỬ-TÀI và sinh-viên dự bị Đại-học. Mỗi tuần 6 giờ học phí từ 150\$ đến 2:00\$ mỗi tháng. Ở xa, có thể học bằng thư. Hội Q. Thanh-Bình, 50 Ngô-đình-Khôi Phú-nhậu — trưa, tối.

● **T**HIẾU-nữ đứng đắn, đã có bằng T.H.Đ N.C. năm 1961, đã học hết chương trình Đệ-Nhị trường công, biết đánh máy chữ, có bằng tốt-nghiệp khóa huấn-luyện bán-quân-sự, tính nhân-nại, thích cố gắng, muốn tìm việc làm.

Xin nhờ Tạp-chí Phổ-Thông chuyển giao.

● **N**Ữ giáo-viên, có Tú-Tài I, muốn kèm trẻ em tại các Tư gia, từ Đệ-lục trở xuống. Hoặc làm những việc chi vừa sức ở Đô-thành. Địa chỉ do tòa soạn chuyển.

● **H**ỌC-sinh Đệ-nhất Phan-Chu-Trinh có bằng Tú-tài toán (hạng bình thứ), khá toán, lý-hóa; có tư cách đứng đắn, muốn kèm trẻ tại tư-gia ở tại Đà-nẵng, lương đủ sống để tiếp tục việc học.

Xin biên thư cho Phạm-minh-Tha K.B.C : 4361

(trao lại Phong)

● **N**AM sinh, 17 tuổi, có bằng T.H.Đ, N.C. khóa 26-4-1962. Gia đình nghèo. Tìm một việc làm, bất cứ việc gì. Biết đánh máy chữ.

Trần-Trường-Hận — Long-Xuyên.

## THƯ LÂM ÁN THƯ QUÂN

231-233, Phạm Ngũ Lão — Sài Gòn

Điện-thoại : 25.861

Số thương-mại Sài Gòn số 640 A

Số Quốc Gia Danh Bộ 25 129 54 001

- In sách báo, các loại sổ sách, giấy tờ văn phòng bằng Việt, Pháp, Anh
- Hán tự
- In lịch treo — Lịch bỏ túi — Nhân hiệu, bao hộp — đóng sách đẹp
- Cung cấp dài hạn ấn-phẩm, dụng cụ văn phòng cho công sở, tư sở, tại Sài Gòn và các Tỉnh.
- Có xưởng máy cung cấp các thứ phù hiệu cờ cho các hiệu đoàn, nhân cò áo (étiquettes) lớn, nhỏ đủ loại, đủ cỡ. Màu đẹp, bền không phai.
- ★ Gửi bưu phiếu thanh toán xin dùng Thiệp phiếu mẫu C.H. 1418 (do Bưu điện phát không) chuyển tiền vào Trương mục.

Sài Gòn T/M số 2701

THƯ LÂM ÁN THƯ QUÂN

- ★ Gửi tiền bằng cách này không tốn cước mandat và cò thư chi cả, lại được nhanh chóng và không sợ bị thất lạc.

## ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

### ★ Bạn Dương-văn-Mai Bình Tuy.

— Hiện giờ bên Pháp dùng đồng Franc thường, không còn dùng *Nouveau Franc* nữa. Theo thời giá hôm nay, 1 F = 15\$.

— Bên Pháp có nhiều trường Hàm-thụ lắm. Bạn có thể biên thư hỏi về lớp học Radio transistor tại trường Ecole Universelle, 59 Boulevard Exelmans, Paris XVI, hoặc: Ecole Centrale de T.S.F et d'Electronique, 12 rue de la Lune, Paris 2<sup>e</sup>.

### ★ Bạn Trung-sĩ Phính — T.Đ. Chiến-xa. Bão-An Chương thiện.

Đối với nhạc-phụ của em ruột mình, vấn đề xưng-hô không có tiêu chuẩn nhất định. Nhưng thường theo phép xã giao Việt-nam ta, thì sự xưng hô tùy theo tuổi tác của ông Suôi đối với thân-phụ mình. Nếu ông Suôi lớn tuổi hơn Ba mình thì dĩ nhiên mình nên gọi họ là *Bác*, vì chính thân phụ mình cũng theo lễ độ mà gọi họ là « anh » (Anh Suôi).

Theo nguyên-tắc, là sự xưng hô của mình nên tùy theo sự xưng hô của *Cha mẹ mình* đối với nhà Suôi, chứ không nên theo sự xưng hô của *em* mình.

— Khi đôi anh em ruột (đàng trai) kết hôn với đôi chị em ruột (đàng gái) mà người anh lấy cô em còn người em lấy cô chị, thì sự xưng hô nhất định là phải theo trật-tự tôn-ti của gia-đình bên *trai*, chứ không theo huyết-hệ của gia-đình bên *gái*. Nghĩa là, mặc dầu vợ của em ruột mình là *chị* vợ của mình, mình cũng gọi người *chị-vợ* đó là *em* (*em dâu*). Bởi lẽ người đó *vào làm dâu trong gia-đình mình, tức là sự xưng hô phải theo hệ-thống huyết-tộc của gia-đình mình*.

Tất cả mọi sự xưng hô trong các liên-hệ khác của hai bên nội ngoại, chồng vợ, đều theo nguyên-tắc lấy huyết-thống của gia-đình bên *trai* làm căn-bản.

*Thí dụ*: *Chú* ruột của mình lấy người cô ruột của vợ mình, thì mình phải gọi người *vợ* của chú mình bằng *Thím*, (chứ không gọi bằng *Cô*).

Hoặc *Chú* ruột của mình lấy một người em-họ của vợ mình, thì mình cũng phải gọi người em-họ *vợ* ấy bằng *Thím*.



★ **Bác-sĩ Trương Quý-Lâm 36 Ích Khiêm, Chợ-cồn Đà-nẵng**

Xin đồng ý về việc B.S. muốn trích thơ của N.V. đề đăng trong tác phẩm của B.S. Về hai bài của B.S. đã đăng trong P.T. bộ cũ, rất tiếc hiện nay chúng tôi không còn những số báo cũ ấy.

★ **Bạn Võ thị Diệu-Hiền, Kiến-Hòa**

Các quan diêm của bạn trình bày trong thư rất đúng với chủ trương của Phò-Thông. Rất tiếc không thể đăng được bài ấy.

★ **Ông Trịnh-Minh-Hoa, An-khê**

5-5-1954 = 3-4 — Giáp ngọ.

22-10-1954 = 26-9 — Giáp ngọ.

★ **Bạn Thái Quý Dalat**

O.O. = Các ông (Viết theo lối Pháp: M.M. = Messieurs (các ông)... M.Mmes = Mesdames (các bà))...

Sic: tiếng Latin: Đề sau một câu nói, hoặc một lời nói của một người nào, có nghĩa là: chép lại đúng như lời của chính người ấy nói.

— *Dịu* (tiếng nôm). Diệu (tiếng chữ).

*Dịu hiền*: dịu-dàng, hiền lành.

*Diệu hiền*: hiền lành, khéo léo

★ **Bà Hoài-châu, Thanh Yên**

Chúng tôi rất thông cảm với tâm sự của bà, bà có nhiều can đảm, sẽ vượt qua được.

Thư không tiện đăng.

★ **Ông Thái Thanh, Giáo sư Trung học Saigon**

— « Nec bene mendari risus componitur ore »

không phải là câu tục ngữ, mà là một câu thơ của Lygdamus, Thi sĩ latin, và có nghĩa là:

« Một nụ cười ngượng ngùng trên đôi môi nói láo »

— **Telesilla** là một Nữ Thi sĩ có danh tiếng của Hy Lạp (Thế kỷ thứ 6 trước J. C.) và cũng là một nữ anh hùng. Khi thủ đô Argos bị quân đội hùng hổ của Cléomène, vua Sparte, đến xâm chiếm, nữ Thi-sĩ Telesilla hăng hái hô hào dân chúng khởi nghĩa và chính nàng chỉ huy cuộc kháng chiến, đánh đuổi quân thù ra khỏi đất nước.

★ **Bạn Hà thị Thu-Vân, Ninh Hòa.**

— Lúc bạn sanh con sơ, Bác-sĩ phải dùng đến *forceps* vẫn không lôi đứa bé ra được, mà phải mổ trong lúc cháu bé không phải to con, là tại xương chậu của bạn hẹp.

— Mổ như thế, phải kiêng cử gần đàn ông cho đến khi nào vết may được hoàn toàn lành lại như cũ.

★ **Trả lời chung các bạn muốn trả lời bằng thư riêng.**

Chúng tôi rất tiếc không có thì giờ phúc đáp bằng thư riêng, trừ những trường-hợp đặc-biệt mà thôi. Xin đừng dán tem kèm theo « *đề trả lời* », đừng bắt-buộc chúng tôi phải trả lời bằng thư riêng. Mong quý bạn thông-cảm. Xin cảm ơn.

★ **Bạn Quỳnh-Mai, trường Trưng-Vương, Saigon.**

— Quốc-sách Ấp Chiến-lược: politique des Hameaux Stratégiques.

★ **Bạn B. Y. M. Y—Phong-Dinh**

Hai câu: *Minh-nguyệt sơn đầu kiêu*

*Hoàng cầu ngọ hoa tâm*

không phải là hai câu thơ, và không phải của một tác-giả nào cả. Chỉ là một giai thoại, nói về một chàng thư sinh học dốt mà làm phách, tự cho là mình giỏi hơn thiên hạ, thấy hai câu trên hẳn bảo: Sao lại « *Minh-nguyệt sơn đầu kiêu* » (Trăng sáng kêu trên đầu núi), trăng sáng làm sao kêu được? Còn câu dưới, hẳn cũng cho là vô lý, sao lại *Hoàng-cầu ngọ hoa tâm*? (chó vàng nằm trong hoa). Con chó làm sao nằm được trong lòng hoa? Hẳn liền chê người-viết hai câu kia là ngốc, và sửa lại: *Minh Nguyệt sơn đầu chiếu* (Trăng sáng chiếu trên đầu núi), và *Hoàng cầu ngọ hoa âm* (chó vàng nằm dưới bóng hoa). Không dè, sau có người học giỏi hơn, bảo hẳn: *Minh Nguyệt* đây không phải là trăng sáng, mà là tên một con chim. *Minh Nguyệt sơn đầu kiêu* là con chim Minh-Nguyệt kêu trên đầu núi. Trong câu thứ hai *Hoàng cầu* cũng không phải là con chó vàng, mà là tên một con sâu màu vàng, cái miệng nó giống như miệng chó: *Hoàng cầu ngọ hoa âm*, là con sâu Hoàng-cầu nằm trong lòng hoa.

Anh chàng tự-phụ kia rất là xấu hổ và từ đó lo đi học thêm, không dám ngạo mạn nữa.

Hai câu giai thoại trên dùng để dạy khôn cho những kẻ dốt mà phách lối, chê bai công kích những kẻ trí thức cao rộng hơn mình, và như thế chỉ làm trò cười cho thiên hạ.

— 22 tháng 11 năm Kỷ-mao = 1-1-1940.

★ **Ô Hoàng kim Thảo KBC 4574**

Về vụ ông nói đó, ông chỉ còn có cách làm đơn thưa tại Quận, nếu sau ba lần thúc-giục người ta vẫn không thanh toán món tiền ấy cho ông.

★ **Bạn Nguyễn - Mừng, Hội-An**

Bị « đau đầu kinh-niên, nhức-nhối trong óc » là bị bệnh thần-kinh, bạn nên đi Bác-sĩ và chữa ngay từ giờ, đừng để đau nặng. Không nên làm việc nhiều về trí óc. Tránh mọi sự lo nghĩ.

★ **Bạn Trung-sĩ Ngô-Minh KBC 6088.**

Thân-sinh của bạn mất ngày 9-12-1953, tức là ngày mồng 4 tháng 11, năm Quý-Tị.

★ **Bạn Trương-văn-Cầm, Đức-Dục.**

Xin đính chánh lại như sau đây : « Con **Đà-diều** (Autruche) chạy được 80km một giờ, nhưng có thể chạy nhanh hơn, đến 120km). Con Đà-Điều có cánh cụt lăm, không bay được nhiều.

— **Phượng-Hoàng** theo danh-từ trong các Thi-văn, xưa của Trung-quốc, là loại chim trong truyền-ký Tàu và thần-thoại Hy-lạp (Phénix), không có thật.

Theo danh-từ mới, chỉ con *aigle*, được coi như vua của các oài chim. Khác với chim *Ưng* (faucon).

★ **Ông Liêu-Chánh, Saigon.** Muốn in và xuất bản một quyển sách (cả sách viết bằng ngoại-ngữ, như trường hợp của ông), phải:

— Nộp tại Hội-đồng Kiểm-duyet Trung-ương, Saigon, 3 bản thảo đánh máy, kèm với một đơn xin kiểm duyệt, gửi ông Chủ-tịch Hội-đồng Một tháng sau, Kiểm-duyet xong, họ trả lại ông 1 bản có đóng dấu K.D. mỗi trang. Tác-giả đưa nhà in. Giá in và các điều-kiện ấn-loát, ông điều-dinh thẳng với một ấn-quán nào đó. Phải in đúng theo bản kiểm-duyet trả lại. In xong phải nộp bản (dépôt légal) cho Hội-đồng K.D. Việc phát hành sách được tự do tùy theo những phương-tiện của tác-giả, hoặc tự gửi bán nơi các nhà sách, hoặc thương-lượng với một nhà tổng phát-hành. Điều-kiện hoa-hồng và bán sách, lấy tiền, v.v... sẽ thực hiện tùy theo hợp đồng thỏa thuận và ký giữa tác-giả và nhà phát-hành.

★ **Ô. Ngô Xuân-Thọ, 512/3 Cao-Thắng.**

Đúng câu của Vua Tự-Đức khen Cao-bá-Quát và Tuy-lý-Vương, là: *Văn như Siêu-Quát vô Tiên-Hán, Thi đáo Tùng, Tuy thất Thịnh-Đường* (chứ không phải vô Tiên-Tấn).

★ **Ô. Nguyễn-phước-Bàn, Khu-phố B, Tam-kỳ**

Xe hơi không chịu chở mèo, sợ xe gặp tai nạn, vì theo tục mê-tín, dị-đoan, mèo bị coi như là một con vật thường gây ra xui-xẻo, tai-hại.

— Lờn đồn nếu con mèo nhảy ngang qua một xác chết, thì xác lấy ngời nhôm dầy, cũng là một mê-tín, hoàn toàn không đúng.

**CHIA BUỒN**

Vừa hay tin bà ĐÀO-PHI-PHỤNG đã mệnh chung ngày 9-9-1963 tại tư thất số 361/8 Phan-dình-Phùng, Saigon.

Chúng tôi xin thành-thật chia buồn cùng Bác-sĩ Nguyễn-văn-Ba và tang quyến và cầu nguyện cho hương hồn Bà được sớm tiêu-diêu nơi miền cực-lạc.

THƯ LÂM ÁN THƯ QUÁN và THIẾU-SƠN

**ĐÃ PHÁT HÀNH :**

**RỪNG :** thi tuyển của những người hai mươi

• bản thường 28\$ • bản đẹp 200\$

**CÁC BẠN YÊU SÁCH QUÝ XIN LIÊN-LẠC :**

**XUÂN-THAO :** 39, Phan-than-Giản — Đà-nẵng

**PHƯƠNG-TẤN :** 224, Bà-Hạt — Saigon

**BẢO - HIỂM**

• XE CỘ • GHE TÀU NHÀ CỬA  
• HÀNG HÓA • SANH MẠNG, V.V...

**VIỆT-NAM BẢO-HIỂM PHÁT BÀ**

(Viet-Nam Assurances)

Công-ty bảo-hiểm tất cả các loại rủi ro

**Société d'assurances contre les  
risques de toute nature**

*Siège social : 13 Pasteur, Saigon*

Téléphone : 23529

Adresse télég. Vietassur

R. C. Saigon

No 3618 B

**EM NHỎ MÔNG!**

Hay cho em uống

**THUỐC BAN NÔNG KIM-QUAN**  
(PAKEMID)

**NHÀ THUỐC TÂY KIM-QUAN**  
SỐ 1 NGANG-CHỢ BẾN THÀNH, SAIGON.

K.N. số 200 ngày 20-6-63

**MỸ-DUNG-LÔ**  
*Hồng - Nguyễn*

Làm cho da mặt mịn màng  
Tiêu tan các vết nám đen  
Các thứ mụn trên mặt,  
và hơn say cho trẻ em

Nhà thuốc **HỒNG-NGUYỄN**  
245, đại-lộ - Nguyễn-Hoàng  
Chợ Lớn

**Ở BÀN KHẮP NƠI**

K.N. số 242, NGÀY 20-6-63

## AI CÓ BỊNH NẶNG ?

Cần chữa khỏi : ai không bệnh, muốn khỏe mạnh ; Cụ già được sống lâu ; trẻ em mau chóng lớn... Xin đón đọc quyển « Những Điều Cần Biết Khi Dùng Thuốc Đông-Y » của nhà thuốc Kim-Điền xuất bản, gồm có 100 bài thuốc, trị 300 bệnh. hiện có biểu tại nhà thuốc 361 Phan-đình-Phùng Saigon, và các Đại-Lý Đặc-Quyền sau đây :

- Saigon : 361 Phan-đình-Phùng ; 146 Lê-thánh-Tôn ; 56 Tôn - Đản (Khánh-Hội) ; 27 Tôn-thọ-Trường. (Thị-Nghè) ; 131 Võ-di-Nguy (Phú-Nhuận) ; 531F Lê-văn-Duyệt (Hòa-Hung).
- Chợ-Lớn : 59 Tống-đốc-Phương.
- Bà-Chiều : 36 Châu-văn-Tiếp.
- Thủ-Đức : 10 Nguyễn-tri-Phương.
- Tân-Mai : Phú-Hậu, Công Trại Tân-Mai.
- Long-Thành : Quảng-chí-Đường, Quốc-lộ 15.
- Bà-Rịa : Thọ - An - Đường (hông chợ).
- Đà-Lạt : 3 Duy-Tân.
- Tây-Ninh : Khóm 2, Liên-gia 16/2, Chợ Ngã Năm, Long-Hoa.
- Rạch-Giá : 36 Đồng-Khánh
- An-Giang : 48 Võ-Tánh, 28 Phan-đình-Phùng.
- Ba-Xuân : Dân-Sanh, Chợ Phú-Lộc. Quận Thanh-Trị.
- Kiến-Hòa : 41 Lê-Lợi.
- Ba-Tri : Đông-Y-Sĩ Nguyễn văn-An (tại chợ).
- Phong-Dinh : 32/4 Bến Ninh-Kiều— 3/3 Gia-Long.
- Sa-Đéc : Thiên-địa-Nhon đường Phan - thanh-Giản.
- Gò-Công : 10 Võ-Tánh.
- Cai-Lậy : 214/1 Trương-vĩnh Ký (gần chợ).
- Mộc-Hóa : 7/33 đường Tự-Do (Mé Sông)
- Phan-Thiết : 119 Lý-thường Kiệt.
- Quận Ninh-Hòa : 66 Lê-Lợi.
- Qui-Nhon : 140 Võ-Tánh — 43, 47 Võ-Tánh.
- Quảng-Ngãi : Bà Võ-Tổ, Châu-Ồ, Quận Bình-Sơn.
- Quận Tam-Quang : Ông Khương - Duy - Đạm, Chùa Phật-Giáo.
- Huế : 29 Phan-bội-Châu.

Tại các Đại-Lý trên đây đều có bán đủ 100 món thuốc hiệu Kim-Điền. Cần thêm Đại-Lý Đặc Quyền ở các địa phương khác.

# HEPATIC

Ai đau gan?

NÊN DÙNG THUỐC



CÓ BÁN KHẮP CÁC NHÀ THUỐC Ở MỸ

# HEPATIC

Kiểm nhận số 350/BY.T. ngày 2-8-63

# CHAI MỚI

PHẨM CHẤT THƯỢNG HẢO

TRÌNH BÀY TUYỆT MỸ



Xi-rô Con Cọp: Cam, Chanh, Lựu, Bạc-Hà, Dầu, đóng vào 2 loại chai cũ 63cl quý vị đã biết và chai mới, CHAI HỘT-GẠO rất mỹ-thuật. Cả 2 loại chai đều cùng một phẩm chất Xi-rô như nhau.

Tinh chế với đường nguyên-chất và hương liệu trái cây, thảo-mộc chọn lọc, tươi tốt và đầy sinh-tổ, từ lúc chế-biến trong phòng lạnh cực tinh sạch đến lúc vô chai, mọi việc đều hoàn thành bởi máy móc, dụng cụ tự động tối tân, không một lúc nào cần nhờ đến bàn tay người. Xi-rô Con Cọp, loại CHAI HỘT-GẠO, giá rẻ mà phẩm chất vô song, khác hẳn với các thứ Xi-rô pha chế theo lối thủ công nghệ.

Thơm ngon tuyệt vị và cực tinh khiết, Xi-rô Con-Cọp, đóng CHAI HỘT-GẠO rất mỹ thuật, làm vừa ý mọi người và riêng thích hợp với các trẻ em trong những ngày nóng bức, cần có một thức giải-khát tiện dụng, ngon lành và hoàn toàn hợp vệ-sinh.

**KINH LÝ VĂN PHÒNG**  
110, đại lộ Nguyễn-Huệ — Saigon  
Điện-thoại : 23.187



**Phạm - văn - Lạng**

Giám - Định - Trắc - địa - sư  
Géomètre — Expert

373, Phan-thanh Giản

SAIGON

**Công - Ty Bảo - Hiểm**

**« LE SECOURS »**

Công-Ty Bảo-Hiểm và Liên-Hiệp Bảo-Hiểm những  
tai-nạn, hỏa-hoạn, hàng hóa, trộm cắp và tất cả các rủi ro.

Trụ sở chánh :

30-32, đường Laffitte — Paris (9ème)

Chi-Cuộc Viễn-Đông :

16, đại-lộ Nguyễn-Huệ (Charner cũ) Saigon

Điện - hoại : 20.461

- Bồi thường mau lẹ
- Nghị thức giản tiện

Khi hữu sự hãy hỏi thăm liền chớ ngần ngại — Mọi sự  
dễ dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo-hiểm.

**BAN . NÓNG . CẢM . HO**  
**Euquinol**

K.N. số 351/BYT 2-8-63

**POLYVIT C<sub>a</sub>**  
**TÉVÉTÉ**



**DÀN BÀ DƯỠNG-THAI và THỜI KỲ CHO CON BÚ**  
**TRẺ EM ỒM-YẾU, ÉO-ĐT, CHẬM HỌC RĂNG**  
**THUỐC BỔ MÁU, XƯƠNG, PHỔI**  
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM TRỪ AU-DƯỢC

K.N. số 251 BYT/QCDP/18-10-62

**GLUCOCÉ**  
**TÉVÉTÉ**



**KEO SINH TỐ**  
**CHỐNG MỆT-MỎI THỂ XÁC và TRÍ-OC**  
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM TRỪ AU-DƯỢC

K.N. số 252 BYT/QCDP/18-10 62

XỔ-SỐ KIẾN-THIỆT QUỐC-GIA

GIÚP NƯỚC THÊM NHÀ  
TA THÊM CỦA

3 LÔ ĐỘC ĐẮC  
mỗi lô :

1.000.000\$

Xổ Thứ Ba Hàng Tuần  
mỗi vé 10\$

Thần-Tài chẳng vị riêng ai  
cứ mua vé số  
thì Thần-Tài sẽ đến thăm

Giấy phép số 292 CDV/TT/NĐ ngày 9-10-1961

Quản nhiệm : NGUYỄN-VỸ

In tại THƯ LÂM ÁN THƯ QUÁN  
231-233, Phạm Ngũ-Lão — Saigon

BỔ - CÁO QUAN - TRỌNG về

DẦU CÙ-LÀ

MAC-PHSU

Kính thưa quý vị khách hàng,

Gần đây, vấn đề trí trá nhân hiệu và nhại theo hình thức ve Dầu Cù-Là MAC-PHSU để lừa gạt khách hàng đã hết hiệu quả vì bọn gian manh đã bị án tại Tòa.

Nay chúng lại giở thêm mảnh khỏe gian lận khác, tìm mua hộp và ve dầu của hiệu MAC-PHSU đã dùng rồi đem về lén lút rót vô thứ dầu do chúng pha chế giả mạo với dụng tâm gạt gẫm là dầu Cù-Là MAC-PHSU thứ thiệt để bán lấy lợi! Chúng nguyện tạo phàm được và danh hiệu, hành động vô lương này có thể gây tai hại đến sức khỏe khách hàng!

Đề tránh cho quý vị thân chủ khỏi nạn mua lầm thứ giả và vô tình mắc mưu gian trá của bọn chúng, kể từ thượng tuần tháng 6 dương lịch năm 1963, Nhà Thuốc MAC-PHSU kịp thời tăng phần bảo đảm cho quý vị bằng cách trình bày hai đặc điểm ngoài hộp và trong ve dầu như sau đây :

1. Hộp Dầu — Mỗi ve Dầu Cù-Là MAC-PHSU số 1 và số 2 vẫn được đựng trong một hộp giấy trắng in màu xanh dương như lâu nay nhưng cả hai nơi góc mở của nắp trên và nắp dưới đều có dán « Nhân Cầu Chúng » hình đàn bà Miên-Điện với hoa trắng cài mái tóc. Nhân tròn, in màu đỏ trên giấy trắng mỏng y theo đây.



2. Ve Dầu — Trên mỗi ve Dầu Cù-Là từ số 1 đến số 4 đều có dán 1 băng « Giấy Bảo Đảm MAC-PHSU » ngang qua nắp thiếc, hai đầu giấy dán sát mí nhân chai. Trong băng có chữ ký màu đỏ của bồn hiệu Chủ nhân in lên chữ MAC-PHSU màu xanh dương.

(xem tiếp trang sau)